

**PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH GÓP Ý BỘ, NGÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN 2050**

**1. Bộ Kế hoạch và đầu tư (Văn bản số 6183/BKHĐT-KTĐPLT ngày 02 tháng 08 năm 2023)**

<b>Stt</b>	<b>ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý</b>	<b>TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>
<b>1</b>	Đề xuất và sắp xếp các dự án sử dụng nguồn vốn công tại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	Toàn liên danh tiếp thu ý kiến kiến và sẽ bổ sung cập nhật sửa đổi sau khi thống nhất với các đơn vị hành chính
<b>2</b>	Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện một số quy định, chính sách liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Toàn liên danh tiếp thu ý kiến và đảm bảo báo cáo cuối kỳ tuân thủ theo hướng dẫn dẫn của Bộ

**2. Bộ Kế hoạch và đầu tư (Văn bản số 6918/BKHĐT-QLQH ngày 24 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Các số liệu, dữ liệu được sử dụng để phân tích, đánh giá trong báo cáo quy hoạch tỉnh tương đối đầy đủ, được trích dẫn từ các tài liệu chính thống, làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng phát triển và các giải pháp thực hiện trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, các số liệu phân tích hiện trạng được trích dẫn trong báo cáo quy hoạch đang theo những mốc thời gian khác nhau; do vậy, đề nghị thống nhất lấy mốc thời gian cuối là năm 2020 để làm cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng; đồng thời, các số liệu được sử dụng trong báo cáo quy hoạch phải đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với số liệu trong Niên giám thống kê đã được công bố, phải được trích dẫn nguồn thông tin, số liệu theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Toàn liên danh tiếp thu ý kiến</p>
2	<p><b>1. Về phần mở đầu</b></p> <p>a) Căn cứ lập quy hoạch</p> <p>Căn cứ lập quy hoạch tỉnh trong báo cáo quy hoạch về cơ bản đầy đủ, tuy nhiên đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản quan trọng làm căn cứ lập quy hoạch tỉnh như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;</li> <li>- Các Quyết định:</li> </ul> <p>Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch ngành quốc gia.</p>	<p>Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã cập nhật tại mục II. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>b) Về quá trình tổ chức và nghiên cứu lập quy hoạch tỉnh</p> <p>- Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Quy hoạch, một trong các nội dung thẩm định quy hoạch là thẩm định "<i>việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch</i>"; do vậy, đề nghị bổ sung, làm rõ quy trình lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p>	<p>Tư vấn tiếp thu và bổ sung mục II. Công tác tổ chức lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p> <p>Thông tin về quy trình lập quy hoạch tỉnh sẽ được tiếp tục được cập nhật theo thực tế từ nay nay đến cuối dự án</p>
	<p>- Hồ sơ xin ý kiến quy hoạch tỉnh Đồng Nai không thể hiện số lượng và yêu cầu về các nội dung đề xuất được tích hợp vào quy hoạch tỉnh; trong khi theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Quy hoạch, một trong các nội dung thẩm định quy hoạch là thẩm định "<i>Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện</i>"; do vậy, đề nghị bổ sung làm rõ việc tích hợp các nội dung đề xuất vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, trong đó lưu ý các nội dung đề xuất để tích hợp vào phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030 có tính khái quát cao nhưng vẫn phải đảm bảo đầy đủ các nội dung cơ bản phục vụ cho công tác quản lý và đủ điều kiện để triển khai quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sau khi quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Tư vấn tiếp thu ý kiến</p>
	<p><b>2. Về nội dung quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch</b></p> <p><b>a) Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh</b></p>	
	<p>- Về tài nguyên thiên nhiên và môi trường: nội dung phân tích, đánh giá về tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong báo cáo quy</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần I, Mục I, khoản 2.2; 2.3</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>hoạch hiện nay còn hạn chế; do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung: (i) Tài nguyên đất (bổ sung phân tích cụ thể về cơ cấu và phân bố các loại đất); (ii) Phân tích, đánh giá về tài nguyên du lịch; (iii) Hiện trạng về khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và đánh giá, dự báo về hướng sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>Đối với du lịch, đã tiếp thu bổ sung tại phần I, mục I, điểm 2.5</p>
	<p>- Đề nghị rà soát, bổ sung các số liệu về hiện trạng theo cả giai đoạn 2011- 2020 để thấy được diễn biến thay đổi của hiện trạng để có các nhận xét, đánh giá khách quan, chính xác.</p>	<p>Đã tiếp thu và tiếp tiếp tục bổ sung số liệu giai đoạn 2011-2015 cho một số bảng biểu</p>
	<p>- Về điều kiện xã hội: + Nội dung phân tích, đánh giá về dân cư, dân tộc, cộng đồng dân cư trong báo cáo quy hoạch còn sơ sài; đề nghị xem xét, phân tích rõ hơn về phân bố dân cư trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đề xuất phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và bổ sung</p>
	<p>+ Đề nghị xem xét, bổ sung các phân tích, số liệu về: (i) Cơ cấu dân số theo độ tuổi của tỉnh hiện nay để xác định dân số tỉnh Đồng Nai đang trong thời kỳ nào; (ii) Chất lượng dân số thông qua các chỉ tiêu về trình độ lao động, so sánh giữa tốc độ tăng dân số với tốc độ tăng trưởng kinh tế; (iii) Tính đặc thù của lao động tỉnh Đồng Nai; (iv) Việc thu hút lao động ngoài tỉnh và đội ngũ chuyên gia đến làm việc tại địa phương; (v) Điều kiện sống, mức độ thụ hưởng của người dân, trong đó đề nghị phân tích cụ thể về việc thu hút lao động ngoài tỉnh và đội ngũ chuyên gia đến làm việc tại tỉnh do đây là một trong các giả định quan trọng để xây dựng các kịch bản phát triển.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục bổ sung các phân tích và các giả định cho phù hợp với ý kiến góp ý của Bộ</p>
	<p>- Về vị trí, vai trò của tỉnh Đồng Nai đối với vùng và quốc gia: đề nghị xem xét bổ sung, đánh giá về vai trò, vị trí của tỉnh đối với sự</p>	<p>Bổ sung và trình bày tại Phần I, mục II, tiểu mục 4. Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của vùng Đông Nam Bộ thông qua một số khía cạnh như: đóng góp của tỉnh vào GDP của vùng; các chỉ tiêu về xã hội như dân số, lao động... so với vùng và cả nước.	
	- Bổ sung phân tích, đánh giá: (i) Về đặc trưng văn hóa, dân tộc, tôn giáo của người dân trên địa bàn tỉnh; (ii) Tác động của văn hóa, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Đã tiếp thu tại phần I, mục II, điểm 3. Tài nguyên văn hóa và khả năng huy động cho phát triển kinh tế
	- Bổ sung dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh (Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế; dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển văn hóa, xã hội; dự báo triển vọng, nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên và môi trường; dự báo nhu cầu kết cấu hạ tầng, ...) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế theo đặc thù của tỉnh được trình bày tại Phần III, mục 2 - kịch bản phát triển, tiểu mục 2.2.1. các yếu tố kịch bản. Các yếu tố kịch bản theo đặc thù, lợi thế của tỉnh là cơ sở đầu vào cho các giả định và căn cứ cho việc dự báo các chỉ tiêu kinh tế xã hội  Đối với lĩnh vực văn hóa, xã hội được trình bày trong Phần II, mục 2. Định hướng phát triển các ngành lĩnh vực quan trọng của tỉnh, tiểu mục iv. định hướng phát triển các sản phẩm du lịch theo đặc thù của tỉnh phù hợp với lĩnh vực văn hóa và xã hội
	- Bổ sung số liệu minh họa tác động của thiên tai trên địa bàn tỉnh, đồng thời phân tích, đánh giá thiệt hại do thiên tai và tác động của thiên tai đến phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua; đánh giá nguy cơ rủi ro thiên tai tác động đến phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới làm cơ sở đề xuất phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ quy hoạch.	Đã tiếp thu bổ sung tại Phần I, Mục I, khoản 1.5
	<b>b) Thực trạng phát triển tỉnh Đồng Nai</b> - Về thực trạng phát triển kinh tế:	Đã tiếp thu và bổ sung

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>+ Đề nghị bổ sung, phân tích số liệu về GRDP bình quân đầu người của tỉnh trong giai đoạn 2011-2020; đồng thời có sự so sánh về GRDP bình quân đầu người của tỉnh với trung bình cả nước và vùng Đông Nam Bộ; chỉ rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến tăng trưởng của tỉnh có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2011-2015 và gần như đi ngang trong giai đoạn 2015-2019.</p>	<p>GRDP bình quân đầu người cả giai đoạn 2011-2020 được trình bày ở Biểu đồ 21</p> <p>So sánh GRDP bình quân đầu người của Đồng Nai so với các tỉnh ĐNB và bình quân cả nước đã được trình bày ở biểu đồ 22</p>
	<p>+ Về năng suất lao động: để đánh giá về sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh trong thời kỳ 2011-2020, đề nghị bổ sung số liệu và các phân tích, đánh giá về sự đóng góp của các nhân tố: lao động, đầu tư và đặc biệt là đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), về chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động, nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động.</p>	<p>Đã trình bày nội dung đánh giá về năng suất lao động và đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) tại Phần II, Mục I, tiểu mục 1.2 “Chất lượng tăng trưởng kinh tế”</p>
	<p>- Về thực trạng phát triển các ngành kinh tế:</p> <p>+ Về hiện trạng phát triển nông, lâm, thủy sản: đề nghị bổ sung chuỗi số liệu từ năm 2011 đến năm 2020 để làm cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng; xem xét, làm rõ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh để có cơ sở xây dựng các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn, phát triển hợp tác xã hình thành chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực của tỉnh; phân tích, đánh giá bổ sung về thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; loại bỏ các nội dung đánh giá chi tiết về hiện trạng các loại cây trồng vật nuôi; bổ sung đánh giá hiện trạng sản xuất ngành lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2011-2020, đặc biệt khâu chế biến gỗ (Đồng Nai là một trong những tỉnh có kim ngạch xuất khẩu gỗ và đồ gỗ cao trên cả nước). Ngoài ra, cần đánh giá thực trạng vấn đề sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp và đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại phần 2, mục II, điểm 2.1 (các số liệu đánh giá thực trạng đã cập nhật từ 2010-2021)</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>trường quốc doanh hiện do các công ty nông lâm nghiệp quản lý bị người dân lấn chiếm. Khái quát tình hình chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 2011-2020; bổ sung đánh giá hiệu quả sử dụng đất về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường thời gian qua, đặc biệt hiệu quả sử dụng đất các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, độ che phủ rừng.</p>	
	<p>+ Về hiện trạng phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: đề nghị bổ sung các phân tích, đánh giá về khả năng phát triển phân ngành/nhóm ngành công nghiệp của tỉnh có lợi thế cạnh tranh; đồng thời bổ sung đánh giá về làng nghề giai đoạn 2011 – 2020, đặc biệt đánh giá việc bảo tồn và phương hướng phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn, vì đây là một trong các yếu tố làm cơ sở để phát triển du lịch của Tỉnh giai đoạn tới.</p>	<p>Đã trình bày phần đánh giá về tiểu thủ công nghiệp, các ngành công nghiệp của tỉnh có lợi thế cạnh tranh và đánh giá về làng nghề tại Phần II, Tiểu mục 2.2.1, phần h) Tiểu thủ công nghiệp</p>
	<p>+ Về hiện trạng phát triển các ngành dịch vụ: đề nghị phân tích sự đóng góp của du lịch vào GRDP của tỉnh; phân tích làm rõ thực trạng hạ tầng phục vụ du lịch; xác định các điểm nghẽn trong phát triển du lịch của tỉnh; bổ sung chỉ số về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh qua từng giai đoạn (2011-2015, 2016-2020) để có cơ sở đưa ra chỉ số tăng thêm của ngành thương mại; bổ sung các phân tích, đánh giá về hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh. Đề nghị phân tích, đánh giá và làm rõ tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2020 ở mức 6,4%, thấp hơn mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh (7,2%) và thấp hơn mức tăng trưởng ngành dịch vụ của cả nước (9,6%) trong cùng giai đoạn; đối với lĩnh vực dịch vụ logistic vận tải kho bãi (trang 153-158), đề nghị phân tích, đánh giá lợi thế so sánh về kho cảng của Đồng Nai trong</p>	<p>Đã có các chỉ số chi tiết của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng từ 2010-2020. Đã phân tích, đánh giá các kết quả đạt được và chưa được của ngành dịch vụ. Tuy nhiên, báo cáo Quy hoạch Tỉnh đã không tích hợp đầy đủ nội dung của chuyên đề 26.</p> <p>Đối với nội dung du lịch, đơn vị tư vấn đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục I, điểm 2.4-2.4.2</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>trung chuyển hàng hóa, những trở ngại hạn chế tác động đến việc phát triển dịch vụ logistics tại tỉnh; khả năng tận dụng kho cảng trên địa bàn để phát triển dịch vụ logistics. Đề nghị phân tích đánh giá vai trò của dịch vụ tài chính ngân hàng đối với phát triển kinh tế của tỉnh Đồng Nai trong kỳ quy hoạch và trong những năm tiếp theo.</p>	
	<p>- Về thực trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:  + Về thực trạng phát triển y tế: đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng phát triển hệ thống y tế tư nhân, các dịch vụ y tế; bổ sung đánh giá về khả năng cung ứng dịch vụ y tế trong lĩnh vực khám chữa bệnh theo tuyến, cụ thể: số lượt thực hiện khám chữa bệnh đã thực hiện tại các tuyến, tỷ lệ các ca bệnh phải chuyển tuyến đặc biệt là lên tuyến trung ương, công suất sử dụng giường bệnh... để thấy rõ năng lực đáp ứng của hệ thống các cơ sở y tế tại tỉnh Đồng Nai, dự báo nhu cầu khám chữa bệnh và phát triển hạ tầng y tế trong giai đoạn tới.</p>	<p>Đã rà soát, thể hiện tại phần I, mục II, điểm 1 của báo cáo NDĐX 34 (bảng 6, bảng 7)</p>
	<p>+ Bổ sung thực trạng phát triển khoa học, công nghệ, trong đó lưu ý đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung thực trạng phát triển khoa học công nghệ tại 4 chương II phần I trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.  Riêng hạ tầng khoa học và công nghệ đã có tại 2.5 mục 2 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>
	<p>- Về đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất: nội dung về tính hợp lý, hiệu quả sử dụng các loại đất trong báo cáo quy hoạch hiện này là việc liệt kê diện tích các loại đất; do vậy, đề nghị bổ sung các nhận xét, đánh giá về tính hợp lý, hiệu quả sử dụng các loại đất để đảm bảo phù hợp với tên đề mục và quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	<p>Tư vấn đã trình bày tại chương V. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI từ trang 39-58 ND ĐX09-PA phân bổ đất.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Về thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng;+ Về thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn: bổ sung đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.</p>	<p>Nội dung đánh giá về thực trạng xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chí được trình bày ở Phần II, mục 2, Tiêu mục 2.1.1, điểm e) Xây dựng nông thôn mới</p>
	<p>+ Bổ sung phân tích, đánh giá về đóng góp của các khu công nghiệp trong việc đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm, giá trị xuất khẩu; tình hình xây dựng nhà ở công nhân, các công trình văn hóa, thể thao cho người lao động tại các khu công nghiệp; đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu công nghiệp, khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng của tỉnh; rà soát lại tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp đã thành lập đảm bảo sự thống nhất số liệu trong toàn bộ báo cáo.</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung các đánh giá về thực trạng KCN và các đóng góp của KCN vào các khía cạnh kinh tế - xã hội của tỉnh vào Phần II, Chương IV, Mục 3.1 Khu công nghiệp</p>
	<p>+ Bổ sung phân tích, đánh giá về đóng góp của các cụm công nghiệp trong việc đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm; đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế - xã hội của các cụm công nghiệp, khả năng kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung các đánh giá về thực trạng CCN và các đóng góp của KCN vào các khía cạnh kinh tế - xã hội của tỉnh vào Phần II, Chương IV, Mục 3.2 Cụm công nghiệp</p>
	<p>+ Bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	<p>Đã đề cập thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng như KCN, CCN, hệ thống các khu, điểm du lịch, di tích, lịch sử văn hoá tại Phần II, Chương IV, mục 3. Thực trạng phát triển và bố trí không gian lãnh thổ theo các khu chức năng</p>
	<p>- Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: báo cáo chủ yếu mới phản ánh được hiện trạng từng ngành, lĩnh vực, đề nghị đánh</p>	<p>Đã tiếp thu và sẽ bổ sung trong kỳ báo cáo giai đoạn tới (giai đoạn 3)</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>giá bổ sung: (i) Đánh giá về chất lượng, mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống hạ tầng trong phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của người dân; (ii) Tình hình đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thời kỳ 2011 – 2020; (iii) Đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu; (iv) Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế.</p>	
	<p>+ Thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải: bổ sung việc đánh giá thực trạng mạng lưới giao thông, chỉ ra được mức độ đáp ứng yêu cầu về lưu chuyển hàng hóa và đi lại của người dân về khối lượng lưu chuyển và thời gian đáp ứng nhu cầu vận tải đối với đường thủy, đường bộ (đường tỉnh, đường huyện, đường xã), khả năng kết nối với các trung tâm trong tỉnh, vùng và quốc gia; phân tích đánh giá về vận tải bao gồm phương tiện vận tải, tình hình khai thác vận tải. So sánh với mức độ đáp ứng yêu cầu giao thông của các vùng phát triển lân cận và yêu cầu tiêu chuẩn để thấy được mức độ phát triển và đáp ứng yêu cầu giao thông của tỉnh và các khu vực trong tỉnh; xác định “điểm nghẽn” làm mức độ đáp ứng giao thông của tỉnh chưa đạt được yêu cầu và phải làm gì để giải quyết “nút thắt” này trong định hướng quy hoạch.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung “đánh giá thực trạng mạng lưới giao thông..., khả năng kết nối với các trung tâm trong tỉnh, vùng và quốc gia; phân tích đánh giá về vận tải bao gồm phương tiện vận tải, tình hình khai thác vận tải” trình bày tại Phần II, mục V, điểm “1.1.7 Đánh giá chung</p>
	<p>+ Thực trạng mạng lưới cấp điện đề nghị:</p> <p>(i) Bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu cấp điện trên địa bàn, đánh giá khả năng cung cấp so với nhu cầu tiêu thụ tại các trung tâm đô thị, khu công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, cụ thể:</p> <p>Đối với các dự án đang vận hành: bổ sung tình trạng vận hành các nhà máy điện trên địa bàn tỉnh, sản lượng điện sản xuất các năm giai đoạn trước.</p> <p>Đối với các dự án đang triển khai hoặc có trong quy hoạch: đề nghị làm rõ tình hình đầu tư các dự án nguồn điện, bổ sung danh mục các</p>	<p>Thể hiện tại đề 1.1. Thực trạng kết cấu hạ tầng điện lực (tr1.-tr.19 Hợp phần 28 (bản cập nhật tới ngày 09/07/2023)</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>dự án đang triển khai, các dự án chậm tiến độ. Tách danh mục các dự án theo: các dự án đang triển khai xây dựng; các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai xây dựng; các dự án đã có trong quy hoạch nhưng chưa phê duyệt chủ trương đầu tư.</p>	
	<p>(ii) Bổ sung đánh giá về tình trạng vận hành lưới điện, chất lượng cung cấp điện, khối lượng đầu tư lưới điện giai đoạn 2011 - 2020. Bổ sung tình trạng vận hành lưới điện 500 kV, 220 kV đi qua địa bàn tỉnh; khối lượng xây dựng, diện tích chiếm đất, nguồn vốn đã đầu tư giai đoạn trước. Đánh giá cụ thể về các khu đang bị quá tải lưới điện cục bộ bao gồm: Long Thành, Thạnh Phú, Bắc Sơn, Giang Điền; Bổ sung các chỉ số SAIDI, SAIFI, MAIFI các năm 2020-2022. Đề nghị bổ sung về sản lượng điện sản xuất hàng năm, sản lượng điện tiêu thụ hàng năm, sản lượng điện tiêu thụ.</p>	<p>Tiếp thu, tư vấn đang phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành (TTĐ Miền Đông 1, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai) và Sở công thương để cập nhật các số liệu, bổ sung dữ liệu</p>
	<p>+ Thực trạng hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế: bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất, mạng lưới cấp nước đô thị; đánh giá tổng thể phân vùng cấp nước trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu, phòng chống lũ, ngập úng; năng lực của các công trình (hồ chứa, đê điều, hệ thống kênh mương, ...) trong công tác phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Đánh giá khả năng chủ động ứng phó với thiên tai, BĐKH, khả năng giảm thiệt hại về người, về kinh tế do thiên tai gây ra. Tập trung phân tích các vấn đề còn tồn tại, các bất cập hiện nay và nhu cầu còn thiếu; đồng thời đánh giá sự phù hợp trong việc phân bổ và sử dụng nguồn nước, phân bổ về kết cấu hạ tầng công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai đã phù hợp với nhu cầu thực tế hay chưa.</p>	<p>Đơn vị đang tiếp tục thu thập dữ liệu từ Sở Nông nghiệp và bổ sung sau khi nhận được ý kiến đóng góp của UBND tỉnh</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p><b>c) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</b></p> <p>- Đề nghị xem xét, loại bỏ quan điểm phát triển thứ tư ... Khả thi hiệu quả: Phát triển chiến lược tuân thủ theo Luật Quy hoạch và phù hợp với năng lực của tỉnh, có sự phân công trách nhiệm thực hiện và lộ trình, giai đoạn rõ ràng... vì đây là quan điểm lập quy hoạch tỉnh, không phải quan điểm phát triển.</p> <p>- Về mục tiêu tổng quát: đề nghị xem xét cập nhật nội dung Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để biên tập mục tiêu tổng quát phát triển của tỉnh cho phù hợp, với lý do Nghị quyết số 81/2023/QH15 đã xác định hình thành, phát triển vùng động lực phía Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các địa bàn cấp huyện dọc theo trục Quốc lộ 22, Quốc lộ 13, Quốc lộ 1, Quốc lộ 51 qua các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng.</p>	<p>Đã tiếp thu và đã sửa đổi</p>
	<p>- Về mục tiêu cụ thể: tỉnh dự kiến tốc độ phát triển của khu vực dịch vụ giai đoạn 2021-2025 là 8,6%, giai đoạn 2026-2030 là 17,1% và giai đoạn 2021-2030 là 12,8%; cơ cấu khu vực dịch vụ giai đoạn 2021-2025 là 22%, giai đoạn 2026-2030 là 24% và 2 giai đoạn 2021-2030 là 29%. Đề nghị xem xét và cân nhắc các chỉ tiêu này cho sát tình hình thực tế và có tính khả thi (năm 2020 có tốc độ đạt 6,4%) trong điều kiện phát triển và đột phá của các ngành dịch vụ tỉnh Đồng Nai chưa thực sự nổi trội.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến đóng góp và sẽ tiếp tục trao đổi với UBND tỉnh để xem xét về tính khả thi và các động lực tăng trưởng kinh tế nhằm đưa ra chỉ tiêu phát triển phù hợp cho ngành Dịch vụ của tỉnh.</p> <p>Tốc độ tăng trưởng cả giai đoạn 2011-2020 của ngành Dịch vụ tỉnh Đồng Nai là 7,3%/năm. Trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tỉnh Đồng Nai kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều bước phát triển đột phá từ các hạ tầng trọng điểm quốc gia như sân bay quốc tế Long Thành, các tuyến đường vành đai, các KCN mới có quy mô có sức hút to lớn đối với các NĐT tầm cỡ do tận dụng lợi thế từ sân bay Long Thành. Qua đó, các ngành dịch vụ như Vận tải &amp; Kho bãi, Bán buôn &amp; bán lẻ, Du lịch, Tài chính &amp; ngân hàng sẽ có mức tăng trưởng lớn.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Thêm vào đó, với nỗ lực và quyết tâm cao của UBND tỉnh Đồng Nai trong việc chuyển đổi và đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, tăng hiệu quả kinh tế về việc sử dụng đất, các dự án và hạ tầng phát triển thương mại - dịch vụ sẽ tiếp tục được chú trọng nhằm đưa Đồng Nai đạt tỷ trọng ngành Dịch vụ tới năm 2030 vào khoảng 29-30% toàn nền kinh tế</p>
	<p>- Về tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị bổ sung một số chỉ tiêu khái quát đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050; GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người.</p>	<p>Đã cập nhật trong Phần III, mục 5. mục tiêu chi tiết</p>
	<p>- Báo cáo đã đưa ra 3 kịch bản phát triển, đề nghị phân tích, làm rõ các ưu điểm, hạn chế của từng kịch bản, luận chứng việc lựa chọn kịch bản. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp và định hướng phát triển phù hợp. Kịch bản được đề xuất lựa chọn là Kịch bản 2, (tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2021- 2025 đạt khoảng 7,5%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 12,4%/năm). Đề nghị bổ sung tính toán tốc độ tăng trưởng điện điện thương phẩm toàn tỉnh để đảm bảo phù hợp với Hệ số đàn hồi điện thương phẩm/GDP đạt khoảng 1,30 lần trong giai đoạn 2021- 2025; 1,22 lần trong giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quy hoạch điện VIII).</p>	<p>Đã giải trình ưu điểm và hạn chế của từng kịch bản được trình bày tại Phần III, mục 2 - kịch bản phát triển, tiêu mục 2.2.1. các yếu tố kịch bản</p> <p>Trong phương án điện được đề xuất dựa trên kết quả dự báo phụ tải, cân đối nguồn -tải ... Trong đó, dự báo phụ tải được tính toán dự báo để đáp ứng kịch bản nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; phương pháp dự báo được vận dụng đảm bảo tính phù hợp và chính xác yêu cầu, trong đó có sử dụng phương pháp hệ số đàn hồi; kết quả dự báo cho giai đoạn 31-50 sẽ được tính toán bổ sung ở giai đoạn kế tiếp.</p>
	<p>- Các mục tiêu cụ thể: đề nghị rà soát biên tập các nhóm mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương trên cơ sở tham khảo các chỉ tiêu cụ thể đã xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15; phân tích, làm rõ cơ sở tính toán, dự báo, phương pháp và cơ sở khoa học xác định các mục tiêu phát triển đặt ra. Đồng thời, đề nghị rà soát lại một số mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển cho phù hợp với tình hình mới, trong đó có nội dung triển khai</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến đóng góp và sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát cho phù hợp với tình hình mới, phản ánh nội dung triển khai chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 43/2022/QH15</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 cho sát với tình hình thực tiễn.	
	- Đề nghị luận cứ dự báo tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2030, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với chiến lược phát triển đô thị quốc gia 2021 - 2030, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát triển chung của vùng Đông Nam Bộ.	Đã tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục bổ sung luận luận cứ dự báo cũng phối hợp với UBND tỉnh để đảm bảo mục tiêu đô thị hóa phù hợp với thực tiễn phát triển
	- Báo cáo đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch; tuy nhiên về phương hướng phát triển các ngành chưa định hướng được những nhiệm vụ cụ thể cần ưu tiên thực hiện, chưa xây dựng được các giải pháp thiết thực để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch. Đề nghị luận chứng rõ hơn các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá của tỉnh.	Đã thu ý kiến và cập nhật nhiệm vụ trọng tâm. Về phương hướng phát triển các ngành đã được phát triển và phân tích sâu hơn trong các chuyên đề tương ứng của các ngành
	<p><b>d) Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh</b></p> <p>- Đề nghị rà soát, bổ sung phương án tổ chức không gian phát triển và giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <p>Đối với điểm b) Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh: Đã đề cập tại Phần III, chương III, mục 3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh</p> <p>Đối với điểm c) Đề xuất giải pháp phát triển ngành quan trọng của tỉnh: Đã đề cập đến các định hướng phát triển cụ thể cho các ngành quan trọng (công nghiệp, dịch vụ, nông lâm thủy sản) tại Phần III, chương II, mục 2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Về phương hướng phát triển ngành công nghiệp: trong luận chứng xác định các ngành quan trọng xác định có 05 ngành kinh tế đáp ứng các tiêu chí phát triển trong thời kỳ quy hoạch, trong đó có công nghiệp chế biến, chế tạo (chế tạo máy và cơ khí chính xác, điện, điện tử, sản xuất phương tiện vận tải, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm); tuy nhiên, trong phương hướng phát triển công nghiệp, nội dung về phương hướng các ngành quan trọng còn rất hạn chế, do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và đã cập nhật phần phương hướng phát triển của các nhóm ngành công nghiệp tại phần III, chương II, tiểu mục 2.1.3. Định hướng phát triển 5 phân ngành công nghiệp chủ lực</p>
	<p>- Về phương hướng phát triển dịch vụ:  + Về phương án phát triển du lịch: một trong những nguyên nhân dẫn đến du lịch của tỉnh chưa phát triển được xác định tại phần hiện trạng là do hạ tầng phục vụ du lịch còn hạn chế, do vậy, đề nghị bổ sung phương hướng phát triển hạ tầng phục vụ du lịch của tỉnh để hiện thực hóa mục tiêu tỉnh Đồng Nai trở thành trung tâm du lịch và dịch vụ chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra, đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung: (i) Phương hướng phát triển các tuyến du lịch, cụm du lịch và sự kết nối giữa các tuyến, cụm du lịch; (ii) Định hướng kết nối với các địa phương trong vùng để liên kết, khai thác và phát triển du lịch.</p>	<p>Đã tiếp thu tại phần III, mục IV, điểm 4.4 và phần III, mục VI, điểm 7</p>
	<p>+ Đối với định hướng phát triển dịch vụ logistics (trang 378): đề nghị bổ sung thêm các định hướng đối với dịch vụ logistics để bảo đảm thống nhất với quan điểm, mục tiêu chung của tỉnh và hướng tới phát triển liên vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước đồng thời phát huy tối đa lợi thế tiếp giáp với các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu...</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>+ Đối với việc quy hoạch các sân golf mới cần làm rõ, đánh giá kỹ về nhu cầu, hiệu quả đầu tư trên địa bàn, sự phù hợp với từng thời kỳ phát triển, việc bảo vệ tài nguyên, môi trường... tránh đầu tư tràn lan gây lãng phí nguồn lực đất đai; bảo đảm phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan, đồng thời đáp ứng quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf, Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.</p>	<p>Đã xin giải trình ý kiến Hiện nay trong phương án chỉ đưa các sân golf hiện có, không quy hoạch thêm sân golf mới trong giai đoạn 2021-2030</p>
	<p>- Về phương án phát triển ngành nông nghiệp: đề nghị rà loại, loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi để tạo sự linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành. Năm 2019, tỉnh Đồng Nai đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, do vậy mục tiêu phát triển nông thôn "Đến năm 2025, xây dựng tỉnh Đồng Nai đạt chuẩn nông thôn mới" là không phù hợp. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 của tỉnh trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa; giải pháp bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan gắn với phát triển du lịch tại nông thôn.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, Mục II, khoản 2.3.2; 2.3.3; 2.3.6</p>
	<p>- Về phương án phát triển y tế: cần xác định rõ vai trò của y tế dự phòng, y tế tư nhân, y tế công lập trong mạng lưới cơ sở y tế của tỉnh. Ngoài ra, đề nghị tỉnh phối hợp với Bộ Y tế rà soát các nội dung tại Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Y tế hiện đang chủ trì lập quy hoạch.</p>	<p>Đã rà soát, thể hiện tại phần III, mục VI, điểm 3 (phần II, mục II, điểm 1 của báo cáo NDĐX 34)</p>
	<p><b>đ) Phương án phát triển mạng lưới giao thông:</b> đề nghị xem xét, rà soát cụ thể định hướng quy hoạch các tuyến đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng</p>	<p>Thống nhất ý kiến: quy hoạch các tuyến đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021; đồng thời rà soát phương án phát triển mạng lưới đường tỉnh, phương án kết nối với hệ thống đường cao tốc, đường quốc lộ trên địa bàn.	định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Một số đề xuất khác như bỏ QH quốc lộ 13C, Kéo dài QL.20B, và điều chỉnh hướng tuyến QL.56B đã được thuyết minh giải trình lý do cụ thể trong báo cáo.
	<p><b>e) Về phương hướng phát triển hạ tầng năng lượng</b></p> <p>- Về nguồn điện: đề nghị bổ sung thời gian dự kiến đi vào vận hành các thủy điện: Phú Tân 1, Phú Tân 2, Thanh Sơn, Thác Trờì; bổ sung thông tin về dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3,4 vào báo cáo.</p>	Đã thể hiện tại tiểu mục 2.1.5 (tr.29-30)
	- Về danh mục lưới điện trên địa bàn tỉnh: đề nghị phối hợp với Bộ Công Thương, EVN rà soát cho phù hợp với Quy hoạch điện VIII và đưa vào trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đang được Bộ Công Thương xây dựng. Bổ sung nhu cầu điện các giai đoạn, nhu cầu đất cho công trình điện, khối lượng đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư các giai đoạn. Bổ sung định hướng phát triển hạ tầng cung cấp dầu, khí (nếu có).	Các dự án về lưới điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quy hoạch điện VIII tại Quyết định 500/QĐ-TTg đã được cập nhật. Các tài liệu liên quan khác về triển khai Quy hoạch VIII sẽ được Liên danh thu thập và cập nhật ở giai đoạn tiếp theo
	<p><b>e) Phương án phát triển các khu chức năng</b></p> <p>- Về phương án phát triển các khu công nghiệp: đề nghị rà soát, xây dựng phương án phát triển khu công nghiệp theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.</p> <p>Hiện nay, số liệu về diện tích đất khu công nghiệp đến năm 2025 và năm 2030 trong báo cáo quy hoạch không phù hợp với chỉ tiêu đất khu công nghiệp đã được phân bổ cho tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, đề nghị rà soát chỉ tiêu đất khu công nghiệp đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; đồng</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến.</p> <p>Hiện tại chỉ tiêu đất nói chung và đất phân bổ cho công nghiệp và các khu công nghiệp đang trong quá trình cập nhật và đề xuất phương án với UBND tỉnh. Đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục cập nhật trong quá trình hoàn thiện báo cáo.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thời rà soát diện tích đất khu công nghiệp đến năm 2025 theo đúng chỉ tiêu đất được Thủ tướng Chính phủ giao.	
	<p>- Về phương án phát triển cụm công nghiệp: theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ, đề nghị:</p> <p>(i) Bổ sung xây dựng các kịch bản phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn; trong mỗi kịch bản có thuyết minh đối với từng cụm công nghiệp gồm tên gọi, vị trí, diện tích, hiện trạng đất đai trên nguyên tắc hạn chế sử dụng đất đã quy hoạch trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; ngành nghề hoạt động (định hướng các ngành, nghề có tính liên kết, trong cùng chuỗi giá trị của sản phẩm, dịch vụ);</p>	Về phần CCN, không xây dựng các kịch bản phát triển mà định hướng dựa trên kịch bản phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp đã được lựa chọn phía trên. Danh sách các CCN quy hoạch giai đoạn 2021-2030 (bao gồm tên gọi, vị trí đến cấp xã, diện tích, hiện trạng, ngành nghề nghề thu hút) đã có tại Phần III, Chương IV, Mục 4.1.2 Cụm công nghiệp
	(ii) Giải trình cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp;	Đã tiếp thu, bổ sung cơ sở, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo
	(iii) Dự kiến tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng, thu hút lấp đầy và tạo việc làm cho người lao động địa phương;	Đã tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong chuyên đề về CCN
	(iv) Đánh giá khả năng kết nối hạ tầng kinh tế - xã hội ngoài cụm công nghiệp và các yếu tố thuận lợi, khó khăn;	Đã tiếp thu, các đánh giá về kết nối hạ tầng chung cho các CCN đã được bổ sung tại Phần III, Chương IV, Mục 4.1.2 Cụm công nghiệp. Chi tiết đánh giá cho từng CCN có tại Phụ lục 5 – Hiện trạng phát triển KCN/CCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
	(v) Đề xuất một kịch bản tối ưu làm phương án phát triển kèm theo danh mục các cụm công nghiệp dự kiến phát triển và thể hiện trên bản đồ gồm: Tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật;	Đơn vị tư vấn đã bổ sung các thông tin về CCN dự kiến phát triển trong thời kỳ 2021-2030 bao gồm tên gọi, diện tích, hiện trạng đầu tư, ngành nghề nghề thu hút) đã có tại bảng Phần III, Chương IV, Mục 4.1.2 Cụm công nghiệp

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(vi) Bổ sung giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư hạ tầng, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp; giải pháp đánh giá, xử lý hiện trạng môi trường của các cụm công nghiệp dự kiến trong phương án phát triển, đặc biệt cụm công nghiệp đã thành lập, hoạt động trên địa bàn và tổ chức thực hiện;	Đã tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong chuyên đề về CCN
	(vii) Lập bảng Danh mục riêng về cụm công nghiệp đã thành lập, cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020, cụm công nghiệp quy hoạch mới trong thời kỳ 2021 - 2030.	Danh mục CCN trong quy hoạch giai đoạn 2013-2020 đã có tại Phần II, Chương IV, Mục 3.2 Cụm công nghiệp
	Giai đoạn 2021-2030, tỉnh quy hoạch 31 CCN với tổng diện tích đất là 1.862,09 ha, đề nghị tỉnh làm rõ phương án xử lý các CCN có diện tích trên 75 ha, điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP quy định diện tích CCN không qua 75 ha. Mặt khác, đề nghị tỉnh làm rõ luận chứng về phương án phát triển CCN giai đoạn 2021-2030 phát triển mới 10 CCN đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.	Giai đoạn 2021-2030, tỉnh còn 3 CCN là CCN Thạnh Phú - Thiện Tân, CCN Phú Thạnh Vĩnh Thanh, CCN Quang Trung còn tổng diện tích trên 75 ha. Các CCN khác đã được điều chỉnh giảm diện tích xuống dưới 75 ha.  3 CCN đang có diện tích trên 75 ha đều có quyết định phê duyệt trước Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Quyết định số 105/2009/NĐ-CP (CCN Quang Trung (2004); CCN Thạnh Phú - Thiện Tân (2006) và CCN Phú Thạnh Vĩnh Thanh (2005)). Quyết định 105 có điều khoản chuyển tiếp, giữ nguyên các CCN đã có trước quyết định (2009).
	- Về phương án phân bổ các khu quốc phòng, an ninh: Đề nghị phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cập nhật nội dung quy hoạch sử đất quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử đất an ninh để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.	Đã tiếp thu ý kiến. Trong quá trình xây dựng phương án quy hoạch của lĩnh vực quốc phòng-an ninh đơn vị tư vấn sẽ thường xuyên cập nhật các nội dung theo quy hoạch quốc phòng-an ninh quốc gia cũng như thường xuyên làm việc và trao đổi với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p><b>g) Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện</b></p> <p>- Đề nghị bỏ các nội dung “Vùng thành phố Biên Hòa”; “Vùng thành phố Long Thành” bởi không phù hợp quy định điểm b khoản 1 Điều 28 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.</p>	<p>BCTH không có khái niệm “Vùng thành phố Biên Hòa”; “Vùng thành phố Long Thành”.</p> <p>BCTH có đề cập Khu vực Biên Hòa và phụ cận, khu vực Nhơn Trạch - Long Thành và phụ cận, Khu vực Long Khánh và phụ cận tại Phần III, Mục 5.1. “Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực”. Đó là các đề xuất liên kết phát triển xung quanh các đô thị lớn. Điều này không mâu thuẫn với các quy định của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung nội dung về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã trong Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, văn bản số 3501/BNV- CQĐP ngày 06/7/2023 của Bộ Nội vụ và văn bản số 6356/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh theo 02 giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.</p>	<p>Nội dung góp ý đã được thể hiện tại mục 6 về phương án phân bổ, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai đến năm 2030</p>
	<p><b>h) Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh</b></p> <p>Đề nghị rà soát, xem xét, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	<p>Đã tiếp thu tại phần III, mục VIII, điểm 2, 3, 4</p>
	<p><b>i) Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</b></p> <p>Đề nghị xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và thủy lợi theo Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn</p>	<p>Đã xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và thủy lợi căn cứ theo Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>đến năm 2050 (Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ).</p>	
	<p><b>k) Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh</b></p> <p>- Đề nghị khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác; khu vực thăm dò khai thác được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp. Đề nghị không đưa vào quy hoạch các khu vực mỏ không đảm bảo hiệu quả kinh tế, có chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường.</p> <p>- Đề nghị bổ sung cập nhật phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023.</p>	<p>Đã tiếp thu, thể hiện chi tiết tại Phụ lục của báo cáo và bản đồ khoanh định tài nguyên khoáng sản của tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Đã tiếp thu và tiếp tục cập nhật bổ sung đầy đủ lên phương án.</p>
	<p><b>l) Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện</b></p> <p>- Đề nghị rà soát các danh mục dự án đảm bảo thống nhất với nội dung về phương án phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và đảm bảo có sự thống nhất nội dung giữa dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh và báo cáo quy hoạch tỉnh; đồng thời, rà soát để đảm bảo danh mục dự án đề xuất đưa vào quy hoạch là các dự án quan trọng cấp tỉnh, có tính liên huyện và đóng vai trò tạo động lực,</p>	<p>Đã tiếp thu, thực hiện rà soát và cập nhật danh mục dự án đầu tư</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	cấp thiết đối với phương án phát triển của tỉnh theo phạm vi quy hoạch tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.	
	- Rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Đã tiếp thu, thực hiện rà soát lại và đánh giá các dự án có nguồn vốn công
	<p><b>n) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch</b></p> <p>- Về giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch: đề nghị bổ sung dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030 để thực hiện quy hoạch; làm rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.</p>	Đã tiếp thu, thực hiện rà soát và cập nhật danh mục dự án đầu tư
	- Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển còn thiếu sự gắn kết giữa các tỉnh trong vùng về phát triển kinh tế, hay xử lý các vấn đề về sự cố môi trường biển; hình thành các tour, tuyến trong liên kết phát triển du lịch liên tỉnh; hợp tác với các tỉnh lân cận trong việc hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối liên tỉnh, liên kết khai thác các khu vực có vai trò động lực của vùng; do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung.	Đã đề cập tại phần III, chương XIV, tiểu mục 7.3 Giải pháp liên kết, phối hợp đối với từng vùng, khu vực
	<p>3. Hệ thống bản đồ</p> <p>Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch thể hiện nội dung quy hoạch tỉnh về cơ bản đã phù hợp với quy định tại Phụ lục I Nghị định số</p>	Đã tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống bản đồ từ nay tới thời gian hoàn tất báo cáo dự án

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, tuy nhiên đề nghị rà soát, sắp xếp lại phân hệ thống các bản đồ theo quy định tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ; đồng thời sắp xếp hệ thống bản đồ theo đúng danh mục được liệt kê để dễ theo dõi, đánh giá; đồng thời cập nhật, bổ sung, hoàn thiện Hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch theo quy định của pháp luật.	
	<p>4. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>- Nội dung của báo cáo ĐMC về cơ bản tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung của báo cáo ĐMC theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời lấy ý kiến của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về nội dung đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường.</p>	<p>Đã rà soát, cập nhật các nội dung báo cáo ĐMC theo quy định; Đã chính sửa theo ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và môi trường tại công văn số 6950/BTNMT-MT ngày 21 tháng 08 năm 2023</p>
	<p>- Mục XV. Đánh giá môi trường chiến lược và các nội dung quy hoạch tỉnh đã tiếp thu, điều chỉnh theo khuyến nghị của đánh giá môi trường chiến lược. Đề nghị rà soát lại các nội dung thuộc mục này theo hướng nêu rõ các nội dung nào của báo cáo Quy hoạch tỉnh đã được điều chỉnh theo kiến nghị của báo cáo ĐMC. Bên cạnh đó, điều chỉnh lại tên bảng 167 (trang 849) hiện đang là “Ước tính tải lượng các chất ô nhiễm không khí từ các KCN, CCN tại TP. Hải Phòng”.</p>	<p>Báo cáo QH đã chỉnh sửa lại tên bảng.</p> <p>Báo cáo ĐMC đang tiếp tục cập nhật các nội dung góp ý đối với quy hoạch và nội dung quy hoạch đã được điều chỉnh theo góp ý</p>



**3. Bộ Nội vụ (Văn bản số 4083/BNV-CQĐP ngày 28 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Mục III Phần Mở đầu “Căn cứ lập quy hoạch”: Đề nghị bổ sung các văn bản: (1) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; (2) Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022); (4) Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022) và (5) Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.</p>	<p>Đã tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>
2	<p>Mục IV Phần III “Phương án phát triển hệ thống đô thị - nông thôn và các khu chức năng”</p> <p>- Khoản 1.3 “Phương án nâng loại đô thị”: Đề nghị chỉnh sửa Bảng 75 theo hướng xác định rõ tên, số lượng đô thị được nâng loại trong giai đoạn đến năm 2030 và tách nội dung định hướng tầm nhìn đến năm 2050 thành một cột riêng, trong đó lưu ý việc phân loại đô thị cần tính đến phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Kết luận số 48-KL/TW và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.</p>	<p>Đã tiếp thu và phản ánh vào bảng 75: Tóm tắt định hướng hệ thống đô thị đến năm 2030, tiêu mục 1.3 “Phương án nâng loại đô thị”</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3	<p>- Khoản 6 “Phương án phân bổ, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai đến năm 2030”:</p> <p>+ Đề nghị chỉnh sửa nguyên tắc, quan điểm, mục tiêu sắp xếp, thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính theo đúng chủ trương của đảng và pháp luật của nhà nước. Theo đó, chỉnh sửa quan điểm: “hạn chế tối đa việc điều chỉnh số lượng đơn vị hành chính” thành: “thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định”.</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu. Theo đó điều chỉnh theo góp tại tiểu mục 6.2.1 và tiểu mục 6.2.2 thuộc mục 6 về phương án phân bổ, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai đến năm 2030</p>
4	<p>+ Bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh theo 02 giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 (theo Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030).</p>	<p>Đã bổ sung tại tiểu mục 6.3 thuộc mục 6 về phương án phân bổ, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai đến năm 2030</p>
5	<p>Mục XIV Phần III “Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch”: Đề nghị bổ sung giải pháp về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành” theo hướng bám sát các nội dung, định hướng về công tác cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào Mục III “Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch”, chương XIV</p>

**4. Bộ Thông tin và Truyền thông (Văn bản 2782/BTTTT-VCL ngày 14 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Đề nghị nghiên cứu Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch để xác định rõ hạ tầng thông tin và truyền thông là hạ tầng kỹ thuật và điều chuyển các nội dung của hạ tầng thông tin và truyền thông đến mục phù hợp trong dự thảo. Hạ tầng thông tin và truyền thông bao gồm hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng báo chí và truyền thông thuộc kết cấu hạ tầng kỹ thuật quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Đề nghị xây dựng mục tiêu phát triển và phương án phát triển dựa trên nghiên cứu và đánh giá về hiện trạng các lĩnh vực của hạ tầng thông tin và truyền thông. Trong bản dự thảo, rất nhiều nội dung về hiện trạng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng báo chí và truyền thông chưa được đề cập đầy đủ, vì vậy việc xây dựng các chỉ tiêu, mục tiêu và phương án phát triển chưa mang tính thuyết phục, chưa thể hiện tính logic và sự cần thiết phát triển</p>	<p>Đã xin tiếp thu và giải trình ý kiến. Do đặc thù tại Đồng Nai, một vài nội dung, số liệu hiện trạng hiện nay chưa có. Đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin- Truyền thông tỉnh Đồng Nai tiếp thu, nghiên cứu và chỉnh sửa ý kiến trong thời gian sớm nhất.</p>
2	<p>Trang 6, mục 3. Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và mục 4. Thông tư, văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, đề nghị bổ sung những căn cứ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025.</li> <li>- Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến</li> </ul>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>năm 2025. - Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.</li> <li>- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.</li> <li>- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.</li> </ul>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 6/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 2259/QĐ-BTTTT ngày 07/12/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành chiến lược phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 2119/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành chiến lược phát triển lĩnh vực báo chí giai đoạn 2021-2025.</li> <li>- Quyết định số 1385/QĐ-BTTTT ngày 07/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành chiến lược phát triển lĩnh vực báo chí giai đoạn 2021-2025.</li> <li>- Quyết định số 1381/QĐ-BTTTT ngày 07/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành chiến lược phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025.</li> </ul>	
3	<p>Trang 253, mục 1.3. Thực trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, đề nghị bổ sung hiện trạng phát triển mạng lưới báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh, bao gồm hiện trạng phát triển cơ sở báo chí, xuất bản in và phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại.</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung ý 1.3.3 tại tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4	<p>Trang 255, phần d. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế xã hội, đề nghị bổ sung hiện trạng sử dụng thư điện tử, văn phòng điện tử, chữ ký số chuyên dùng..., chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước và đánh giá sự sẵn sàng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số của tỉnh. Bổ sung hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm, hiện trạng triển khai nền tảng số (nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP, nền tảng số của các ngành, lĩnh vực...).</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung điểm d ý 1.3.1 tại tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
5	<p>Trang 255, nội dung an toàn thông tin mạng, đề nghị điều chuyển nội dung “Hoàn thành hạ tầng hệ thống giao ban điện tử...thực hiện trên môi trường mạng” sang mục phù hợp. Nội dung phần này cần tập trung mô tả hiện trạng an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.</p>	<p><b>Đã điều chỉnh nội dung</b> “Hoàn thành hạ tầng hệ thống giao ban điện tử...thực hiện trên môi trường mạng” sang mục “<i>Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh – LGSP</i>” tại tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
6	<p>Trang 257, phần f. Kinh tế số, xã hội số, đề nghị bổ sung những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế số: hiện trạng và đánh giá về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các tổ chức, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế số; hiện trạng và các chỉ tiêu cụ thể về số lượng doanh nghiệp xây dựng website; số lượng doanh nghiệp kinh doanh trên mạng xã hội; số lượng doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; số lượng doanh nghiệp kinh doanh trên các nền tảng di động...; số lượng doanh nghiệp sử dụng các phần mềm kế toán, quản lý khách hàng (CRM), quản lý chuỗi cung ứng (SCM) và quản trị nguồn lực doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung thêm hiện trạng, chỉ tiêu hiện trạng của doanh nghiệp tham gia kinh tế số trên địa bàn tỉnh tại điểm f- kinh tế số ý 1.3.1 tại tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</li> <li>- Đã bổ sung thêm hiện trạng kỹ năng số của người dân và doanh nghiệp số tại điểm h- Thực trạng kỹ năng số của người dân và doanh nghiệp tại tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp</li> </ul>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>ngành (ERP); số lượng doanh nghiệp sử dụng chữ ký số...; số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cấp chính quyền...;</p> <p>- Kỹ năng số trong cơ quan nhà nước: đề nghị bổ sung hiện trạng phát triển kỹ năng số trong các doanh nghiệp, kỹ năng số của người dân (số lượng người dân có thể sử dụng thiết bị công nghệ số, ngân hàng số; số lượng người dân có kỹ năng số cơ bản, có kỹ năng sử dụng phần mềm; số lượng người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến ít nhất một lần trong năm).</p>	
7	<p>Trang 258, phần a. Thực trạng hạ tầng bưu chính, đề nghị bổ sung tỷ lệ bưu gửi/người; đường thư cấp 2, 3; địa chỉ số, bản đồ số bưu chính; đánh giá sự phát triển bưu chính đối với nhu cầu thương mại số, logistics trong đặc thù của tỉnh như nông nghiệp, làng nghề... và bổ sung hiện trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính.</p>	<p>Hiện tại các dữ liệu về này Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai không có số liệu hoặc không quản lý (<i>Theo CV số 2120/STTTT-BCXBTTBC ngày 08/08/2023</i>). Do vậy chưa thể bổ sung và đánh giá.</p>
8	<p>Trang 259, phần b. Thực trạng hạ tầng viễn thông, đề nghị bổ sung những nội dung sau:</p> <p>- Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. - Hạ tầng mạng thông tin di động theo công nghệ và theo loại hình cột ăng ten, vùng lốm sóng, đơn vị hành chính chưa có hạ tầng thông tin di động, hạ tầng mạng cáp quang.</p> <p>- Hạ tầng mạng truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh.</p> <p>- Hiện trạng chuyển đổi trạm thu phát sóng thông tin di động từ A2a sang A1; hiện trạng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng cáp (cột treo cáp, cống bê...).</p>	<p>- Đã bổ sung hiện trạng Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (<i>Theo CV số 2120/STTTT-BCXBTTBC ngày 08/08/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai</i>) tại điểm b- Thực trạng hạ tầng viễn thông ý 1.3.2 tiêu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Đã bổ sung hạ tầng thông tin di động theo công nghệ và theo loại hình cột ăng ten, vùng lốm sóng, đơn vị hành chính chưa có hạ tầng thông tin di động, hạ tầng mạng cáp quang tại điểm b- Thực trạng hạ tầng viễn thông ý 1.3.2 tiêu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Hiện trạng hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; hạ tầng số đến hộ gia đình và đánh giá sự sẵn sàng của hạ tầng viễn thông chuyển dịch thành hạ tầng số.</p> <p>- Nguồn nhân lực viễn thông</p>	<p>- Đã bổ sung Hạ tầng mạng truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh tại điểm b- Thực trạng hạ tầng viễn thông ý 1.3.2 tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng tuyến truyền dẫn cụ thể Sở TT-TT hiện chưa có, cần đi khảo sát, điều tra tại các doanh nghiệp viễn thông (Theo CV số 2120/STTTT-BCXBTTBC ngày 08/08/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai).</p> <p>- Về hiện trạng chuyển đổi trạm thu phát sóng thông tin di động từ A2a sang A1; hiện trạng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng cáp (cột treo cáp, công bê...) Sở TT-TT không có số liệu, cần đi khảo sát, điều tra tại các doanh nghiệp viễn thông (Theo CV số 2120/STTTT-BCXBTTBC ngày 08/08/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai).</p> <p>- Đã bổ sung Hiện trạng hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; hạ tầng số đến hộ gia đình và đánh giá sự sẵn sàng của hạ tầng viễn thông chuyển dịch thành hạ tầng số và Nguồn nhân lực viễn thông điểm b- Thực trạng hạ tầng viễn thông ý 1.3.2 tiểu mục 1.3 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
9	<p>Trang 593, mục 3.1.1. Mục tiêu phát triển, đề nghị xác định rõ mục tiêu phát triển của hạ tầng viễn thông. Những mục tiêu phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến... không thuộc nội dung của phần này.</p>	<p>- Đã chỉnh sửa, cập nhật lại mục tiêu phát triển hạ tầng viễn thông tại 3.1.1 Tiểu mục 3.1. Phương án phát triển hạ tầng viễn thông, Chương V, Phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Đã bỏ ra những mục tiêu phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến.</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
10	<p>Trang 594, mục 3.1.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, đề nghị:</p> <p>Điều chuyển những nội dung mang tính chỉ tiêu, mục tiêu đến mục phù hợp; loại bỏ những nội dung chỉ mang tính mô tả, định nghĩa như loại công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm...</p>	<p>- Xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại 3.1.2 Tiểu mục 3.1. Phương án phát triển hạ tầng viễn thông, Chương V, Phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
11	<p>Trang 594, mục 3.1.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, đề nghị:</p> <p>Nghiên cứu điều 27, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 để xác định rõ khái niệm, phạm vi hạ tầng viễn thông: tuyến viễn thông quốc tế; quốc gia; liên tỉnh; hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh từ đó xây dựng phương án phù hợp với sự phát triển của hiện trạng phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>
12	<p>Trang 594, mục 3.1.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, đề nghị:</p> <p>Bổ sung phương án/quy hoạch vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động theo giai đoạn, vùng lõm sóng/vùng chưa có sóng thông tin di động, vùng chưa có cáp quang; phương án tắt sóng 2G,3G; phương án phát triển hạ tầng mạng cáp, hạ tầng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm theo giai đoạn. Phương án phát triển mạng thông tin di động, mạng cáp quang, hạ tầng viễn thông thụ động cần phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị tại trang 497, phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp... tại trang 514, phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tại trang 543. Phương</p>	<p>- Đã chỉnh sửa và bổ sung phương án quy hoạch vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, vùng lõm sóng/vùng chưa có sóng thông tin di động, vùng chưa có cáp quang; phương án tắt sóng 2G,3G; phương án phát triển hạ tầng mạng cáp, hạ tầng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm tại 3.1.2 Tiểu mục 3.1. Phương án phát triển hạ tầng viễn thông, Chương V, Phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Đối với tính liên kết, tích hợp với các hạ tầng kỹ thuật, đơn vị tư vấn xin tiếp ý kiến, sẽ tiếp tục nghiên cứu và chỉnh sửa trong thời gian tới.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>án phát triển phải dựa trên việc xây dựng các hạ tầng đồng bộ có liên quan nhằm đạt tính khả thi khi thực hiện quy hoạch. Các phương án phát triển hạ tầng viễn thông thể hiện tại bản dự thảo này chưa được xây dựng phù hợp và chưa thể hiện rõ sự liên kết, tích hợp với các hạ tầng xã hội - kỹ thuật khác trong quy hoạch tỉnh để bảo đảm có sự thống nhất quan điểm, mục tiêu, không gian phát triển và giải pháp thực hiện quy hoạch nhằm đạt tính khả thi khi thực hiện.</p>	
13	<p>Trang 595, mục 3.2. Phương án phát triển hạ tầng bưu chính, đề nghị thể hiện các mục tiêu và phương án cụ thể về phát triển bưu chính số, mạng vận chuyển, chuyển đổi số trong bưu chính, chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử góp phần thúc đẩy chính phủ số, xã hội số ... Đề nghị nghiên cứu những định hướng phát triển tại Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 để xây dựng bổ sung phương án phát triển hạ tầng mạng lưới bưu chính ngoài phương án xây dựng trung tâm bưu chính Vùng.</p>	<p>- Đã cập nhật lại mục tiêu phát triển lĩnh vực bưu chính tại 3.2.1 Tiêu mục 3.2. Phương án phát triển hạ tầng bưu chính, Chương V, Phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Đã chỉnh sửa, bổ sung thêm phương án phát triển hạ tầng bưu chính tại 3.2.2 Tiêu mục 3.2. Phương án phát triển hạ tầng bưu chính, Chương V, Phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
14	<p>Trang 596, mục 3.3. Phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đề nghị:</p> <p>- Xây dựng phương án dựa trên nghiên cứu về hiện trạng phát triển về công nghệ thông tin của tỉnh để làm rõ tính liên kết, logic giữa nội dung hiện trạng và định hướng/phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin. Phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin chưa phù hợp với định hướng phát triển ngành.</p>	<p>Đơn vị xin tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu và sẽ bổ sung trong thời gian tới</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
15	<p>Trang 596, mục 3.3. Phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đề nghị:</p> <p>- Nghiên cứu và bổ sung những phương án/định hướng phát triển căn cứ theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bur chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.</p>	<p>Đơn vị xin tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu và sẽ bổ sung trong thời gian tới</p>
16	<p>Trang 596, mục 3.3. Phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đề nghị:</p> <p>- Bổ sung mục tiêu và phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; mục tiêu và phương án phát triển kinh tế số, xã hội số, nhân lực số, đô thị thông minh, công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>- Đã bổ sung thêm mục tiêu và phương án ; mục tiêu và phương án phát triển kinh tế số, xã hội số, nhân lực số, đô thị thông minh, công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Do bố cục và tính tổng quát của Báo cáo thuyết minh tổng hợp, đối với mục tiêu và phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm sẽ được cập nhật , bổ sung tại đề xuất số 32 “Phương án phát triển hạ tầng</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công nghệ thông tin, viễn thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050”
17	<p>Trang 596, mục 3.3. Phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đề nghị:</p> <p>- Bổ sung mục tiêu và phương án phát triển hạ tầng chính quyền số, hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ của các cơ quan chính quyền các cấp, quản lý đô thị thông minh; xây dựng hệ thống dữ liệu mở, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong hoạt động kinh tế; chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong các cơ quan nhà nước.</p>	<p>Đã bổ sung và phương án phát triển hạ tầng chính quyền số, hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ của các cơ quan chính quyền các cấp, quản lý đô thị thông minh; xây dựng hệ thống dữ liệu mở, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong hoạt động kinh tế; chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong các cơ quan nhà nước tại 3.4 chương V phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
18	<p>Mục 3.5. Phương án phát triển hạ tầng phát thanh, truyền thanh, truyền hình tại trang 598; mục 3.6. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng báo chí, xuất bản tại trang 599; mục 3.7. Phương án phát triển hạ tầng thông tin đối ngoại, thông tin điện tử, mạng lưới thông tin cơ sở tại trang 599 chưa thuyết phục do không được xây dựng dựa trên hiện trạng phát triển của tỉnh.</p>	<p>Đơn vị xin tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu và sẽ bổ sung trong thời gian tới</p>
19	<p>Trang 799, mục 3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án, đề nghị rà soát và bổ sung nội dung cho phù hợp với hiện trạng, mục tiêu cụ thể và phương án phát triển của từng lĩnh vực thuộc hạ tầng thông tin và truyền thông.</p>	<p>-Đối với các dự án thuộc hạ tầng thông tin- truyền thông trên địa bàn tỉnh chủ yếu đến từ nguồn vốn của các đơn vị viễn thông</p> <p>- Đơn vị tư vấn sẽ rà soát và cập nhật các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trong thời gian tới</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
20	Đề nghị bổ sung hệ thống bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch theo đúng hướng dẫn tại công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/08/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn kỹ thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.	Đơn vị xin tiếp thu, sẽ phối hợp với Sở TT-TT để hoàn thiện hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu theo đúng quy định

**5. Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch (Văn bản 3192/BVHTTDL-KHTC ngày 03 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p><b>Về căn cứ lập quy hoạch (trang 4-9) đề nghị:</b></p> <p>Rà soát lược bỏ một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</li> <li>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.</li> </ul>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>
2	<p>Bổ sung một số văn bản quản lý chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa năm 2001; Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2001.</li> <li>- Luật Du lịch năm 2017.</li> <li>- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.</li> <li>- Luật Thể dục thể thao năm 2006; Luật số 26/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao năm 2006.</li> <li>- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát</li> </ul>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.</li> <li>- Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến năm 2030. - Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của</li> </ul>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.</p> <p>- Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.</p>	
	<p>Rà soát, bổ sung các quy hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch thuộc danh mục được phép tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ về việc bổ sung các quy hoạch tại phụ lục danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Đã tiếp thu rà soát danh mục được phép tích hợp vào quy hoạch tỉnh đối với toàn bộ nội dung liên quan đến lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch</p>
	<p>Tại mục 2. Tài nguyên thiên nhiên (trang 23) đề nghị bổ sung nội dung đánh giá khái quát tài nguyên du lịch (gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa, lịch sử) cũng như hiện trạng và tiềm năng khai thác cho phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần I, mục 2.5. Tài nguyên du lịch</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Tại mục 3. Tài nguyên văn hóa và khả năng huy động cho phát triển kinh tế (trang 31) đề nghị không sử dụng thuật ngữ “di tích phổ thông” và sửa lại thành “1.500 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trong danh mục kiểm kê”.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần I, mục II, tiểu mục 3. Tài nguyên văn hóa và khả năng huy động cho phát triển kinh tế</p>
	<p>Tại mục IV. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh (trang 43) đề nghị bổ sung đánh giá phạm vi, cường độ, tần suất và tính bất thường của các thiên tai biến đổi khí hậu; đánh giá về tác động của thiên tai, BĐKH đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và kinh tế xã hội; dự báo cụ thể về thiên tai, biến đổi khí hậu dựa trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020 của Bộ Tài nguyên và môi trường.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần I, Mục IV, khoản 1, 2</p>
	<p>Tại mục c. Dịch vụ du lịch (trang 148-153) đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung các nội dung đánh giá hiện trạng ngành du lịch tỉnh Đồng Nai, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung đánh giá hiện trạng xây dựng, phát triển các loại hình sản phẩm, dịch vụ du lịch trên cơ sở khai thác các tài nguyên du lịch trên địa bàn Tỉnh.</li> <li>- Các số liệu và nội dung đánh giá hiện trạng đóng góp của ngành du lịch vào tổng GRDP toàn Tỉnh.</li> <li>- Nội dung đánh giá hiện trạng các thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế đến tỉnh Đồng Nai giai đoạn vừa qua.</li> <li>- Nội dung đánh giá hiện trạng các tuyến du lịch nội tỉnh, liên vùng và cả nước.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục I, điểm 2.4-2.4.2</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Tại mục 3. Thực trạng phát triển văn hóa, thể dục thể thao (trang 176- 185) đề nghị bổ sung các nội dung đánh giá và số liệu cụ thể khái quát toàn bộ hoạt động của các lĩnh vực trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch:</p> <p>Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng, kết quả bảo tồn các di sản văn hóa, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Di sản văn hóa phi vật thể: Kiểm kê, lập hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Đề án bảo tồn các Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh; Đề án bảo tồn các Di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Chế độ đãi ngộ nghệ nhân.</li> <li>- Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: Kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, bảo tồn, tu bổ tôn tạo, phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.</li> <li>- Bảo tàng: đánh giá hiện trạng sưu tầm, bảo quản, trưng bày, phát huy giá trị các bảo vật quốc gia, hiện vật bảo tàng tại các bảo tàng trên địa bàn tỉnh. - Di sản tư liệu: rà soát, đề xuất lựa chọn các di sản tư liệu có giá trị để xây dựng hồ sơ trình ghi danh khu vực và thế giới.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục II, tiểu mục 3. Thực trạng phát triển văn hóa, thể dục - thể thao, điểm 3.4. Đánh giá thực trạng, kết quả bảo tồn các di sản văn hóa</p>
	<p>Tại mục 3. Thực trạng phát triển văn hóa, thể dục thể thao (trang 176- 185) đề nghị bổ sung các nội dung đánh giá và số liệu cụ thể khái quát toàn bộ hoạt động của các lĩnh vực trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch:</p> <p>Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa nghệ thuật trên địa bàn tỉnh, cụ thể:</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục II, tiểu mục 3. Thực trạng phát triển văn hóa, thể dục - thể thao</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Số lượng các công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh: Bảo tàng, thư viện, các trung tâm văn hoá thông tin và thể thao, trung tâm văn hóa, thể thao, rạp chiếu phim... thực trạng hoạt động của các thiết chế văn hóa đã đáp ứng được nhu cầu người dân trên địa bàn tỉnh để từ đó có cơ sở đề xuất, định hướng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa trên toàn tỉnh, đặc biệt là hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại các khu vực đô thị mới thành lập.</p> <p>- Hiện nay, Đồng Nai tốc độ tăng trưởng dân số cao, mật độ dân số của Đồng Nai đạt 540 người/km<sup>2</sup> vào năm 2021, cao hơn trung bình cả nước là 297 người/km<sup>2</sup>, cũng là tỉnh tập trung nhiều khu công nghiệp “Đồng Nai được quy hoạch 39 khu công nghiệp (KCN) với gần 19.000ha, trong đó có 31 KCN đang hoạt động” (trang 223). Điều này cho thấy, hiện nay lực lượng lao động lớn tại trong các KCN ở Đồng Nai đang rất cần được quan tâm về nhu cầu thưởng thức văn hóa, nghệ thuật. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá thực trạng đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, thể thao tại các KCN, khu chế xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</p>	
	<p>Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng công tác gia đình của địa phương làm căn cứ đề xuất mục tiêu về phát triển gia đình bền vững của tỉnh vào Quy hoạch, bảo đảm hài hoà các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2074/QĐ-TTg ngày 10/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/ 2021 của Thủ tướng Chính Phủ về phê</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục II, tiểu mục 3. Thực trạng phát triển văn hóa, thể dục - thể thao, điểm 3.1.12. Lĩnh vực Gia đình</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Luật số 13/2022/QH15) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023.	
	Tại mục 3.2. Thực trạng hệ thống các khu, điểm du lịch, di tích lịch sử văn hóa (trang 234-236) cần đánh giá cụ thể hơn về hiện trạng đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn Tỉnh.	Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục IV, điểm 3.2.
	<p>Tại mục 2.4.1.10. Dịch vụ văn hóa và xã hội hóa văn hóa (trang 305-306) đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa tiêu đề của điểm a. Việc thực hiện bản quyền tác giả, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn (trang 305) và điểm b (trang 448) thành “a. Bảo hộ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan”.</li> <li>- Nghiên cứu bổ sung các nội dung đánh giá liên quan đến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quyền tác giả, quyền liên quan (như Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định, Thông tư...) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục II, tiểu mục 3. Thực trạng phát triển văn hóa, thể dục - thể thao, tại điểm 3.1.11. Dịch vụ văn hóa và xã hội hóa văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quyền tác giả, quyền liên quan (như Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định, Thông tư...) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đã tiếp thu rà soát tích hợp vào quy hoạch tỉnh đối với toàn bộ nội dung liên quan đến lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch</li> </ul>
	Tại mục 2. Thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước (trang 316) đề nghị bổ sung hiện trạng khai thác nguồn nước của các ngành nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, thủy điện và phục vụ sinh hoạt; hiện trạng phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.	Đã tiếp thu bổ sung tại phần II, mục VI, điểm 2.1.1, 2.1.2; 2.3
	Tại mục 3. Mục tiêu tổng quát 2030, tầm nhìn 2050 và khung định hướng phát triển (trang 356) và mục 5. Mục tiêu cụ thể (trang 362) đề	Đã tiếp thu bổ sung tại phần III, mục II, điểm 2.2.3, c

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>ngợi bổ sung các mục tiêu phát triển về văn hóa, thể thao và du lịch, cụ thể:</p> <p>Tại mục c) Định hướng phát triển ngành du lịch (trang 386-395) đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung các nội dung định hướng, giải pháp phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai về: xúc tiến quảng bá du lịch, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh/thành trong vùng và cả nước; ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển du lịch; chế chính sách, thu hút đầu tư phát triển du lịch; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong du lịch...</p>	
	<p>Tại mục IV. Phương án phát triển hệ thống đô thị nông thôn và các khu chức năng (trang 497) đề nghị xem xét tính đặc thù là tỉnh có dân số đứng thứ 05 cả nước (sau Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An) và có 51 thành phần dân tộc sinh sống (Theo số liệu chính thức của cuộc điều tra 53 dân tộc thiểu số vào thời điểm 01/4/2019). Đồng bào dân tộc sống rải rác, xen kẽ trên địa bàn các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và tập trung đông ở khu vực nông thôn, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, một số ít (các dân tộc Chơ ro, Mạ, X'tiêng, Chăm, Tày, Nùng...) sống tập trung thành làng, mỗi dân tộc đều có văn hóa truyền thống riêng về ngôn ngữ, tập quán, lễ hội, phong tục... tạo nên bản sắc đặc trưng của từng dân tộc. Vì vậy, khi đề xuất phương án quy hoạch phát triển hệ thống đô thị nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn tỉnh cần lưu ý tới vấn đề tác động đến các quan hệ giao lưu tiếp biến văn hoá dân tộc là tất yếu khách quan, việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc truyền thống đồng thời với tiếp thu - hội nhập tinh hoa văn hóa thế giới là xu hướng tất yếu của cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa theo góp ý. Đã chỉnh sửa tính chất này tại mục IV.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Đặc biệt lưu ý đến các đơn vị hành chính có đồng bào dân tộc Khmer sinh sống, thực hiện quán triệt theo Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/1/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới.</p>	
	<p>Tại bảng 75. Tóm tắt định hướng hệ thống đô thị đến năm 2030 (trang 500-501) mục 4 cột “Tính chất” của huyện Long Thành đề nghị cân nhắc thêm định hướng “...trung tâm giải trí và du lịch cảnh quan sinh thái của vùng” vì Long Thành có lợi thế về mạng lưới giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không, trong giai đoạn tới đang định hướng phát triển theo mô hình đô thị sân bay nên không còn nhiều quỹ đất phát triển du lịch sinh thái nổi bật do đó nên xem xét Long Thành với vai trò là “trung tâm giải trí, logistics và cung cấp dịch vụ của vùng</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa theo góp ý. Đã chỉnh sửa tính chất này tại Bảng 75.</p>
	<p>Tại mục 4.4.1. Định hướng khu vực tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia (trang 526) cần đưa ra các định hướng phát triển du lịch cụ thể về: đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch, sản phẩm du lịch... tại khu vực có tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia - hồ Trị An với mục tiêu sớm đạt được các điều kiện để công nhận trong tương lai.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần III, mục IV, điểm 4.4- 4.4.1</p>
	<p>Tại mục 4.4.2. Các điểm du lịch trọng điểm (trang 527) cần đưa ra các định hướng phát triển du lịch cụ thể về: đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch, sản phẩm du lịch... tại mỗi điểm du lịch trọng điểm.</p>	<p>- Đối với định hướng phát triển hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch. Đơn vị tư vấn giải trình ý kiến như sau: Các điểm du lịch trọng điểm, khi triển khai thực hiện sẽ có những đề án phát triển riêng cho từng điểm. Do đó tại nội dung này Đơn vị tư vấn chỉ định hướng phát triển hạ tầng du lịch chung cho các điểm du lịch, cụ thể đã trình bày tại phần III, mục VI, điểm 7</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Đối với nội dung định hướng các sản phẩm du lịch tại các điểm du lịch trọng điểm, đã tiếp thu bổ sung tại phần III, mục IV, điểm 4.4- 4.4.2
	<p>Tại mục 5.1. Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng và mạng lưới thiết chế văn hóa (trang 641-642) đề nghị Tỉnh cân nhắc thêm về định hướng đến năm 2025 “Xây dựng Trung tâm triển lãm cấp vùng có quy mô hiện đại, đáp ứng việc tổ chức các hoạt động mang tầm quốc gia, khu vực và quốc tế” vì với khoảng thời gian hơn 2 năm thì đây là một phương án không có tính khả thi.</p>	<p>Đã tiếp thu chuyển sang mục định hướng đến năm 2030 tại phần III, mục IV, tiểu mục 5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao.</p>
	<p>Tại mục 5.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng thể dục thể thao (trang 642-645):</p> <p>Theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và dự thảo Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình hội đồng thẩm định) trong vùng Đông Nam Bộ chỉ quy hoạch 01 trung tâm thể thao đóng vai trò là trung tâm thể thao trọng điểm làm chức năng trung tâm vùng, đồng thời là trung tâm thể thao cấp quốc gia được quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh (Khu Huấn luyện thể thao quốc gia Rạch Chiếc). Do đó, việc UBND tỉnh Đồng Nai đề xuất xây dựng Khu Liên hợp thể dục thể thao cấp vùng quy mô 300 ha tại huyện Cẩm Mỹ (trang 642) và Khu trung tâm thể thao cấp vùng tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa với quy mô khoảng 130-140 ha (trang 657) không phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể</p>	<p>Đã tiếp thu, và đề xuất xây dựng Khu Liên hợp thể thao cấp vùng 300 ha tại huyện Cẩm Mỹ thực hiện giai đoạn 2021-2030 theo quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện Cẩm Mỹ.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, đề nghị tỉnh xem xét lại định hướng này.	
	<p>Tại mục 5.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng thể dục thể thao (trang 642-645):</p> <p>Trong tiêu mục a. Đến năm 2025, tỉnh đề xuất đầu tư xây dựng Khu Liên hợp thể thao quy mô 79 ha tại phường Tam Phước, phường Phước Tân thành phố Biên Hòa và Khu Liên hợp thể thao cấp vùng 300 ha tại huyện Cẩm Mỹ. Với 02 dự án có quy mô lớn như trên, đề nghị tỉnh cần xem xét về tính khả thi khi đặt ra các mục tiêu này vì thời gian đến năm 2025 là không còn nhiều, đồng thời cần xem xét tổng thể điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đặc biệt là khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn để phân chia giai đoạn thực hiện các dự án hạ tầng xã hội phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.</p>	<p>Đã tiếp thu, và đề xuất xây dựng Khu Liên hợp thể thao quy mô 79 ha tại phường Tam Phước, phường Phước Tân thành phố Biên Hòa và Khu Liên hợp thể thao cấp vùng 300 ha tại huyện Cẩm Mỹ thực hiện giai đoạn 2021-2030 theo quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thành phố Biên Hòa; huyện Cẩm Mỹ.</p>
	<p>Tại mục Bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao (trang 644-645) đề nghị tỉnh rà soát tính toán lập danh mục bố trí quỹ đất cụ thể cho từng hạng mục công trình đảm bảo thống nhất với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.</p>	<p>Đã tiếp thu, về danh mục bố trí quỹ đất cụ thể cho từng hạng mục công trình đảm bảo thống nhất với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Được thể hiện chi tiết tại danh mục công trình quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trong phương án phân bổ đất đai.</p>
	<p>Về phương án bảo tồn không gian văn hóa các dân tộc và bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa (trang 645): bổ sung nội dung ưu tiên nguồn lực, quỹ đất cho công tác xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khoanh vùng bảo vệ và mở rộng</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại phần III, mục VI, điểm 5.2. Phương án bảo tồn không gian văn hóa các dân tộc và bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	khoanh vùng bảo vệ, cơ sở hạ tầng để phát huy giá trị các di tích, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể.	
	<p>Tại mục VII. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện (trang 652-697).</p> <p>Hiện nay, tỉnh Đồng Nai đang triển khai lập các quy hoạch chung đô thị Long Thành, tỉnh Đồng Nai đến năm 2045; điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2045... do đó đề nghị tỉnh rà soát tích hợp nội dung giữa các quy hoạch này với Quy hoạch tỉnh đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch tỉnh với các quy hoạch chuyên ngành khác.</p>	Đã tiếp thu và bổ sung vào Chương VII. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, Phần III
	<p>Về nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (trang 725) đề nghị bổ sung danh mục các nguồn nước nội tỉnh; danh mục hồ, ao cấm san lấp (thuộc di tích lịch sử hoặc có ảnh hưởng đến cảnh quan di tích); danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt... làm căn cứ xác định phương án cụ thể về việc khoanh định các loại đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, mặt nước chuyên dùng và đánh giá khả năng chịu tải đối với sông, hồ theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường từ đó đề xuất được các phương án bảo vệ tài nguyên nước, lưu thông dòng chảy tích trữ nước, chống ngập úng.</p>	Đã tiếp thu và bổ sung vào phần phụ lục của BCTH
	<p>Nội dung xác định diện tích các loại đất cần chuyển đổi mục đích (trang 789), cần đánh giá vai trò phòng hộ, cảnh quan sinh thái, tài nguyên du lịch, với nguyên tắc bảo tồn cảnh quan gắn với kinh tế tuần hoàn của 3,989 ha đất rừng phòng hộ và 24 ha đất rừng đặc dụng và</p>	Việc thu hồi, chuyển mục đích đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất được Liên danh đơn vị tư vấn tính toán dựa trên cơ sở thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện các

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	12.498 ha đất rừng sản xuất trước khi chuyển sang đất phi nông nghiệp.	công trình dự án đã được xác định thực hiện trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
	<b>Đối với Báo cáo môi trường chiến lược ĐMC</b>	
	<p>Tại mục 3. Phương pháp thực hiện ĐMC (trang 31) đề nghị nghiên cứu bổ sung phương pháp bản đồ - GIS; việc chồng xếp các lớp thông tin dữ liệu không gian của quy hoạch trên công nghệ GIS giúp xác định sơ bộ vị trí và các hoạt động của quy hoạch hoặc dự án có ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội; xem xét rõ ràng hơn sự chồng lấn phạm vi các khu bảo tồn thiên nhiên, khu sản xuất, khu dân cư, các công trình khác.</p>	<p>Đã bổ sung tại mục 3. Phương pháp thực hiện ĐMC, Chương Mở đầu</p> <p>(5) Phương pháp chồng bản đồ/GIS: Mục đích phương pháp này nhằm xem xét sơ bộ các tác động của QH hoặc các dự án trong QH đến các vùng nhạy cảm về sinh thái hoặc sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện phương pháp này, cần có đủ số liệu về vùng có thể bị ảnh hưởng do quy hoạch. Từng thành phần môi trường được thể hiện trên bản đồ, có cùng tỷ lệ, thí dụ bản đồ địa hình, bản đồ thủy vực, bản đồ sử dụng đất, bản đồ các khu bảo tồn thiên nhiên, bản đồ phân bố dân cư..., sau đó lập các bản đồ về quy hoạch (vị trí các dự án, sơ đồ mặt bằng, hạ tầng giao thông,... trong QH) cùng tỷ lệ. Trên cơ sở đó chồng quy hoạch lên từng bản đồ thành phần môi trường để xác định sơ bộ vị trí và các hoạt động của quy hoạch hoặc dự án có ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên và Kinh tế - Xã hội. Sử dụng phương pháp chồng bản đồ bằng GIS sẽ giúp việc xem xét rõ ràng hơn có sự xâm phạm các khu bảo tồn thiên nhiên, khu sản xuất, khu dân cư, các công trình khác hay không.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Nghiên cứu bổ sung định hướng thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng được đề xuất trong quy hoạch nằm ven các sông lớn, khu vực có giá trị cao về đa dạng dạng sinh học (sông Đồng Nai, Hồ Trị An, vườn quốc gia Cát Tiên, thác Mai, thác Hòa Bình, suối Mơ, núi Chứa Chan, hồ Đa Tôn, hồ Sông Mây; Khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai,...) để có giải pháp phòng ngừa, bảo vệ môi trường.</p>	<p>Đã bổ sung tại mục 4.2.2.3 Chương 4, định hướng bảo vệ môi trường đối với vùng hạn chế phát thải:</p> <p>Điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường của các sông lớn, khu vực có giá trị cao về đa dạng dạng sinh học (sông Đồng Nai, Hồ Trị An, vườn quốc gia Cát Tiên, thác Mai, thác Hòa Bình, suối Mơ, núi Chứa Chan, hồ Đa Tôn, hồ Sông Mây; Khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai,...), tính toán tổng lượng chất thải từ các dự án được đề xuất trong quy hoạch có thể phát sinh và thải vào nguồn tiếp nhận, từ đó có giải pháp phòng ngừa, bảo vệ môi trường khi quyết định đầu tư xây dựng dự án tại các khu vực này.</p>

**6. Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng (Văn bản 1642/KHĐT-THQH ngày 28 tháng 07 năm 2023**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Đối với nội dung kết nối giao thông giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng, đề nghị chỉnh sửa tên các địa danh tại trang 488 thuyết minh tổng hợp như sau:</p> <p>- Đường Mađaguôi...điểm cuối giao đường Lê Hồng Phong, xã Mađaguôi huyện <b>Đạ Tẻh</b> thành “xã Mađaguôi, huyện <b>Đạ Huoai</b>”.</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục 2. Phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng, Chương III</p>
2	<p>- Cầu Đạ Tẻh: bắc qua thượng nguồn sông Đồng Nai kết nối tuyến đường Trường Sơn Đông (phía Lâm Đồng) thành “Cầu Mỏ vẹt (xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh) bắc qua thượng nguồn sông Đồng Nai kết nối với ĐT.725</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục 2. Phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng, Chương III</p>

**7. Bộ Tài chính (Văn bản 8221/BTC-NSNN ngày 03 tháng 08 năm 2023**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Đối với văn bản của Quốc hội: Đề nghị bổ sung Luật đầu tư năm 2020, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>
2	<p>Đối với văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị bổ sung các quy định hiện hành đối với ngành, lĩnh vực mà tỉnh Đồng Nai có định hướng thu hút đầu tư để có căn cứ triển khai thực hiện như: Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>
3	<p>Đề nghị tỉnh Đồng Nai căn cứ hướng dẫn về nội dung quy hoạch tỉnh quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ, Nghị quyết số 61/2022/UBTVQH14 ngày 16/06/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Nghị quyết của Chính phủ: số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022, số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022, Chỉ thị số 15/CT- TTg ngày 25/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Văn bản số 760/TTg-CN ngày 31/8/2022 của Chính phủ về kế hoạch và tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nhiệm vụ lập quy hoạch của tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và pháp luật liên quan để lập Quy hoạch Tỉnh theo đúng quy định	
4	Đề nghị Tỉnh tiếp thu ý kiến của các Bộ có liên quan đến các hợp phần quy hoạch để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh phù hợp với quy định (trong đó có Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các quy hoạch thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh)	Tiếp thu ý kiến
5	<p><b>Về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch Tỉnh:</b></p> <p><b>- Về dự báo nhu cầu và cơ cấu vốn đầu tư theo nguồn vốn:</b></p> <p>Theo Báo cáo thuyết minh, Tỉnh dự báo: Căn cứ vào phương án tăng trưởng theo kịch bản kỳ vọng, dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh lũy kế đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 2.344 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 99 tỷ USD). Giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 680 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 1.664 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ vốn đầu tư công đạt khoảng 13%; vốn đầu tư ngoài ngân sách đạt 87% (trong đó, dự kiến vốn ngoài nước đạt 42% và vốn FDI đạt 45%)</p> <p>Như vậy, sự thành công trong thực hiện Quy hoạch tỉnh phụ thuộc lớn vào khả năng huy động được nguồn lực từ những nhà đầu tư trong và ngoài nước; vì vậy, đề nghị Tỉnh rà soát nguồn lực đảm bảo tính khả thi, trên cơ sở đó xác định thứ tự ưu tiên của các dự án, công trình quan trọng và phân kỳ từng năm, trong đó chi tiết cơ cấu từng nguồn vốn của từng dự án để làm cơ sở thực hiện.</p>	Đã tiếp thu, thực hiện rà soát và cập nhật danh mục dự án đầu tư

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Đồng thời, đề nghị Tỉnh rà soát và dự kiến danh mục dự án đầu tư cho từng giai đoạn cụ thể để làm căn cứ triển khai thực hiện cho đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, Luật Quy hoạch, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.</p>	
6	<p><b>- Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện trong giai đoạn 2021-2025:</b></p> <p>Theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch vốn trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đồng Nai được giao 44.789 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương là 33.504,5 tỷ đồng, ngân sách trung ương là 11.284,5 tỷ đồng.</p> <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>Ngoài nguồn vốn đầu tư công, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ quy định của pháp luật (như: Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020,...) để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh đảm bảo theo quy định.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
7	Về kinh phí lập quy hoạch: Đề nghị căn cứ quy định tại Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội và pháp luật có liên quan để thực hiện bố trí cho việc lập quy hoạch, thanh toán, quyết toán chi phí quy hoạch theo quy định.	Tiếp thu ý kiến



**8. Bộ Y tế (Văn bản 4632/BYT-KH-TC ngày 25 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Về các căn cứ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (từ trang 4 đến trang 10):                      Đề nghị Ban Soạn thảo bổ sung các văn bản quan trọng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ pháp lý để xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch của tỉnh Đồng Nai và của vùng Đông Nam Bộ:                      - Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/07/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;                      - Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị với định hướng: <i>“Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, mở rộng tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế. Quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường đầu tư phát triển các Bệnh viện tuyến Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bệnh viện đa khoa cấp vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh trong và ngoài nước. Phát triển Bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện Trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế”</i>.</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục III. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>
2	<p>Về thực trạng phát triển y tế và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân:</p>	<p>-Đã bổ sung chỉ tiêu số Dược sỹ đại học tại bảng 13, phần II, mục II, tiểu mục 2</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Tại bảng 13: Nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai: đề nghị bổ sung chỉ tiêu số Dược sỹ đại học/10.000 dân.</p> <p>- Tại bảng 14: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản về y tế: đề nghị xem xét bỏ Chỉ tiêu số 12 vì trùng lặp với Chỉ tiêu số 8: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được Tiêm chủng đầy đủ.</p>	<p>- Tại Bảng 14, Phần II, mục II, tiểu mục 2, đã bỏ chỉ tiêu số 12</p>
3	<p>Về mục tiêu cụ thể trong lĩnh vực y tế trong Quy hoạch: Đến năm 2030, chỉ tiêu Bác sỹ/10.000 dân đạt 11 và chỉ tiêu Dược sỹ đạt 3, tương đương với việc phải có thêm 1.717 Bác sỹ (so với hiện nay đang có 2.686 Bác sỹ) và có thêm 525 Dược sỹ (so với hiện nay đang có 676 Dược sỹ). Đây là khoảng cách biệt khá lớn, đòi hỏi Quy hoạch phải có các giải pháp rất cụ thể việc đào tạo và thu hút nhân lực y tế, cân đối nhân lực giữa các tuyến trong bối cảnh hiện nay một số cơ sở y tế khám, chữa bệnh có tình trạng bác sỹ nghỉ việc gây khó khăn cho công tác hoạt động chuyên môn, khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, phát triển chuyên môn kỹ thuật, đào tạo nâng cao trình độ, quy hoạch bố trí cán bộ (trang 175: tồn tại, hạn chế và nguyên nhân)</p>	<p>Đơn vị tư vấn sẽ nghiên cứu về nội dung này và tiếp tục chỉnh sửa</p>
4	<p>Về phương án phát triển hạ tầng y tế - chăm sóc sức khỏe:</p> <p>- Đề nghị rà soát, đánh lại số thứ tự các tiểu mục cho phù hợp với mục 3.</p>	<p>Tiếp thu và phản ánh vào mục 3. Phương án phát triển hạ tầng y tế - chăm sóc sức khỏe, Chương VI, Phần III</p>
5	<p>- Đề nghị Ban Soạn thảo rà soát, xem lại toàn bộ nội dung, các số liệu minh chứng ở mục a. Cơ sở y tế công lập (trang 633) để bảo đảm phần mô tả nội dung phải phù hợp với số liệu tại các bảng biểu số 107 và 108 (trang 634 và trang 635)</p>	<p>Đã rà soát và chỉnh sửa tại bảng 107 và 108, phần III, mục VI, tiểu mục 3</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6	<p>Về các kiến nghị phương án phát triển Ngành Y tế:</p> <p>- Đề nghị rà soát tính khả thi khi đặt phương án giai đoạn 2021-2025 phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai thành Bệnh viện hạng Đặc biệt; và giai đoạn 2026-2030 phát triển Bệnh viện đa khoa Thống Nhất thành Bệnh viện hạng Đặc biệt. Vì nội dung này mâu thuẫn với nội dung phương án phát triển Bệnh viện tuyến tỉnh đến năm 2030 (trang 633) nêu: 02 Bệnh viện này đạt hạng Đặc biệt vào năm 2030.</p>	<p>Đã rà soát và chỉnh sửa tại tiểu mục 3, mục XV, phần III</p>
7	<p>- Đề nghị Ban Soạn thảo rà soát, xem lại toàn bộ nội dung, các số liệu minh chứng ở mục a. Cơ sở y tế công lập (trang 633) để bảo đảm phần mô tả nội dung phải phù hợp với số liệu tại các bảng biểu số 107 và 108 (trang 634 và trang 635) và các bảng biểu số 172 và 173 (trang 859 và 860).</p>	<p>Đã rà soát và chỉnh sửa tại bảng 172 và 173, tiểu mục 3, mục XV, phần III</p>
8	<p>- Số liệu ở bảng 173 (trang 860) không đúng với mẫu Chỉ tiêu thống kê Ngành Y tế (Chỉ tiêu về Công suất sử dụng giường Bệnh)</p>	<p>Đã rà soát và chỉnh sửa tạo bảng 173, tiểu mục 3, mục XV, phần III</p>
9	<p>Đề nghị Ban Soạn thảo nghiên cứu, rà soát lại các tài liệu còn lại: tài liệu số (2) Báo cáo tóm tắt các nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và tài liệu số (3) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (giữa kỳ) để sửa đổi, bổ sung các nội dung, các chỉ số minh chứng, bảo đảm cho phù hợp với nội dung được sửa đổi ở tài liệu số (1) Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo giữa kỳ) như đã có ý kiến góp ý ở trên.</p>	<p>- Báo cáo ĐMC đã chỉnh sửa, bổ sung các nội dung theo Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã chỉnh sửa)</p>

**9. Bộ Tư pháp (Văn bản 3307/BTP-PLDSKT ngày 28 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>Về Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi xin ý kiến, Bộ Tư pháp đã nhận được Báo cáo giữa kỳ Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, hồ sơ gửi lấy ý kiến cần có: (i) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh và (ii) hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>
2	<p>Bên cạnh đó, khoản 15 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định: “xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh...”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP: “<i>Trường hợp quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.</i>”. Theo khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch: “<i>Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch</i>”. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai rà soát, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu theo quy định nêu trên; bổ sung ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch (nếu liên quan).</p>	<p>Liên danh tư vấn xin tiếp thu ý kiến và tiếp tục thực hiện, chấp hành tốt nội dung pháp luật liên quan quá trình xây dựng Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Ngày 07 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 6848/UBND-THNC về việc xin ý kiến các Bộ ngành Trung ương và địa phương lân cận đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan đã được gửi tới Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để xin ý kiến làm cơ sở để Liên danh đơn vị tư vấn tiếp tục hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3	<p>Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-TTg/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ) và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	Tiếp thu ý kiến
4	<p>Nội dung quy hoạch tỉnh Đồng Nai không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch là những vấn đề chuyên môn sâu, mang tính kỹ thuật; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp không có (và không thể có) ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong quy hoạch tỉnh, đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành, giữa các địa phương trong vùng, sự phù hợp của quy hoạch tỉnh được lập đối với quy hoạch tổng thể quốc gia (Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội), quy hoạch vùng có liên quan.</p>	Tiếp thu ý kiến
5	<p>Đối với nội dung về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai quan tâm, làm rõ các giải pháp thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, tăng cường thực hiện thu hút đầu tư</p>	Tiếp thu ý kiến

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	theo nhiều hình thức khác nhau theo đúng quy định của pháp luật; chú trọng đến việc hoàn thiện cơ chế, chính sách để đảm bảo khả thi khi thực hiện Quy hoạch.	

**10. Ngân hàng Nhà nước (Văn bản 5914/NHNN-TD ngày 26 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>- Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung vào dự thảo Quy hoạch các căn cứ pháp lý là quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch ngành và quy hoạch tỉnh Đồng Nai các giai đoạn trước đây; đồng thời, đề nghị đơn vị soạn thảo chủ động phối hợp, cập nhật các thông tin của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành (Quy hoạch điện, Quy hoạch mạng lưới đường bộ, ...) để đảm bảo tính thống nhất, liên kết, đồng bộ giữa các quy hoạch, ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>
2	<p>- Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, cập nhật thêm các số liệu của năm 2021, 2022 tình hình kinh tế thế giới liên quan đến tăng trưởng, lạm phát và biến động giá xăng, dầu, các giả định về khả năng phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 ... để đảm bảo Quy hoạch phù hợp với diễn biến phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tình hình trong nước, quốc tế.</p>	<p>Đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục làm việc với Sở Tài chính, Cục thống kê và các đơn vị liên quan khác để thu thập dữ liệu khả dụng mới nhất và cập nhật trong kỳ báo cáo tới</p>
3	<p>- Đề nghị đơn vị soạn thảo tham khảo định hướng và giải pháp tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/08/2018 về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định 1685/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 về Phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030... để cụ thể hóa các định hướng và giải pháp</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và đã cập nhật tại phần III, chương XIV, tiểu mục 6.1 Giải pháp về khoa học - công nghệ</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	cho ngành ngân hàng, tài chính phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.	
4	- Tại Mục III về căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai (trang 4- 10), đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, bổ sung và cập nhật các văn bản mới nhất. Ví dụ: Quyết định số 1393/QĐTTg1 ngày 25/06/2012 đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021, Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, ....	Đơn vị tư vấn tiếp tục nghiên cứu Quyết định mới của TTg để phản ánh trong báo cáo
5	- Tại điểm b mục 2.4.2 Dịch vụ tài chính ngân hàng (trang 146), đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thêm đánh giá về sự phát triển của hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng, lộ trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong bối cảnh tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của tỉnh. Từ đó đưa ra giải pháp, định hướng phát triển dịch vụ tài chính – ngân hàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn.	<p>Đã tiếp thu ý kiến và đã thực hiện cập nhật giải trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với phần đánh giá về hệ thống dịch vụ tài chính, đơn vị đã cập nhật tại điểm b, tiểu mục 1.2.4 Dịch vụ tài chính, ngân hàng</li> <li>- Đối với phần giải pháp, đơn vị tư vấn đã cập nhật tại phần III, chương XIV, tiểu mục 6.1 Giải pháp về khoa học - công nghệ</li> </ul>
6	- Tại điểm b mục 1.2.2 (trang 252) về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hạ tầng kỹ thuật, đề nghị xem xét nhận định “Việc thu xếp, tìm kiếm nhà tài trợ vốn cho các công trình ĐTXD còn gặp nhiều khó khăn do yếu tố hạn mức tín dụng của Ngành” do: việc đưa ra đánh giá, nhận định về tồn tại hạn chế cần dựa trên dẫn chứng, thông tin cụ thể. Tuy nhiên, tại dự thảo không đề cập cụ thể nguồn vốn tài trợ cho các công trình ĐTXD (vốn ngân sách nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay nước ngoài, vốn vay từ tổ chức tín	Các giới hạn bao gồm cả từ phía nhà tài trợ vốn (hạn mức tăng trưởng tín dụng), hạn mức tăng trưởng các ngành theo quy định nội bộ của từng ngân hàng theo từng danh mục và tập khách hàng và lãi suất theo từng thời kỳ, đồng thời, các giới hạn còn nằm ở doanh nghiệp khi chưa chứng minh được tài sản thế chấp hoặc rào cản từ các thủ tục hành chính khác



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>dụng...) cũng như những vướng mắc, khó khăn của các hình thức huy động vốn này. Về phía ngành ngân hàng đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tín dụng, đảm bảo cung ứng kịp thời vốn cho nền kinh tế, chỉ đạo TCTD tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và người dân trong việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.</p>	
7	<p>- Về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch (trang 823): Đề nghị quy định cụ thể hơn các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai,...nhằm thu hút vốn đầu tư; đặc biệt là vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển ngành kinh tế mũi nhọn theo lựa chọn của tỉnh. Bên cạnh đó, cần làm rõ thêm về giải pháp và tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu và cập nhật sửa đổi trong việc đánh giá các giải pháp nguồn lực</p>
8	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược với các nội dung tương ứng đã được tham gia ý kiến như trên</p>	<p>Đã tiếp thu và sửa đổi cho phù hợp</p>

**11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn bản 5124/BNN-KH ngày 31 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p><b>a) Căn cứ lập quy hoạch:</b></p> <p>Đề nghị bổ sung các Luật (Trồng trọt; Chăn nuôi; Thủy sản; Lâm nghiệp; Thủy lợi; Phòng, chống thiên tai; Đê điều; Luật sửa đổi một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều); Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	Đã tiếp thu và cập nhật vào phần IV. Căn cứ lập quy hoạch
2	<p><b>b) Về đánh giá điều kiện tự nhiên</b></p> <p>Bổ sung đánh giá tác động của các loại hình thiên tai đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai (từ năm 2010-2020); đặc biệt đối với thiên tai thường xuyên xảy ra, như: sạt lở bờ sông; bão, lũ, ngập lụt; hạn hán...</p>	Đã tiếp thu bổ sung tại Phần I, Mục I, khoản 1.5
3	<p><b>c) Về đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010-2020:</b></p> <p>- Đối với đánh giá hiện trạng phát triển ngành nông lâm thủy sản: Bổ sung đánh giá kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành; chế biến và tiêu thụ</p>	Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần II, Mục 2, khoản 2.1.1, điểm b

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nông sản; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, liên kết sản xuất...).	
4	- Đối với hiện trạng về hoạt động đầu tư: Bổ sung đánh giá kết quả thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai; những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.	Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần II, Mục 2, khoản 2.1.1, điểm c
5	<b>d) Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hệ thống đô thị và nông thôn</b> - Đối với đánh giá hiện trạng sử dụng đất: Đánh giá hiện trạng sử dụng và kết quả chuyển đổi đất nông nghiệp (đặc biệt là đất rừng, đất lúa); <b>phân tích kỹ những khó khăn</b> , vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về nhóm đất nông nghiệp; đặc biệt là đất lúa, đất 03 loại rừng. Rà soát số liệu về tổng diện tích rừng hiện có của tỉnh so với số liệu đã công bố; diễn biến diện tích rừng tỉnh Đồng Nai; bổ sung tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh qua các năm. Đối với diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp (626,39 ha) rà soát và đưa vào quy hoạch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Lâm nghiệp; bổ sung các giải pháp đối với diện tích rừng (5.770,36 ha) hiện đang được UBND cấp xã quản lý nhằm hạn chế tình trạng phá rừng, xâm hại rừng và tăng cường thu hút đầu tư trong lâm nghiệp.	Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần II, Mục 1, khoản 1.3
6	- Đồng Nai là tỉnh có hệ thống sông/kênh/hồ/ao dày đặc, vùng đất ngập nước diện tích lớn nên có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế thủy sản. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung hiện trạng ngành thủy sản như: đánh bắt, cơ sở hạ tầng, sản lượng, lao động, ... (theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 8 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính Phủ	Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần II, Mục 2, khoản 2.1.2, điểm c

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngày 07/5/2019). Báo cáo cần nghiên cứu phân tích, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, hướng sử dụng đất để phát triển lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (ứng dụng công nghệ cao, sản lượng, phương thức nuôi,...) theo Quyết định số 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/3/2021 về phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	
7	- Đối với đánh giá hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: đề nghị bổ sung đánh giá: (i) kết quả, các tồn tại và hạn chế trong triển khai Quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 29/12/2016; (ii) đánh giá năng lực của kết cấu hạ tầng thủy lợi hiện có phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế để làm cơ sở xây dựng phương án phát triển thủy lợi trong từng thời kỳ quy hoạch; (iii) hiện trạng kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần II, Mục 5, khoản 1.4.5
8	- Đánh giá, làm rõ hơn thực trạng đô thị hóa nông thôn và kết quả xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn trong thời gian vừa qua; quá trình phát triển không gian đô thị gắn với quá trình di cư của người dân nông thôn ra thành thị để có căn cứ đề xuất các giải pháp về quy hoạch hướng tới phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn giai đoạn tới.	Tiếp thu, chỉnh sửa theo góp ý. Đã bổ sung nội dung về thực trạng đô thị hóa nông thôn và kết quả xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn trong thời gian vừa qua; quá trình phát triển không gian đô thị gắn với quá trình di cư của người dân nông thôn ra thành thị.
	<b>e) Về các nội dung liên quan đến nông nghiệp, nông thôn trong phương án Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</b>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
9	<p><b>- Về các phương án phát triển ngành nông lâm thủy sản</b></p> <p>Theo Luật Quy hoạch, hầu hết các quy hoạch chuyên ngành đã bị bãi bỏ và một số nội dung của các quy hoạch này sẽ được tích hợp vào quy hoạch Tỉnh giai đoạn tới. Vì vậy, phương án phát triển ngành nông lâm thủy sản cần được nghiên cứu và cụ thể hóa trong quy hoạch Tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Trong đó, cần làm rõ một số nội dung sau:</p>	<p>Đã tiếp thu và cập nhật theo các ý kiến cụ thể như dưới đây:</p>
10	<p><b>+ Về định hướng phát triển nông nghiệp:</b></p> <p>Theo Báo cáo, chưa có dự kiến kịch bản tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng đóng góp của khu vực nông nghiệp trong GRDP của Tỉnh giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 và 2031-2050, đề nghị bổ sung. Cần có những giải pháp đồng bộ, quyết liệt trong việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn tập trung, chế biến sâu, chuỗi giá trị... trong điều kiện hiện trạng phát triển nông nghiệp của Tỉnh còn nhiều hạn chế (như nội dung nhận định về tồn tại, hạn chế, điểm yếu tại trang 56, 93-95).</p> <p>Để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, công nghiệp và dịch vụ của Tỉnh, nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp là rất lớn. Trong khi đó, đất sản xuất nông nghiệp của Tỉnh phần lớn có độ phì từ trung bình đến khá, địa hình tương đối bằng phẳng, có điều kiện tưới tiêu và điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển nông nghiệp và đang được sử dụng ổn định. Vì vậy, phương án chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp (37.297 ha) cần được cân nhắc tính toán kỹ, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.</p>	<p>Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần III, Mục 2, khoản 2.3.2; 2.3.3; 2.3.4</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
11	<p><b>+ Về phát triển lâm nghiệp:</b> Định hướng phát triển lâm nghiệp Tỉnh phải phù hợp với Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021). Đối với việc chuyển đổi diện tích đất rừng sang mục đích khác; chuyển đổi các loại rừng; đất khác đưa vào quy hoạch đất rừng cần rà soát diện tích đảm bảo theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp.</p>	<p>Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần III, Mục 2, khoản 2.3.7</p>
12	<p><b>+ Về phát triển chăn nuôi:</b> Định hướng phát triển ngành chăn nuôi phải phù hợp với Chiến lược phát triển Chăn nuôi đến năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (tại Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Đồng thời, cần xem xét bố trí quỹ đất phục vụ phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần III, Mục 2, khoản 2.3.6, điểm b</p>
13	<p><b>+ Về phát triển thủy sản:</b> Xác định mục tiêu, định hướng và xây dựng phương án tổng thể quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; bao gồm vị trí địa lý, diện tích, ranh giới và bản đồ khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn (vùng đất ngập nước nội địa và các đảo trên hồ Trị An, vùng đất ngập nước thuộc vườn quốc gia Cát Tiên), khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Hồ Trị An - Khu vực Sa Mách xã Thanh Sơn, huyện Định Quán); phân vùng khai thác thủy, khu vực cấm khai thác (Sông Đồng Nai - Từ đập Trị An qua sông Đồng Nai). Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản trên các hồ chứa. Hoạt động thả giống bổ sung, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản, thực hiện thường</p>	<p>Đã tiếp thu và cập nhật theo ý kiến đóng góp của Bộ trong Phần III, Mục 2, khoản 2.3.8</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	xuyên và xã hội hóa sâu rộng...(Khoản 9 Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP và Luật Thủy sản).	
14	+ <b>Về xây dựng nông thôn mới</b> , đề nghị tham khảo quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để bổ sung các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh phù hợp với tình hình chung của vùng và của cả nước.	Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, Mục II, khoản 2.3.2; 2.3.3; 2.3.6
15	+ <b>Về phương án phân bổ sử dụng đất đai của tỉnh đến năm 2030</b> ; trong đó có đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất trồng lúa đề nghị rà soát, đảm bảo theo chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phân bổ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.	Đã tiếp thu. Trong quá trình lập quy hoạch đã bám sát Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 2021 - 2025.
16	- <b>Về phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước:</b> Đề nghị cập nhật các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/07/2023) vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai. Xem xét tích hợp nội dung Quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, trong đó nghiên cứu, làm rõ:  + Mục tiêu cấp nước, tiêu thoát nước cho diện tích sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế từ công trình thủy lợi trong từng thời kỳ quy hoạch.	Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, Mục 4.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>+ Xác định nhu cầu nước và cân bằng nước đến năm 2030, 2050 để làm cơ sở xây dựng phương án phát triển hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và dân sinh.</p> <p>+ Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và danh mục các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn ưu tiên đầu tư trong các giai đoạn, trong đó cân rà soát, cập nhật giải pháp phát triển thủy lợi trên địa bàn khi có công trình hồ chứa La Ngà 3.</p> <p>+ Phương án phòng chống lũ trên các tuyến sông trên địa bàn và phương án phòng, chống ngập lụt, ngập úng cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung, tiêu thoát nước cho diện tích sản xuất nông nghiệp trong từng thời kỳ</p>	
	<p><b>- Về phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:</b></p>	
17	<p>+ Dự thảo Quy hoạch đã có phân vùng rủi ro thiên tai; tuy nhiên chưa xác định các cấp độ rủi ro thiên tai, đề nghị rà soát, bổ sung.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, mục XI khoản 2</p>
18	<p>+ Về kịch bản phòng, chống thiên tai: Dự thảo Quy hoạch chưa đề xuất, lựa chọn kịch bản phòng, chống thiên tai phù hợp với kịch bản phát triển của tỉnh, đề nghị bổ sung. Rà soát bổ sung phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đề trên địa bàn Tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần II, Mục V, khoản 1.45 và Phần III, mục XI khoản 2</p>
19	<p>+ Dự thảo Quy hoạch mới chỉ nêu chung về các phương án quản lý rủi ro thiên tai; bao gồm phương án về nguồn nhân lực, phương án chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật, nguồn lực tài chính dự phòng. Đề nghị rà soát, bổ sung phù hợp Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, Mục V, khoản 4.2</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	14/7/2023 và đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại mục 2 văn bản số 5858/BNN-PCTT ngày 16/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
20	+ Bổ sung hiện trạng hệ thống đê, xác định cụ thể các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó rà soát phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai.	Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, Mục V, khoản 4.3
21	<p><b>- Về danh mục dự án ưu tiên</b></p> <p>Rà soát, bổ sung các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đảm bảo đạt được các mục tiêu quy hoạch, đặc biệt là đối với các dự án: đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp; đê điều, thủy lợi và phòng, chống thiên tai; hạ tầng lâm sinh, phòng chống cháy rừng; hạ tầng thủy sản...</p> <p>Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã cơ bản hoàn thành Hồ sơ xây dựng 02 Quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (Lâm nghiệp, Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản). Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan trong Đề án Quy hoạch Tỉnh phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên.</p>	Đã tiếp thu và đã cập nhật bổ sung vào danh mục ưu tiên

**12. Bộ Ngoại giao (Văn bản 3543/BNG-THKT ngày 25 tháng 07 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>- Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, chỉ cách TP. Hồ Chí Minh khoảng 40 km, có nhiều cơ hội trở thành trung tâm liên kết vùng và phát triển 3 trục kinh tế của Nam Bộ, bao gồm Vùng kinh tế Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Trục hành lang kinh tế biển, có lợi thế thuận lợi về đường bộ, đường sắt, đường hàng không, tạo điều kiện thuận lợi trong vận chuyển, lưu thông hàng hóa, giao thoa phát triển kinh tế trong vùng và hội nhập quốc tế. Do đó, trong quá trình xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm, đề nghị Cơ quan lập Quy hoạch cân nhắc lồng ghép các nội dung về hội nhập quốc tế và thu hút nguồn lực bên ngoài, trong đó có thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics nhằm tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt từ CPTPP, RCEP, EVFTA..; đẩy mạnh thu hút viện trợ phát triển chính thức, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn đầu tư khác; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao...</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến</p>
2	<p>- <b>Về mục tiêu, nguyên tắc, quan điểm lập Quy hoạch</b>, đề nghị rà soát và chỉnh sửa nhằm đảm bảo thống nhất với các nội dung tại Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, đề nghị cân nhắc sắp xếp 03 nội dung này theo trình tự: Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu lập Quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện chỉnh sửa vào phần IV. Căn cứ lập quy hoạch</p>
3	<p>- <b>Về căn cứ lập Quy hoạch, đề nghị Cơ quan lập Quy hoạch:</b> (i) Rà soát, lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực hoặc đã được thay thế bởi văn bản khác như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân,</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến. Hiện tại, đơn vị tư vấn tuân thủ theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>nông thôn; Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26 về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020...</p>	<p>thôn, đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục cập nhật khi có Nghị quyết mới thay thế</p>
3	<p>(ii) Cân nhắc bổ sung các văn bản có liên quan như: Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và sự phát triển bền vững; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.. và các văn bản có liên quan do tỉnh ban hành.</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện chỉnh sửa vào phần IV. Căn cứ lập quy hoạch</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4	(iii) Đề nghị rà soát và sắp xếp văn bản theo các nhóm về cơ quan ban hành, loại văn bản và trình tự thời gian ban hành.	Đã tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục thực hiện, hoàn thiện việc rà soát và sắp xếp các nhóm văn bản trong quá trình định hướng các nhiệm vụ cụ thể trong báo cáo giai đoạn 3 (cuối kỳ)
5	- Về phương pháp lập Quy hoạch, đề nghị cân nhắc lựa chọn các phương pháp lập quy hoạch phù hợp và các phương pháp này được thể hiện trong hồ sơ Quy hoạch.	Đã tiếp thu ý kiến
6	- <b>Về phạm vi lập Quy hoạch</b> , đề nghị làm rõ sự khác nhau về tổng diện tích tự nhiên của tỉnh tại dự thảo Báo cáo tổng hợp so với Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát và đảm bảo tọa độ địa lý của tỉnh tại các văn bản này thống nhất với nhau (ví dụ nội dung tại trang 10 và trang 16).	- Về phần tổng diện tích tự nhiên của tỉnh: Đơn vị tư vấn sẽ làm rõ với UBND tỉnh và đảm bảo sử dụng số liệu thống nhất đối với Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của tỉnh - Về phần tọa độ địa lý, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và thống nhất sử dụng tọa độ 100°30'00'' - 110°34'57'' độ Vĩ Bắc và 106°45'30'' - 107°35'00'' độ Kinh Đông như đã đề ra trong Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
7	- <b>Về các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh</b> (mục III.1, trang 37), cân nhắc nêu cụ thể hơn thông tin về tình hình tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) của Việt Nam đến nay như: Việt Nam đã và đang tham gia đàm phán, ký kết, triển khai 19 FTA (trong đó đã ký kết và đang triển khai 15 FTA, hoàn tất 01 FTA và đang đàm phán 03 FTA).	Đã tiếp thu ý kiến và đã thực hiện bổ sung vào phần I, chương III, mục 1. Yếu tố quốc tế
8	- Tại đoạn đầu tiên (trang 371) về lộ trình 2050 của ngành công nghiệp, đề nghị bổ sung nội dung: “(iv) Trung tâm đổi mới sáng tạo,	Đã tiếp thu ý kiến và đã thực hiện bổ sung vào phần III, chương II, tiểu mục 2.1.1 Mục tiêu chung

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	vườn ươm khởi nghiệp, phát triển theo hướng công nghiệp bền vững và bao trùm, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và đạt mục tiêu phát triển trung tính net-zero”.	
9	<p>- Về <b>Phương hướng phát triển năng lượng xanh</b> (điểm 24, trang 411), đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung: “<b>Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời</b> nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng”.</p>	<p>Việc phát triển năng lượng xanh là định hướng phát triển không chỉ của Việt Nam mà cả thế giới. Chính phủ Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ thông qua cam kết tại COP26, Quy hoạch Điện VIII, và hoạt động thúc đẩy các giải pháp xanh (xây dựng cơ chế chính sách, chương trình hành động...). Đánh giá tiềm năng về ĐG, ĐMT và NLTT khác đã có những nguồn dữ liệu tin cậy; việc huy động các nguồn lực trong đó có nguồn lực quốc tế để đánh giá tiềm năng chính xác hơn được khuyến khích nhằm hỗ trợ tốt hơn việc tích hợp ngày càng cao và khai thác hiệu quả hơn tiềm năng NLTT vốn có sẽ được Tư vấn xem xét và kiến nghị trong Giai đoạn tiếp theo</p>
10	<p>- Về <b>phương hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa:</b></p> <p>(i) Đề nghị tinh quan tâm bảo vệ, phát triển bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Đồng Nai, đã được UNESCO ghi danh là khu dự trữ sinh quyển thế giới năm 2001 (bao gồm Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu, Khu bảo tồn vùng nước nội địa Trị An - Đồng Nai, Khu Ramsar Bàu Sấu);</p> <p>(ii) Xem xét khả năng xây dựng các danh hiệu quốc tế, trong đó có danh hiệu UNESCO (tham gia mạng lưới các thành phố sáng tạo,</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại Phần III, Mục IX, khoản 4.2</p> <p>Đối với mục (i) Đơn vị tư vấn tiếp thu và bổ sung tại phần III, mục II, điểm 2_2.2.3_c trong phần giải pháp</p> <p>Trong thời kỳ 2021-2030 Đồng Nai có xu hướng phát triển mạnh về các lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Do vậy nội dung <b>Xây dựng các mạng lưới thành phố sáng tạo, thành phố học tập toàn cầu</b>, đơn vị tư vấn xin tiếp thu bổ</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thành phố học tập toàn cầu...), qua đó góp phần thúc đẩy du lịch, hợp tác, đầu tư.	sung vào phần định hướng giai đoạn sau năm 2030 (tại phần III, mục II, điểm 2_2.2.3 trong phần tầm nhìn đến 2050
11	- Về danh mục dự án đầu tư, đề nghị cân nhắc chỉ đề cập đến các dự án lớn, có ảnh hưởng và tác động lớn đối với sự phát triển của tỉnh. Các dự án có thể được sắp xếp theo: (i) Nguồn vốn Trung ương; (ii) Nguồn vốn địa phương.	Đã cập nhật vào phần danh mục dự án đầu tư
12	- Đề nghị rà soát và đảm bảo tên gọi và trật tự các tiêu đề, nội dung theo đúng quy định.	Đã tiếp thu ý kiến

**13. Ủy ban Dân tộc (Văn bản 1284/UBNDT-KHTC ngày 25 tháng 07 năm 2023)**

<b>Stt</b>	<b>ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý</b>	<b>TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>
1.	- Biểu so sánh tăng, giảm các chỉ tiêu quy hoạch so với Quy hoạch giai đoạn 2011-2020 (kèm theo thuyết minh, cơ sở tính toán) làm căn cứ đánh giá tính khả thi của đề xuất Quy hoạch giai đoạn 2021-2030.	Đã tiếp thu ý kiến và cập nhật tại phần I, chương I, tiểu mục 1.2. Rà soát, đánh giá kết quả đạt được so với quy hoạch thời kỳ trước
2.	- Cần có đánh giá tương quan giữa khả năng huy động vốn với tốc độ phát triển của từng lĩnh vực kinh tế để đảm bảo tính đồng bộ, tránh quy hoạch treo.	Tư vấn đã tiếp thu, thực hiện rà soát và cập nhật danh mục dự án đầu tư
3.	- Góp phần vào việc hoàn thành 17 chỉ tiêu đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015-2030 quy định tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ; theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững....	Đã tiếp thu ý kiến
4.	- Đề nghị bổ sung: Bảng chữ cái viết tắt.	Đã tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục thực hiện trong quá trình định hướng các nhiệm vụ cụ thể trong báo cáo giai đoạn 3 (cuối kỳ)
5.	- Khoản 1, Mục I, Phần II, “Tổng quan chung về phát triển kinh tế” (tr48): đề nghị phân tích sâu về “phát triển kinh tế xanh và bền vững”, “kinh tế tuần hoàn”, “kinh tế số” trong đó cần làm rõ lợi thế, hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển trong dài hạn của nền kinh tế, đặc biệt là tỷ trọng của khoa học, công nghệ, vốn, chất lượng nguồn nhân lực trong sự phát triển.	Đã tiếp thu ý kiến, đã thực hiện cập nhật thêm các đánh giá về “phát triển kinh tế xanh và bền vững”, “kinh tế tuần hoàn”, “kinh tế số”; Những đánh giá về chất lượng nguồn nhân lực trong sự phát triển đã được đề cập tại Khoản 1, Mục I, Phần II

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6.	<p>- Mục VII, Phần II, “Những tồn tại, hạn chế cần giải quyết, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức” (tr325): chưa phân tích đầy đủ nguyên nhân chủ quan, đặc biệt là mối quan hệ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với thực hiện các chính sách trên địa bàn, công tác thu hút đầu tư, phát huy nội lực và thu hút các nguồn lực ngoài tỉnh.</p>	<p>Đã thực hiện đánh giá trong Phần II mục 1 tiểu mục 1.1.1 Cơ cấu nền kinh tế</p>
7.	<p>- Điểm 2.1, Khoản 2, Mục II, Phần III, “Định hướng phát triển ngành công nghiệp” (tr370): đề nghị quy hoạch cần quan tâm tới vấn đề về phát triển nóng, bảo vệ môi trường, đô thị hoá tự phát, y tế - giáo dục, an ninh trật tự và công bằng xã hội. Đề nghị bổ sung đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao năng suất lao động, phát triển các làng nghề truyền thống nhằm tăng thu nhập và thu hút vốn nhân rỗi của người dân.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở Điểm 2.1, Khoản 2, Mục II, Phần III, “Định hướng phát triển ngành công nghiệp”, báo cáo tập trung phát triển định hướng về ngành công nghiệp như một trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh Đồng Nai</li> <li>- Các vấn đề liên quan tới phát triển nóng, bảo vệ môi trường, đô thị hoá tự phát, y tế - giáo dục, an ninh trật tự và công bằng xã hội đã được báo cáo quy hoạch tỉnh Đồng Nai đề cập ở từng mục phương án phát triển liên quan trên nền tảng đã cân nhắc về định hướng phát triển ngành công nghiệp</li> <li>- Về phần giải pháp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với việc nâng cao năng suất lao động: Đã được báo cáo đề cập tại phần III, chương XIV, tiểu mục 5. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực</li> <li>+ Phát triển các làng nghề truyền thống nhằm tăng thu nhập: Đã được báo cáo đề cập tại phần III, chương IV, tiểu mục 4.1.2 Cụm công nghiệp</li> </ul> </li> </ul>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		+ Thu hút vốn nhân rồi của người dân: Đã được báo cáo đề cập tại phần III, chương XIV, điểm b tiểu mục 4.2. Các giải pháp, chính sách huy động và sử dụng
8.	- Điểm 2.2, Khoản 2, Mục II, Phần III, “Phương hướng phát triển ngành dịch vụ” (tr377): chưa thấy phân tích sâu về thị trường nội tỉnh, về sản phẩm cơ bản cốt lõi, mấu chốt của phương hướng phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch. Thiếu thông tin, số liệu điều tra về thị trường, nhu cầu và đưa ra định hướng trong kỳ kế hoạch cần gắn với nhu cầu, quy mô nền kinh tế, sức mua của người dân...	Đã phân tích sâu về các yếu tố ảnh hưởng, trong đó có thị trường nội địa, đến chiều hướng phát triển thương mại dịch vụ đến năm 2030. Tuy nhiên, báo cáo Quy hoạch Tỉnh đã không tích hợp đầy đủ nội dung của chuyên đề 26.  -Đối với nội dung du lịch đã tiếp thu, cập nhật tại phần III, mục II, điểm 2, tiểu mục 2.2.3
9.	- Khoản 5, Mục VI, Phần III, “Phương án phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao” (tr641): chưa thấy phân tích và nêu các giải pháp về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	Tiếp thu và cập nhật tại phần III, mục VI, tiểu mục 5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao, điểm 5.2.7. Các giải pháp về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc
10.	- Mục VIII, Phần III, “Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học” (tr702): cần phân tích và làm rõ ảnh hưởng, tác động và các giải pháp về bảo tồn.	Đã tiếp thu và đã bổ sung tại Phần II, chương VIII. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
11.	- Khoản 1, Mục XIV, Phần III, “Giải pháp về huy động vốn đầu tư” (tr823): đề nghị tăng cường và cụ thể các giải pháp: + Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn thu; + Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, đón các làn sóng chuyên dịch đầu tư thời kỳ hậu Covid-19; + Kiêu hởi và kêu gọi đóng góp đầu tư của người dân Đồng Nai xa quê.	Đã tiếp thu và thực hiện chỉnh sửa vào Khoản 1, Mục XIV, Phần III, “Giải pháp về huy động vốn đầu tư”

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
12.	<p>- Khoản 4, Mục XIV, Phần III, “Giải pháp về cơ chế, chính sách, liên kết phát triển” (tr835), đề nghị bổ sung:</p> <p>+ Các giải pháp cần gắn với kế hoạch, tiến độ về cải thiện môi trường, quản lý phát triển, tầm nhìn, cải cách hành chính, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp...;</p> <p>+ Cải cách hành chính, nên có cơ chế hỗ trợ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện chỉnh sửa vào Khoản 4, Mục XIV, Phần III, “Giải pháp về huy động vốn đầu tư”</p>

**14. Bộ Khoa học Công nghệ (Văn bản 2655/BKHCN-ĐTg ngày 10 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Về phạm vi lập quy hoạch: đề nghị làm rõ sự khác nhau về diện tích lập quy hoạch nêu trong Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (5.907,2 km <sup>2</sup> ) so với nội dung về "Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch" (5.863,62 km <sup>2</sup> ) tại trang 10 của Thuyết minh Quy hoạch.	Đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục trao đổi với UBND để thống nhất về số liệu
2	Tại mục “III. Căn cứ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai” (trang 4 Thuyết minh Quy hoạch): đề nghị rà soát, bỏ những căn cứ đã hết hiệu lực, ví dụ: Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.	Đã tiếp thu ý kiến và thực hiện chỉnh sửa tại mục “IV. Căn cứ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai”
	<b>Về thực trạng khoa học, công nghệ (trang 185 Thuyết minh Quy hoạch)</b>	
3	- Đối với nội dung thuyết minh về hiệu quả của nghiên cứu, ứng dụng tác động đến phát triển kinh tế - xã hội (trang 187): đề nghị xem xét lại số liệu về tỷ lệ % của các đề tài, dự án được tổng kết, ứng dụng so với các đề tài, dự án được triển khai nghiên cứu tương ứng với cấp tỉnh, cấp huyện, ngành cho phù hợp. Ngoài ra, đối với số liệu ứng dụng đề tài, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin: đề nghị làm rõ sự khác nhau về số đề tài, dự án nghiên cứu cấp huyện, ngành là 18 đề tài, trong khi số đề tài tổng kết, ứng dụng là 41 đề tài.	- Về số liệu ứng dụng đề tài, dự án triển khai nghiên cứu theo lĩnh vực được tính là số lượng các dự án mới triển khai trong giai đoạn đó; Số liệu các đề tài, dự án được tổng kết, ứng dụng được tính (bao gồm cả các dự án triển khai ở giai đoạn trước nhưng được nghiệm thu, ứng dụng ở giai đoạn tính). <b>Do vậy tỷ lệ % các đề tài được triển khai và tỷ lệ các đề tài được ứng dụng tính trên tổng số đề tài được triển khai hoặc được ứng dụng trên tổng 6 lĩnh vực tại giai đoạn đó.</b>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4	<p>- Đề nghị bổ sung nội dung phân tích về thực trạng chi đầu tư cho khoa học và công nghệ; thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, trong đó phân tích thực trạng về nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ, hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ và hạ tầng khác nếu có (hệ thống đo lường, phòng thí nghiệm, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ,...).</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung thêm đánh giá hiện trạng hoạt động KH&amp;CN tại ý 4.2;4.3;4.4;4.5 điểm 4 chương II phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
5	<p>Đối với nội dung về phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ (trang 193), đề nghị bổ sung thông tin về các loại tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học,...), số lượng tương ứng với từng loại tổ chức này và thực trạng hoạt động (vai trò đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thuận lợi, khó khăn,...).</p> <p>Về phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tỉnh (trang 326 Thuyết minh Quy hoạch): nội dung nêu về điểm mạnh, điểm yếu của tỉnh còn có tính dàn trải, có những nội dung là kết quả phát triển chứ không phải là thế mạnh của tỉnh. Vì vậy, đề nghị rà soát, sắp xếp theo các nhóm nội dung (ví dụ về vị trí địa lý; kết cấu hạ tầng giao thông; phát triển không gian đô thị; phát triển doanh nghiệp; thực thi chính sách pháp luật; lĩnh vực kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ,...), trong đó cần nhấn mạnh thế mạnh nổi trội của tỉnh là gì so với các tỉnh lân cận và trong cả nước.</p>	<p>- Đã tiếp thu, bổ sung thực trạng mạng lưới tổ chức KH&amp;CN tại 2.5 chương V phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Ý kiến về phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tỉnh, đề nghị RB tiếp thu, chỉnh sửa.</p>
	<p><b>Về những vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong Quy hoạch tỉnh</b></p>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6	<p>- Tại trang 329 Thuyết minh Quy hoạch có nêu "Quy hoạch tỉnh Đồng Nai sẽ tập trung vào 4 lĩnh vực ưu tiên tạo nền tảng cho bước tăng trưởng kinh tế đột phá". Tuy nhiên, nội dung trình bày chỉ nêu về 3 lĩnh vực ưu tiên, đề nghị rà soát, chuẩn xác lại về lĩnh vực ưu tiên.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và sửa thành 3 lĩnh vực ưu tiên</p>
7	<p>- Đối với nội dung về "Xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân lực khu vực công nghiệp, nông thôn": đề nghị xem xét, bổ sung nội dung trọng tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bộ máy hành chính, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số, chính quyền số.</p>	<p>Đã tiếp thu và đã cập nhật tại phần II, chương VII, tiêu mục 5.2 Những vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch</p>
8	<p>Về Quan điểm phát triển (trang 332 Thuyết minh Quy hoạch): đối với nội dung về "Phát triển có chọn lọc:..", đề nghị sửa lại như sau: "Phát triển có chọn lọc: Chiến lược phát triển hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hiện đại; dịch vụ tổng hợp, trọng tâm du lịch và logistics dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm động lực quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu và đã thực hiện chỉnh sửa tại phần III, chương I, tiêu mục 1.2. Quan điểm phát triển</p>
	<p><b>Về phương hướng phát triển khoa học - công nghệ (trang 470 Thuyết minh Quy hoạch):</b></p>	
9	<p>- Đề nghị rà soát, sắp xếp một số nội dung, trong đó cần thuyết minh rõ ai là chủ thể thực hiện chính sách quy hoạch, ai là đối tượng chính sách quy hoạch hướng tới đối với phần trình bày về phương án phát triển nông nghiệp, phát triển các ngành công nghệ ưu tiên. Trong đó,</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến, sẽ tiếp tục nghiên cứu và chỉnh sửa ý kiến trong thời gian tới</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>đối với phương án phát triển các ngành công nghệ ưu tiên, cần thể hiện phương án phát triển đối với từng đối tượng doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (có tính đến năng lực nghiên cứu của các tổ chức này, cũng như phù hợp nhu cầu đặc thù địa phương để có định hướng cho phù hợp). Ngoài ra, xem xét nghiên cứu định hướng thu hút đầu tư, chuyên giao, ứng dụng các loại công nghệ khuyến khích chuyển giao trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo,... phù hợp với thế mạnh của tỉnh có quy mô ngành công nghiệp chế biến, chế tạo lớn.</p>	
10	<p>- Đối với nội dung về tổ chức khoa học và công nghệ: hồ sơ dự thảo Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đề nghị tỉnh Đồng Nai phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ bám sát Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thuyết minh trong Quy hoạch tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất.</p>	<p>Đơn vị xin tiếp thu ý kiến, sẽ tiếp tục nghiên cứu và phối hợp đảm bảo tính thống nhất trong thời gian tới.</p>
11	<p>- Đối với nội dung phương án tăng cường năng lực của tỉnh Đồng Nai để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh: đề nghị xem xét bổ sung nội dung về: (1) Nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò và tiềm năng ứng dụng, đổi mới, chuyển giao khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống; (2) xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho các cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước của tỉnh đáp ứng yêu cầu năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.</p>	<p>Đơn vị xin tiếp thu ý kiến, sẽ tiếp tục nghiên cứu ý kiến này và bổ sung trong thời gian tới.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
12	- Xem xét, bổ sung nội dung về thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ”.	Đơn vị xin tiếp thu ý kiến, sẽ tiếp tục nghiên cứu ý kiến này và bổ sung trong thời gian tới.
	<b>Về phương hướng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (trang 651):</b>	
13	- Đối với phát triển hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm: đề nghị nêu rõ quy hoạch về số lượng, định hướng lĩnh vực hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm.	Đối với hệ thống phòng thí nghiệm tại Đồng Nai chủ yếu là thuộc các doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn tỉnh. Do đó, việc đầu tư, phát triển phụ thuộc vào nguồn vốn của doanh nghiệp. Ở góc độ quy hoạch, đơn vị tư vấn xin chỉnh sửa thành “Khuyến khích phát triển hệ thống phòng thí nghiệm trong các doanh nghiệp”
14	- Đối với các khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, trung tâm R&D, Science park, trung tâm đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, vườn ươm khởi nghiệp và các trung tâm khác (trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư): đề nghị thuyết minh rõ về quy mô diện tích, vị trí trong tổng thể Quy hoạch tỉnh.	- Đã bổ sung thêm thuyết quy mô, vị trí công trình tại điểm 8 chương VI phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp -Đối với các công trình trong bảng dự án ưu tiên, đơn vị tư vấn đã có quy mô diện tích, vị trí chi tiết tại đề xuất số 33 “Phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, phương án tăng cường năng lực của tỉnh Đồng Nai để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 trên địa bàn tỉnh đồng nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Do bố cục và tính tổng quát của Báo cáo tổng hợp, tư vấn xin phép không đưa thuyết minh cụ thể.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
15	<p>- Đề nghị bổ sung thuyết minh về việc bố trí quy hoạch xây dựng (quy mô diện tích, vị trí): Trung tâm hạt nhân Đồng Nai; Trung tâm Chiếu xạ tỉnh Đồng Nai; Trạm Quan trắc và cảnh báo phóng xạ tỉnh Đồng Nai theo hồ sơ dự thảo Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, lưu ý phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đối với các công trình trong bảng dự án ưu tiên, đơn vị tư vấn đã có quy mô diện tích, vị trí chi tiết tại đề xuất số 33 “Phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, phương án tăng cường năng lực của tỉnh Đồng Nai để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 trên địa bàn tỉnh đồng nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Do bố cục và tính tổng quát của Báo cáo tổng hợp, tư vấn xin phép không đưa thuyết minh cụ thể.</p>
16	<p>Đối với Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cho ngành khoa học và công nghệ (trang 815): đề nghị bổ sung quy mô diện tích dự kiến bố trí cho các dự án trong Danh mục này.</p>	<p>- Đối với dự án trong danh mục ưu tiên, có những dự án mới chỉ trong đề xuất, nghiên cứu nên chưa thể xác định quy mô, vị trí. Đơn vị tư vấn sẽ tiếp tục với Sở KH&amp;CN tỉnh Đồng Nai để xác định quy mô, diện tích sớm nhất</p>
17	<p>Đối với giải pháp về khoa học, công nghệ (trang 835): đề nghị thuyết minh các giải pháp về khoa học và công nghệ cho phù hợp với quy hoạch phương hướng phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh. Đồng thời, đề nghị bổ sung giải pháp về đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó, xem xét, bổ sung nội dung tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương. Đẩy mạnh việc đa dạng hoá các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển trực thuộc, thu hút</p>	<p>- Đối với các nhóm giải pháp tại chương XIV phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp là các giải pháp chung của các lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p> <p>- Đối với các nhóm giải pháp riêng cho lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, đơn vị tư vấn xin bổ sung và cập nhật tại đề xuất số 33 “Phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, phương án tăng cường năng lực của tỉnh Đồng Nai để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 trên địa bàn tỉnh đồng nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050”</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>đầu tư và hình thành các doanh nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp có tiềm năng tiếp cận với các chương trình khoa học và công nghệ của quốc gia, quỹ đổi mới công nghệ. Có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhận chuyển giao, đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p>	

**15. Bộ Công Thương (Văn bản 5173/BCT-KHTC ngày 04 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p><b>1. Về căn cứ lập quy hoạch</b></p> <p>Đề nghị bổ sung một số văn bản sau vào căn cứ lập quy hoạch, đồng thời rà soát để đảm bảo thống nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.</li><li>- Quyết định số 879/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.</li><li>- Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</li><li>- Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030.</li><li>- Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025</li></ul>	Đã tiếp thu và thực hiện chỉnh sửa tại mục IV. Căn cứ lập quy hoạch

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Các quy hoạch có liên quan thuộc đối tượng tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 Chính phủ.</p> <p>- Các quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc lĩnh vực công thương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định: số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023; số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023; số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023; số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023.</p>	
	<b>2. Về công nghiệp</b>	
	<b>2.1. Đối với nội dung đánh giá hiện trạng:</b>	
2	<p>- Bổ sung nội dung phân tích, đánh giá thực trạng về: quy mô và năng lực sản xuất, sản phẩm chủ yếu; năng lực cạnh tranh, thị trường sản phẩm công nghiệp; công nghiệp hỗ trợ; cơ cấu nhóm ngành theo thành phần kinh tế; số lượng và chất lượng nguồn nhân lực ngành công nghiệp; trình độ công nghệ trong ngành công nghiệp; tình hình đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp.</p>	<p>Đã thực hiện phân tích, đánh giá tại phần II, chương I, tiểu mục 2.2. Thực trạng phát triển ngành công nghiệp. Nội dung về chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ sẽ được tiếp tục cập nhật, bổ sung trong quá trình hoàn thiện báo cáo giai đoạn 3</p>
3	<p>- Bổ sung, làm rõ hơn về thực trạng phát triển các nhóm ngành công nghiệp, nhất là các nhóm ngành công nghiệp chủ lực của Tỉnh; Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng phát triển tiêu thủ công nghiệp, làng nghề của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020.</p>	<p>Đã có phân tích, đánh giá về các nhóm ngành công nghiệp tại phần II, chương II, tiểu mục 2.2.1 Phân tích, đánh giá về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4	- Bổ sung tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp đã đề ra trong quy hoạch giai đoạn trước, làm cơ sở xây dựng mục tiêu phát triển giai đoạn tới.	Đã tiếp thu, bổ sung kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp trong quy hoạch giai đoạn trước tại Phần II, Chương I, Mục 2.2 Thực trạng phát triển ngành công nghiệp
	<b>2.2. Đối với nội dung dự báo:</b>	
5	- Bổ sung, làm rõ hơn các yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển công nghiệp của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;	Đã có phân tích tại tiểu mục 2.2.6 Phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT) đối với phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh; những vấn đề đặt ra cho phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn tới
6	- Làm rõ vai trò của ngành công nghiệp trong nền kinh tế của Tỉnh thời kỳ quy hoạch để đề xuất chính sách phát triển phù hợp.	Đã có phân tích làm rõ vai trò “Công nghiệp là động lực tăng trưởng chính” tại phần II, chương II, tiểu mục 2.2.1 Phân tích, đánh giá về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
	<b>2.3. Đối với nội dung định hướng phát triển:</b>	
7	- Ngoài các mục tiêu phát triển chung toàn ngành công nghiệp của Tỉnh giai đoạn 2021-2030 (tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân về chỉ số sản xuất công nghiệp), đề nghị nghiên cứu, bổ sung tiêu chí, luận chứng xác định các nhóm ngành công nghiệp chủ lực của Tỉnh thời kỳ quy hoạch; mục tiêu phát triển hoặc cơ cấu các nhóm ngành này trong	Đối với vấn đề về tiêu chí, luận chứng xác định các nhóm ngành công nghiệp chủ lực cũng như mục tiêu phát triển hoặc cơ cấu các nhóm ngành này trong toàn ngành công nghiệp, đơn vị tư vấn đã có phân tích tại Phần III, chương II, tiểu mục 1.1 Phương pháp xác định các ngành quan trọng và tiểu mục 2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	toàn ngành công nghiệp; xác định các dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư tạo động lực phát triển công nghiệp.	Đối với danh mục dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư tạo động lực phát triển công nghiệp, đơn vị tư vấn đã đề xuất danh mục dự án và sẽ tiếp tục trao đổi với UBND tỉnh để hoàn thiện danh sách các dự án cũng như tổng vốn đầu tư cần thiết trong giai đoạn 3
	- Ngoài các ngành công nghiệp chủ lực được xác định trên cơ sở đánh giá tiềm năng, lợi thế của Tỉnh và phù hợp với định hướng phát triển chung của vùng, của cả nước, đề nghị định hướng phát triển các ngành công nghiệp có tính nền tảng, bền vững hỗ trợ phát triển và nâng cao giá trị gia tăng cho các ngành công nghiệp khác như công nghiệp hóa chất, cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.	Đã có định hướng phát triển tại phần III chương II Tiểu mục 2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh
	<b>2.4. Đối với hạ tầng công nghiệp:</b>	
8	- Bổ sung đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch khu công nghiệp, quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020, làm rõ hơn tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tình hình thu hút đầu tư, tỷ lệ lấp đầy, hiệu quả đầu tư	Đã có phân tích đánh giá tại phụ lục 5 đính kèm báo cáo tổng hợp
9	- Đề nghị làm rõ cơ sở xây dựng phương án phát triển KCN, CCN thời kỳ 2021-2030 và sự phù hợp với phương án phát triển công nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Đối với CCN, đề nghị làm rõ: (1) cơ sở rút 06 CCN (tổng diện tích 287,7 ha) ra khỏi quy hoạch, phương án chuyển đổi các CCN (11) hiện trạng hoạt động và đầu tư hạ tầng đối với 10 CCN (tổng diện tích 593,19 ha) dự kiến đưa vào quy hoạch	<p>Phương án phát triển KCN bám sát theo chỉ tiêu phân bổ đất đai theo quyết định 326/QĐ-TTg, phát triển 18.543 ha đến năm 2030. Định hướng cho từng khu vực và KCN dựa trên tính chất, đặc điểm lợi thế của từng KCN.</p> <p>Đã làm rõ cơ sở xây dựng phương án phát triển CCN, quy hoạch CCN tăng do cần đáp ứng nhu cầu di dời, sắp xếp, thu hút các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ và vừa. Theo tính</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thời kỳ 2021-2030 và làm rõ việc đảm bảo nguyên tắc hạn chế sử dụng đất đã quy hoạch trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.	toán của tỉnh dựa trên nhu cầu hiện hữu và dự báo nhu cầu sử dụng đất công nghiệp phục vụ di dời, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, đến năm 2030 tỉnh cần diện tích khoảng 1.746,89 đến 2.004,19 ha. Do đó, việc quy hoạch CCN lên 1.862,09 ha là hợp lý.  Việc phát triển mới các KCN, CCN đảm bảo tiêu chí không sử dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.
10	- Đề nghị chuẩn xác, thống nhất số liệu về tổng diện tích CCN dự kiến phát triển đến năm 2030 tại Bảng 77 - trang 519 (1.862,09 ha), tại Bảng 150 – trang 782 (1.907 ha) và tại trang 848 (1.931,16 ha);	Đã thống nhất số liệu tại các nội dung, bảng liên quan
11	- Bổ sung danh mục KCN, CCN dự kiến phát triển trên địa bàn Tỉnh và phân kỳ phù hợp. Đối với các CCN dự kiến phát triển giai đoạn 2021-2030, đề nghị làm rõ vị trí quy hoạch CCN đến địa bàn cấp xã.	Đã bổ sung phân kỳ tại Danh mục dự án đầu tư (Phụ lục)  Đã bổ sung vị trí quy hoạch CCN đến cấp xã tại Phần III, Chương IV, Mục 4.1.2 Cụm công nghiệp
	<b>2.5. Đối với giải pháp, chính sách phát triển công nghiệp:</b>	
12	- Đề nghị ra soát đảm bảo sự phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.	Đã tiếp thu ý kiến

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
13	<p>- Đối với giải pháp về đầu tư cho phát triển công nghiệp, đề nghị bổ cơ chế, chính sách thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân và FDI vào các ngành công nghiệp, phát triển hạ tầng công nghiệp quy mô lớn, chất lượng tốt để thu hút các dự án lớn có định hướng phát triển cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa để nâng cao chuỗi liên kết giữa các doanh nghiệp.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và cập nhật tại phần III, chương XIV, điểm c tiểu mục 4.2. Các giải pháp, chính sách huy động và sử dụng</p>
	<p><b>3. Về thương mại</b></p>	
	<p><b>3.1. Đối với nội dung đánh giá hiện trạng:</b></p>	
14	<p>- Đề nghị đánh giá rõ hơn thực trạng hoạt động thương mại của Tỉnh trong thời gian qua, so sánh với các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ và cả nước; bổ sung đánh giá hiện trạng hoạt động thương mại điện tử, tác động của đại dịch Covid - 19 làm thay đổi xu hướng sử dụng các loại hình thương mại điện tử và đến hoạt động xuất nhập khẩu của Tỉnh; Đánh giá thực trạng hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm, cửa hàng bán lẻ, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt...) trên địa bàn Tỉnh và mức độ đáp ứng đối với phát triển đô thị, phát triển thương mại và phát triển các ngành kinh tế của tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Đã trình bày chi tiết trong Chuyên đề số 26, tuy nhiên, nội dung này đã được rút gọn trong báo cáo tổng hợp khi trình lấy ý kiến các Bộ.</p> <p>Đơn vị tư vấn sẽ tích hợp nội dung này trong báo cáo tổng hợp ở kỳ báo cáo tới</p>
15	<p>- Bổ sung số liệu về các mặt hàng chủ lực, các thị trường xuất khẩu chính của Tỉnh</p>	<p>Đã trình bày chi tiết trong Chuyên đề số 26, tuy nhiên nội dung này đã được rút gọn trong báo cáo tổng hợp khi trình</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lấy ý kiến các Bộ. Đơn vị tư vấn sẽ tích hợp nội dung này trong báo cáo tổng hợp ở kỳ báo cáo tới.
16	- Bổ sung đánh giá, phân tích về tăng trưởng, đóng góp của giá trị tăng thêm ngành thương mại vào GRDP toàn Tỉnh.	Đã trình bày chi tiết trong Chuyên đề số 26, tuy nhiên nội dung này đã được rút gọn trong báo cáo tổng hợp khi trình lấy ý kiến các Bộ. Đơn vị tư vấn sẽ tích hợp nội dung này trong báo cáo tổng hợp ở kỳ báo cáo tới
	<b>3.2. Đối với nội dung định hướng phát triển:</b>	
17	- Đề nghị bổ sung định hướng về thị trường trong nước, thương mại điện tử, hoạt động xuất nhập khẩu; Bổ sung phương án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, danh mục các dự án đầu tư đối với hạ tầng thương mại. Rà soát các quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 Chính phủ (gồm Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống trung tâm logistic trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030) để nghiên cứu, xem xét tích hợp trong quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021-2030 phù hợp.	Đã trình bày chi tiết trong Chuyên đề số 26, tuy nhiên nội dung này đã được rút gọn trong báo cáo tổng hợp khi trình lấy ý kiến các Bộ. Đơn vị tư vấn sẽ tích hợp nội dung này trong báo cáo tổng hợp ở kỳ báo cáo tới
18	- Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Liên danh tư vấn đã tiếp thu và đang rà soát, cập nhật để hoàn thiện



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>xây dựng phương án phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh (nhỏ hơn 5000 m). Do đó, trên cơ sở hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt hiện có và dự báo nhu cầu về xăng dầu, khí đốt trên địa bàn Tỉnh, đề nghị bổ sung định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt của Tỉnh trong thời gian tới, đồng thời cập nhật, thống nhất với hạ tầng, dự trữ xăng dầu khí đốt Quốc gia theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 nêu trên nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân và bố trí quỹ đất phù hợp.</p>	
	<b>4. Về hạ tầng điện</b>	
	<b>4.1. Đối với nội dung đánh giá hiện trạng:</b>	
19	<p>- Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn Tỉnh (điện thương phẩm, công suất cực đại); bổ sung đánh giá tình hình triển khai đầu tư các công trình nguồn và lưới điện trên địa bàn tỉnh, đánh giá tỷ lệ thực hiện so với quy hoạch trước đã được phê duyệt</p> <p>- Thống kê thông số kỹ thuật, tình trạng vận hành lưới điện 220, 110 kV trên địa bàn Tỉnh.</p>	Đã tiếp thu và sẽ rà soát và bổ sung ở giai đoạn tiếp theo
	<b>4.2. Đối với phương án phát triển:</b>	
20	- Bổ sung bảng tổng hợp nhu cầu điện (công suất, điện năng) của Tỉnh các giai đoạn theo từng thành phần phụ tải làm cơ sở xác định	Đã tiếp thu và sẽ rà soát và bổ sung ở giai đoạn tiếp theo

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	sự cần thiết quy hoạch mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV; bổ sung cân đối nguồn tải từng phân vùng phụ tải, làm rõ hơn sự cần thiết quy hoạch xây dựng mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV	
21	- Làm rõ hơn phương án phát triển đường dây 110 kV liên kết giữa các trạm 110 kV và liên kết với tỉnh khác, các xuất tuyến 110 kV sau trạm 220 kV để cấp điện cho tỉnh Đồng Nai; Bổ sung sơ đồ, bản đồ lưới điện trên địa bàn tỉnh theo các giai đoạn quy hoạch	Đã tiếp thu và sẽ rà soát và bổ sung ở giai đoạn tiếp theo
22	- Đề nghị xem xét, bổ sung các công trình điện trong danh mục dự án ưu tiên để đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.	Đã tiếp thu và sẽ rà soát và bổ sung ở giai đoạn tiếp theo
23	- Rà soát danh mục công trình nguồn điện, hạ tầng truyền tải, phân phối điện với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 và Kế hoạch thực hiện Kế hoạch mà Bộ Công Thương đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Đã rà soát và cập nhật vào thuyết minh hợp phần 28. Tiếp tục cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung khi có các tài liệu mới liên quan
24	- Để đảm bảo tính khả thi, đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch và đơn vị tư vấn tham vấn ý kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam đối với nội dung phương án phát triển hạ tầng điện trên địa bàn Tỉnh trong quá trình hoàn thiện quy hoạch.	Đã tiếp thu và sẽ rà soát và bổ sung ở giai đoạn tiếp theo

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<b>5. Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)</b>	
25	<p>- Đề nghị chuẩn xác, thống nhất thời kỳ quy hoạch trong nội dung ĐMC để làm cơ sở xác định chuỗi thời gian cần thu thập dữ liệu về hiện trạng khí tượng - thủy văn trong lưu vực, các thành phần môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội phù hợp với Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	<p>Thời kỳ quy hoạch là 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nên dữ liệu ĐMC đang dùng là để lập báo cáo ĐMC là dữ liệu trong 5 năm 2016-2020. Đây là chuỗi thời gian cần thu thập dữ liệu về hiện trạng khí tượng - thủy văn trong lưu vực, các thành phần môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội phù hợp với Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>
26	<p>- Đối với nội dung đánh giá sự phù hợp quan điểm, mục tiêu phát triển của Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường, đề nghị rà soát các quan điểm và mục tiêu bảo vệ môi trường theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ hiện hành thay các quyết định đã hết hiệu lực (Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012; Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013; Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011).</p>	<p>Đã cập nhật và bổ sung tại mục 3.1.1. và 3.1.2. Chương 3</p>
27	<p>- Đề nghị làm rõ, phân biệt giữa vấn đề môi trường chính và thành phần môi trường chính (đất, nước, không khí).</p>	<p>ĐMC chỉnh sửa, xác định các vấn đề môi trường chính của QH như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vấn đề ô nhiễm môi trường không khí;</li> <li>2. Vấn đề nhiễm môi trường nước</li> <li>3. Vấn đề gia tăng chất thải rắn</li> <li>4. Vấn đề suy thoái tài nguyên đất;</li> </ol>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		5. Vấn đề suy giảm tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.
28	<p>- Đề việc phân tích diễn biến các vấn đề môi trường chính, việc so sánh các vấn đề môi trường chính với các kịch bản Quy hoạch có độ tin cậy, làm cơ sở khuyến nghị điều chỉnh các kịch bản Quy hoạch, đề nghị làm rõ tính kết nối giữa các vấn đề môi trường chính của ĐMC với không gian, hiện trạng môi trường đã nghiên cứu ở Chương 2 với các thành phần (nội dung) Quy hoạch có khả năng, tác động ảnh hưởng đến môi trường đã được nêu tại Mục 1.4 Chương 1.</p>	<p>ĐMC đã chỉnh sửa, bổ sung các thành phần quy hoạch có khả năng tác động tới các thành phần môi trường chính tại mục 1.4 chương 1. Đã bổ sung nội dung hiện trạng môi trường liên quan đến các vấn đề môi trường chính tại chương 2 và đã phân tích, đánh giá các nội dung quy hoạch tác động tới các vấn đề môi trường chính tại chương 3.</p>
29	<p>- Đề nghị rà soát đảm bảo thống nhất giữa nội dung và tiêu đề tại các Mục 3.4.2; 3.4.2.1; 3.4.2.2; 3.5; 3.5.1; 3.5.2; 4.2.1 của báo cáo ĐMC.</p>	<p>ĐMC rà soát, chỉnh sửa thống nhất giữa nội dung và tiêu đề các mục theo góp ý</p>

**16. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Văn bản 2931/LĐTBXH-KHTC ngày 01 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<b>1. Phần Mở đầu</b>	
	<b>Về các căn cứ lập quy hoạch tại mục II (trang 4-10).</b>	
1	<p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung: Luật Giáo dục nghề nghiệp; Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện chỉnh sửa vào phần IV. Căn cứ lập quy hoạch</p>
	<b>2. Phần I: Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Đồng Nai.</b>	
2	<p>Báo cáo tổng hợp đã đề cập đến thực trạng dân số, dân cư và thực trạng nguồn nhân lực, lao động của tỉnh tại điểm II.1 và II.2 (từ trang 26-31). Tuy nhiên, đề nghị bổ sung thông tin, số liệu và đánh giá về năng suất lao động, tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng năng suất lao động (vì các yếu tố lao động, tăng năng suất lao động có ảnh hưởng đến tăng trưởng GRDP của tỉnh); cơ cấu lao động theo giới tính và nhóm tuổi (để làm rõ lực lượng lao động trong nhóm tuổi thanh niên, nguồn nhân lực quan trọng phục vụ cho quá</p>	<p>Đã tiếp thu và sẽ rà soát và bổ sung ở giai đoạn tiếp theo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>trình phát triển tỉnh Đồng Nai); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; phát triển thị trường lao động, các hoạt động kết nối cung - cầu lao động (tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm...); dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, dịch chuyển lao động từ các địa phương ngoài vào tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, bổ sung dự báo về quy mô dân số, lực lượng lao động, nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề.</p>	
	<p><b>3. Phần II. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn</b></p>	
3	<p>- Tại điểm II.1. Thực trạng phát triển giáo dục đào tạo (từ trang 164-172): Đề nghị rà soát, đánh giá kỹ hơn về thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp bao gồm các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác. Mức độ đáp ứng quy mô đào tạo so với nhu cầu nhân lực qua đào tạo của tỉnh đối với hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thời gian qua. Đồng thời, đề nghị tách thành các nội dung về mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và sư phạm (do Bộ Giáo dục quản lý, gồm các trường đại học và sư phạm) và mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, gồm các trường cao đẳng, trung cấp và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp).</p>	<p>- Đã chỉnh sửa, bổ sung thêm về thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp bao gồm các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác. Mức độ đáp ứng quy mô đào tạo so với nhu cầu nhân lực qua đào tạo của tỉnh đối với hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại ý 1.5 Giáo dục nghề nghiệp, chương II phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p> <p>- Đã chỉnh sửa, tách nội dung theo góp ý.</p>
4	<p>+ Tại điểm II. 5 Thực trạng lĩnh vực an sinh xã hội (từ trang 195-198): Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng cơ sở dịch vụ việc làm (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia,</p>	<p>- Đã bổ sung Mục 5.9 Thực trạng cơ sở dịch vụ việc làm, chương II phần II trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ); đối với mỗi mạng lưới cơ sở, làm rõ về số lượng, quy mô đối tượng (quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với cơ sở dịch vụ việc làm quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở trợ giúp xã hội), phân bố không gian và hiện trạng sử dụng đất.</p>	
	<p><b>4. Phần III. Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050</b></p>	
	<p><b>a) Mục II. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và các ngành khác trên địa bàn tỉnh.</b></p>	
5	<p>- Tại điểm 1. Các nhóm ngành, lĩnh vực quan trọng (trang 369): Báo cáo tổng hợp đã xác định các nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên tạo đột phá cho phát triển của tỉnh. Tuy nhiên đề nghị bổ sung tiêu chí, luận cứ để xác định các ngành quan trọng của tỉnh; trên cơ sở đó lựa chọn, sắp xếp, tổ chức không gian và đề xuất giải pháp phát triển ngành quan trọng của tỉnh để tập trung nguồn lực thực hiện, tránh đầu tư dàn trải, không hiệu quả.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và có phân tích tại Phần III, chương II, tiểu mục 1.1 Phương pháp xác định các ngành quan trọng</p>
	<p>- Tại điểm 3.6. Phương án phát triển lĩnh vực an sinh xã hội (từ trang 464- 470), đề nghị bổ sung phương hướng phát triển lĩnh vực lao động - việc làm như sau: Phát triển thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Giải quyết việc làm bền vững gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, sớm hoàn thành việc tích hợp cơ sở dữ liệu lao động - việc làm với cơ sở dữ liệu dân cư; tăng cường kết nối</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa thêm phương hướng, mục tiêu phát triển lĩnh vực lao động - việc làm tại viii-b và viii-c mục 3.6 chương II phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>và điều tiết cung - cầu lao động, nhất là kết nối thị trường lao động tỉnh Đồng Nai với các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ nơi có nguồn nhân lực dồi dào; phát triển, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm; có giải pháp khuyến khích tạo việc làm trong cả khu vực công và khu vực tư; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; thực hiện tốt các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động; bảo đảm các điều kiện lao động; tập trung xây dựng nhà ở cho người lao động trong các khu công nghiệp đồng bộ với các thiết chế văn hóa, trường học, nhà trẻ, trạm y tế để người lao động yên tâm làm việc.</p>	
	<p><b>b) Mục VI. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng khác:</b></p>	
6	<p>- Về phương hướng phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (từ trang 627-632): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung theo nội dung Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được phê duyệt tại Quyết định số 73/2023/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ) để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của quy hoạch tỉnh với quy hoạch ngành quốc gia. Về phương án phát triển đề nghị xác định rõ mục tiêu về quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo; phương án bố trí không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa phương hướng phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại 2.7 chương VI phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
7	<p>- Về phương án phát triển cơ sở hạ tầng an sinh xã hội (từ trang 638-641): Báo cáo tổng hợp đã đề cập đến phương án phát triển các cơ sở</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, bổ sung định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trợ giúp xã hội. Tuy nhiên, đối với mỗi cơ sở, đề nghị bổ về quy mô phát triển (quy mô tiếp nhận, chăm sóc, điều trị cho các đối tượng bảo trợ xã hội), định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch (bao gồm cả định hướng phát triển đối với các cơ sở ngoài công lập).	đất của tỉnh cho mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tại phần II. QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050; Mục VI. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng khác; 4. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng an sinh xã hội; Tiêu mục 4.1. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng an sinh xã hội.
8	- Đề nghị bổ sung phương án phát triển hạ tầng dịch vụ việc làm (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ), trong đó làm rõ quy mô quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm, phân bố không gian, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh.	- Đã bổ sung phương án phát triển hạ tầng dịch vụ việc làm tại 4.3 chương VI phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp
9	b) XIII. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (trang 799): Đề nghị rà soát, bảo đảm danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện theo phân kỳ đầu tư trong thời kỳ quy hoạch. Đồng thời rà soát, bổ sung các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, gồm: các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội (gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy), nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, giải quyết việc làm và cung ứng các dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách.	- Đã cập nhật danh mục ưu tiên lĩnh vực GDNN, lĩnh vực trợ giúp xã hội (gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy vào bảng tại điểm 3 chương XIII phần III trong báo cáo thuyết minh tổng hợp.

**17. Bộ Tài nguyên Môi trường (Văn bản số 6850/BTNMT-MT ngày 21 tháng 08 năm 2023)**

<b>Stt</b>	<b>ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý</b>	<b>TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</b>
1	<p>Những nội dung đề nghị bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện:</p> <p>2.1. Phần Mở đầu:</p> <p>- Mục 2.1.</p> <p>Căn cứ pháp luật:</p> <p>+ Bổ sung: Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Quyết định số 888/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; Quyết định số 942/QĐTTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kết luận số 36/KL-TW ngày 26/3/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</p>	<p>ĐMC đã bổ sung và loại bỏ các văn bản theo ý kiến góp ý tại mục 2.1.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2	+ Rà soát, loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực: Nghị định số 40/2019/NĐCP ngày 17/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định về quản lý chất thải y tế; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;	Đã loại bỏ các văn bản hết hiệu lực
3	- Bổ sung căn cứ kỹ thuật: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường mới ban hành để áp dụng như QCVN 08/2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.	Đã cập nhật, bổ sung các QCVN mới ban hành
4	2.2. Chương I: Mục 1.3. Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy hoạch: Đề nghị bổ sung bảng phân tích sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (về quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực,...) với các Chiến lược, Quy hoạch có liên quan.	Bảng phân tích sự phù hợp của quy hoạch tỉnh Đồng Nai với các Chiến lược, Quy hoạch có liên quan đã thể hiện tại mục 3.2.1
5	2.3. Chương II: - Mục 2.1.2 Phạm vi thời gian: Báo cáo nêu thời gian thực hiện là 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là không phù hợp. Về phạm vi thời gian bao gồm thời gian nhận dạng các vấn đề tác động trong quá khứ và thời gian ự báo các tác động của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện	Đã chỉnh sửa phạm vi thời gian thực hiện ĐMC: Thời gian bao quát của các thông tin, số liệu đã sử dụng để tiến hành ĐMC là khoảng thời gian 2011-2020, trong đó việc đánh giá hiện trạng và diễn biến các vấn đề môi trường tập trung chủ yếu là thời gian 5 năm gần đây (2016-2020), chuỗi số liệu kinh tế - xã hội tập trung chủ yếu là là khoảng thời gian 2011-2020 và thời gian dự

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Quy hoạch để xác định thời gian thực hiện ĐMC theo quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	báo xu thế diễn biến trong tương lai là giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050
6	<p>- Mục 2.2.1. Thành phần môi trường tự nhiên:</p> <p>+ Bổ sung hiện trạng, diễn biến chất lượng từng thành phần môi trường có khả năng bị tác động bởi quy hoạch tỉnh như: đất, nước, không khí, sinh vật, ... Trong đó, đặc biệt lưu ý bổ sung các biểu đồ thể hiện diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí theo chuỗi thời gian, đặc biệt trong giai đoạn 2016- 2020; Bổ sung đánh giá thực trạng và diễn biến, xu hướng biến động đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh theo thời gian.</p>	<p>Đã bổ sung một số thông tin về hiện trạng, diễn biến chất lượng các thành phần môi trường tại mục 2.2.1.</p> <p>Đã bổ sung nội dung đánh giá thực trạng và diễn biến, xu hướng biến động đa dạng sinh học tại mục 2.2.1.4</p> <p>Các biểu đồ diễn biến chất lượng môi trường đang được tổng hợp và bổ sung sau.</p>
7	+ Mục 2.2.1.1. Hiện trạng môi trường đất: Đề nghị làm rõ nội dung “chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 100%, trong đó tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đạt không quá 15 %” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Đã chỉnh sửa nội dung liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt tại mục 2.2.1.1 (theo số liệu trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 - Văn bản số 559/BC-STNMT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Sở TNMT tỉnh Đồng Nai)
8	- Mục 2.2.2. Di sản thiên nhiên (trang 54): đề nghị bổ sung hiện trạng các khu danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, rà soát các di sản thiên nhiên theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	Đã bổ sung hiện trạng các khu danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh tại mục 2.2.2.3
9	<p>2.4. Chương III:</p> <p>- Mục 3.1.1. Các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường đã lựa chọn:</p> <p>+ Liệt kê các quan điểm, mục tiêu, chính sách có liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà</p>	Đã bổ sung nội dung các quan điểm, mục tiêu, chính sách có liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;	và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tại mục 3.1.1
10	+ Bổ sung nội dung so sánh, đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách bảo vệ môi trường trong các văn bản liệt kê bổ sung ở trên. Đồng thời làm rõ những vấn đề không phù hợp hoặc mâu thuẫn.	Đã bổ sung nội dung so sánh đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách bảo vệ môi trường trong các văn bản liệt kê tại mục 3.1.2
11	- Mục 3.2. Các vấn đề môi trường chính: + Mục 3.2.1. Cơ sở xác định các vấn đề môi trường chính: Làm rõ nội dung “Quy mô của Quy hoạch sẽ gây ra các vấn đề môi trường trong phạm vi của thành phố và ngoài biên giới của thành phố Đồng Nai”; cần nêu rõ đã nghiên cứu tài liệu, thông tin và số liệu nào để xác định các vấn đề môi trường chính liên quan đến Quy hoạch.	Nhóm ĐMC đang cập nhật các tài liệu, thông tin liên quan và tiếp tục bổ sung tại mục 3.2.1
12	+ Các vấn đề môi trường chính: cần đưa ra các tiêu chí để lựa chọn các vấn đề môi trường chính, từ đó nhận dạng các vấn đề môi trường chính có tính tích cực và tiêu cực của Quy hoạch và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.	Đã bổ sung các tiêu chí lựa chọn các vấn đề môi trường chính tại mục 3.2.1
13	+ Báo cáo đưa ra các vấn đề: Môi trường không khí, tiếng ồn ở các tuyến đường và nút giao thông chính, làng nghề và khu vực bãi rác; môi trường nước mặt các khu vực tiếp nhận nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung; chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, nguy cơ ô nhiễm môi trường đất ở các bãi/cơ sở xử lý chất thải; tài nguyên đất; tài nguyên rừng và đa dạng sinh học không phải là các vấn đề môi trường chính.	Đã chỉnh sửa và xác định lại các vấn đề môi trường chính tại mục 3.2.2, gồm: 1. VĐMT số 1: Ô nhiễm môi trường nước 2. VĐMT số 2: Ô nhiễm môi trường không khí 3. VĐMT số 3: Ô nhiễm và phát thải chất thải rắn vào môi trường

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		4. VĐMT số 4: Ô nhiễm, suy thoái tài nguyên đất 5. VĐMT số 5: Suy giảm ĐDSH
14	- Mục 3.3 & 3.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch và thực hiện Quy hoạch: Đề nghị thống nhất việc đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính xác định tại mục 3.2.	Báo cáo đang tổng hợp thông tin, tính toán đánh giá và tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý.
15	- Bổ sung nội dung ước tính lượng phát thải khí nhà kính theo các phương án phát triển các ngành, lĩnh vực đã đề ra trong Quy hoạch.	Báo cáo đang tính toán và tiếp tục bổ sung vào báo cáo.
16	2.5. Chương IV: - Mục 4.1. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường: Đề nghị xem xét, đề xuất các giải pháp theo các vấn đề môi trường chính được lựa chọn. Đồng thời, bổ sung nội dung nhận xét, đánh giá về tính khả thi, dự kiến phương án tổ chức thực hiện, cơ quan chủ trì thực hiện và cơ quan phối hợp thực hiện đối với từng giải pháp	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
17	- Mục 4.2. Định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch: Đề nghị bổ sung các định hướng về: (1) Áp dụng công cụ quản lý môi trường của Quy hoạch; (2) Phân vùng môi trường (nếu có); (3) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch trong đó chỉ ra những vấn đề môi trường cần tập trung đánh giá, nhóm đối tượng có khả năng bị tác động và dự báo khu vực bị tác động theo quy định.	Đã bổ sung tại mục 4.2

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
18	- Bổ sung nguồn trích dẫn số liệu trong toàn bộ báo cáo ĐMC.	Đã bổ sung

**18. Bộ Tài nguyên Môi trường (Văn bản số 7128/BTNMT-MT ngày 24 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<b>1. Về cơ sở pháp lý, căn cứ pháp lý lập quy hoạch:</b>	
1	<p>- Đề nghị rà soát chỉnh sửa, bổ sung các căn cứ pháp lý lập quy hoạch theo quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch. Một số văn bản đã hết hiệu lực đề nghị không đưa vào căn cứ để lập quy hoạch tỉnh, ví dụ như: Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại ...</p>	Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã cập nhật vào phần căn cứ pháp lý lập quy hoạch
2	<p>- Đề nghị rà soát, bổ sung thêm một số Nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan làm cơ sở làm căn cứ để lập quy hoạch tỉnh như: Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội Khóa XV về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội thông qua Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.....; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi</p>	Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã cập nhật vào phần căn cứ pháp lý lập quy hoạch



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>trường; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 1/2/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước; Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.</p>	
	<p><b>2. Về mục tiêu</b></p>	
<p><b>3</b></p>	<p>- Bổ sung vào Mục tiêu tổng quát năm 2030 (trang 356) nội dung: Tỉnh sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại; triển khai hiệu quả công tác quản lý chất thải, bảo vệ môi trường; trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo,...</p>	<p>Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã cập nhật</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4	<p>- Bổ sung vào Tầm nhìn năm 2050 (trang 356) nội dung: Với tư duy đột phá, phát huy tốt các tiềm năng và lợi thế, tỉnh Đồng Nai xác định tầm nhìn đến 2050 sẽ là một trong các cực tăng trưởng quan trọng của Việt Nam, đi đầu trong phát triển công nghiệp tạo giá trị cao gắn với bảo vệ môi trường,...; rà soát khái niệm “phát thải trung tính” "netzero 2050” (thường được hiểu là trung hòa cac bon và phát thải ròng bằng 0).</p>	Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã cập nhật
5	<p>- Đề nghị thể hiện rõ quan điểm lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước. Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa tại mục X, Phần III.
6	<p>- Mục 3.2. Tầm nhìn đến năm 2050: Xem xét, chỉnh sửa mục tiêu đến năm 2050 phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng “0”.</p>	Đã tiếp thu và bổ sung theo góp ý.
7	<p>- Bổ sung mục tiêu triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường vào mục 4.2.4. Mục tiêu về môi trường.</p>	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được bổ sung vào Mục; 6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn
8	<p>- Về mục tiêu môi trường: bổ sung các chỉ tiêu như tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, ... và lộ trình thực hiện để làm</p>	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ bổ sung vào mục 6.2 Mục tiêu phù hợp với yêu cầu về Chiến lược bảo

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>căn cứ đánh giá việc thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Phụ lục I, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Đồng thời, bổ sung mục tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom để thực hiện mục tiêu nêu tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
	<p><b>3. Về đất đai</b></p>	
	<p><b>3.1. Về hiện sử dụng đất, tiềm năng đất đai, tính hợp lý, hiệu quả sử dụng đất của tỉnh.</b></p>	
<p><b>9</b></p>	<p>- Về số liệu hiện sử dụng đất đề nghị rà soát kiểm tra theo đúng số liệu diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên Môi trường kết quả thực hiện thống kê đất đai năm 2020 tại văn bản số 3981/BC-UBND ngày 10/5/2021 và số liệu báo cáo tại Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về báo cáo, sự thống nhất hồ sơ và thực địa.</p>	<p>Đã tiếp thu đã rà soát lại toàn bộ số liệu phân hiện trạng sử dụng đất năm 2020 đều khớp với các số liệu được công bố tại Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020</p>
<p><b>10</b></p>	<p>- Về đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất; đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước: Đề nghị rà soát các chỉ tiêu đánh giá</p>	<p>Đã tiếp thu, rà soát và bổ sung đầy đủ các mục theo quy định tại điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>hiện trạng và biến động sử dụng đất, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 -2020 theo quy định tại điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Đề nghị đánh giá rõ lý do một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thực hiện ở kỳ quy hoạch trước đã đạt được với tỷ lệ thấp như: đất cụm công nghiệp; đất thương mại dịch vụ, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo; đất có di tích, lịch sử văn hóa... làm căn cứ đề định hướng quy hoạch sử dụng đất trong thời gian tới. Bổ sung đánh giá hiệu quả mang lại của việc chuyển đổi từ loại đất này sang loại đất khác và so sánh mức độ khai thác tiềm năng lợi thế của đất đai.</p>	<p>phủ, cụ thể tại mục đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tính hợp lý sử dụng đất, tiềm năng đất đai và đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước.</p>
	<p><b>3.2. Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.</b></p> <p>Cần thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (sửa đổi Điều 39 Luật Đất đai) và Khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu, rà soát và sửa chữa lại toàn bộ hệ thống bảng biểu chỉ tiêu đất, báo cáo thuyết minh đảm bảo tuân thủ Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (sửa đổi Điều 39 Luật Đất đai) và Khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>
11	<p>- Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của việc lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh; đánh giá rõ hơn nữa sự phù hợp của phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt; mức độ phù hợp của phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu, nghiên cứu và bổ sung đầy đủ lên phương án phân bổ đất đai trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
12	<p>- Về định hướng sử dụng đất của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch: bổ sung định hướng, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực liên quan đến đất đai từ đó đưa ra định hướng sử dụng đất theo các chỉ tiêu (gồm quốc gia, tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng); đề nghị bổ sung trích dẫn nguồn số liệu.</p>	<p>Đã tiếp thu, đã bổ sung đầy đủ lên phương án phân bổ đất đai trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050</p>
13	<p>- Về phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện: báo cáo chưa có phân tích, đánh giá những tồn tại, ưu điểm của việc sử dụng đất, chưa đánh giá mức độ phù hợp chỉ tiêu cấp tỉnh xác định so với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ.</p>	<p>Đã tiếp thu, đã bổ sung đầy đủ lên phương án phân bổ đất đai trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050</p>
	<p><b>3.3. Về các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030.</b> Hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh xác định chưa phù hợp so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Phụ lục 49 kèm theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 cụ thể như sau:</p>	<p>Đã tiếp thu đã rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ các chỉ tiêu đất đai phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022</p>
14	<p>- Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030: Có 1/25 chỉ tiêu sử dụng đất xác định thấp hơn diện tích so với chỉ tiêu Quốc gia phân bổ đó là Đất nông nghiệp diện tích 426.498 ha thấp hơn 10.074 ha so với chỉ tiêu phân bổ; Có 14/25 chỉ tiêu sử dụng đất xác định bằng với chỉ tiêu phân bổ. Có 10/25 chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh xác định cao hơn diện tích so với chỉ tiêu Quốc gia phân bổ bao gồm; đất trồng lúa diện tích 18.562 ha cao hơn 1.045 ha; đất rừng sản xuất diện tích 26.208 ha cao hơn 1.093 ha; đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên diện tích 12.480 ha tăng 1.191 ha; đất phi nông nghiệp diện tích 159.855 ha cao hơn 10.074ha; đất an ninh diện tích 2.390 ha cao hơn 1.082 ha, đất khu công nghiệp diện tích 21.908 ha cao hơn 3.365 ha; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh diện tích 38.691 ha cao hơn 8.470 ha, đất</p>	<p>Đã tiếp thu đã rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ các chỉ tiêu đất đai phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	giao thông diện tích 26.437 ha cao hơn 4.549 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo diện tích 2.633 ha tạo cao hơn 300 ha; đất công trình bưu chính viễn thông diện tích 244 ha cao hơn 200 ha.	
15	- Đề nghị rà soát lại các công trình, dự án trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030 để đảm bảo không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg hoặc còn thiếu gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	Đã tiếp thu, rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ các chỉ tiêu đất đai phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022
	<b>3.4. Một số nội dung góp ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình lập và phê duyệt quy hoạch tỉnh để đảm bảo tính khả thi của phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.</b>	
16	- Về chỉ tiêu đất khu công nghiệp: Hiện trạng năm 2020 tỉnh có 8.676 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 21.908 ha, tăng 13.232 ha so với năm 2020 cao hơn 3.365 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg; đề nghị rà soát kỹ lại tên các Khu công nghiệp, vị trí, địa điểm, diện tích các khu công nghiệp để đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Phụ lục 49 kèm theo Quyết định số 326/QĐ-TTg và đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và pháp luật khác có liên quan và tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp (đề nghị cập nhật số liệu diện tích khu công nghiệp Phước Bình II tại văn số 4730/BKHĐT-QLKKT ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Bộ kế hoạch và đầu tư).	Đã tiếp thu, phối hợp với Sở ngành liên quan điều chỉnh lại phương án phát triển KCN theo đúng với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg là 18.543 ha.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
17	<p>- Về chỉ tiêu đất cụm công nghiệp: Hiện trạng năm 2020 có 517 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.907 ha tăng 1.390 ha so với năm 2020; đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý, tính khả thi, cơ sở khoa học của việc tăng khá cao về nhu cầu diện tích này, cần rà soát lại diện tích đến năm 2030 để phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, cần đảm bảo an ninh lương thực, bảo vệ môi trường, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế-xã hội, khả năng thu hút đầu tư của tỉnh giai đoạn 2021- 2030; cần đảm bảo nguyên tắc hạn chế tối đa sử dụng vào đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không làm thất thoát tài sản đất đai, ngân sách nhà nước. Việc dự kiến quy hoạch mới các cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030 cần tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p>Đã tiếp thu, quy hoạch CCN tăng do cần đáp ứng nhu cầu di dời, sắp xếp, thu hút các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ và vừa. Thực tế, hiện nay tỉnh đã có 27 CCN được quy hoạch với tổng diện tích 1.493,239 ha. Giai đoạn 2021-2030 tỉnh đề xuất rút quy hoạch 6/27 CCN quy hoạch hiện hữu, điều chỉnh mở rộng 2 CCN và giảm diện tích 1 CCN; đề xuất bổ sung 10 CCN với tổng diện tích 593,19 ha. Như vậy, quy hoạch CCN đến năm 2030 chỉ tăng khoảng 368,85 ha lên so với quy hoạch đến năm 2020, lên 1.862,09 ha.</p> <p>Theo tính toán của tỉnh dựa trên nhu cầu hiện hữu và dự báo nhu cầu sử dụng đất công nghiệp phục vụ di dời, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, đến năm 2030 tỉnh cần diện tích khoảng 1.746,89 đến 2.004,19 ha. Do đó, việc quy hoạch CCN như trên là hợp lý.</p>
18	<p>- Về chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng: Hiện trạng năm 2020 có 22.989 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 38.691 ha tăng 15.703 ha so với năm 2020 cao hơn 8.470 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg; đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý, tính khả thi, cơ sở khoa học của việc tăng rất cao về nhu cầu diện tích này, cần rà soát lại diện tích đến năm 2030 để phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia; trong đó riêng đất giao thông đến 2030 có 26.437 ha tăng 11.549 ha so với năm 2020 cao hơn chỉ tiêu phân bổ 4.549 ha, đề nghị bổ sung lý</p>	<p>Đã tiếp thu đã rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ các chỉ tiêu đất đai phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	do cụ thể chi tiết hơn, có số liệu tính toán thuyết phục hơn về chỉ tiêu loại đất này.	
19	<p>- Một số chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh xác định theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tăng nhiều so với hiện trạng năm 2020 như: đất cụm công nghiệp năm 2020 có 517 ha, quy hoạch là 1.907ha, tăng 1.390 ha so với năm 2020; đất thương mại, dịch vụ năm 2020 có 1.251 ha, quy hoạch đến năm 2030 có 2.242 ha tăng 991 ha so với năm 2020; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2020 có 2.968 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.093 ha, tăng 125 ha so với năm 2020; đất thủy lợi năm 2020 có 2.673 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.184 ha, tăng 511 ha so với năm 2020; đất làm nghĩa trang nghĩa địa năm 2020 có 1.372 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.976 ha, tăng 605 ha so với năm 2020...; Tình cần giải trình đầy đủ về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học đối với việc tăng diện tích các loại đất này; cần thể hiện được các công trình, dự án, nguồn lực vốn đầu tư và giải pháp cụ thể để đảm bảo tính khả thi của phương án quy hoạch, đảm bảo cân đối việc giảm tương ứng đối với các chỉ tiêu do quốc gia phân bổ như đất nông nghiệp, đất trồng lúa, đồng thời phải thể hiện cụ thể trên bản đồ và khoanh định ngoài thực địa, không được làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ đến 5 năm 2030.</p>	<p>Đã tiếp thu đã rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất theo đúng các công trình, dự án đã được xác định thực hiện trong phương án quy hoạch của các ngành, lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm</p>
20	<p>- Tại trang 789 Báo cáo tổng hợp (2.4. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch). Báo cáo đã nêu diện tích đất cần chuyển mục đích; đề nghị bổ sung nêu rõ diện tích các loại đất cần chuyển mục đích đến từng đơn vị hành chính cấp huyện và lập biểu minh họa, đề nghị Tỉnh cần làm rõ căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học của việc chuyển mục đích đất nông nghiệp, cần rà soát lại diện tích đến năm 2030 để đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung đầy đủ biểu thu hồi, biểu chuyển mục đích theo quy định đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tại phần phụ lục báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050</p> <p>Đối với phần diện tích đất được thu hồi, chuyển mục đích đơn vị tư vấn đã rà soát tính toán phản ánh</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>tại Quyết định số 326/QĐ-TTg, cần đánh giá tác động môi trường, kinh tế - xã hội đầy đủ, nhất là đời sống, việc làm của người trồng lúa và ảnh hưởng tác động đến biến đổi khí hậu; rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, tính toán và cân đối nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tránh gây lãng phí đất khi chuyển mục đích nhưng không sử dụng.</p>	<p>đúng diện tích cần thu hồi, chuyển mục đích theo các công trình, dự án thực tế theo phương án Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã được xây dựng.</p>
21	<p>- Tại trang 789 Báo cáo tổng hợp (Mục 2.5 Diện tích đất cần thu hồi đến đơn vị hành chính cấp huyện), Báo cáo đã nêu diện tích đất cần thu hồi; đề nghị chỉnh sửa lại nêu rõ diện tích các loại đất cần thu hồi phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Tại trang 790 Đối với số liệu tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất theo các khu chức năng tại bảng 161: Đất đô thị đề nghị giải trình nêu rõ việc giảm 23.379 ha đất đô thị so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ là 72.377 ha; kiểm tra lại diện tích đất khu công nghệ cao, đất khu du lịch nêu tên nhưng không có thông tin về diện tích....</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung đầy đủ biểu thu hồi, biểu chuyển mục đích theo quy định đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tại phần phụ lục báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050</p> <p>Đối với diện tích đất đô thị trong quy hoạch tỉnh đang xác định thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ sẽ được đơn vị tư vấn cập nhật, bổ sung theo phương án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang được xây dựng trong Quy hoạch tỉnh</p>
22	<p>- Đối với phương án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất, đề nghị rà soát việc xác định diện tích các loại đất cần thu hồi vào các mục đích theo đúng quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai và diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai (nội dung này đã được quy định cụ thể tại điểm d và điểm đ khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch).</p>	<p>Đã tiếp thu và rà soát lại toàn bộ diện tích đất cần thu hồi, chuyển mục đích đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai và diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai (nội dung này đã được quy định cụ thể tại điểm d và điểm đ khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch).
23	- Đề nghị rà soát lại toàn bộ số liệu tại bảng 128 (trang 755-768) Dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo huyện đề nghị thống nhất với số liệu và nội dung phần lời giải trình từ trang 769 đến trang 790 (ví dụ như diện tích đất an ninh quy hoạch đến năm 2030: tại bảng 127 diện tích đất an ninh chỉ có 2.390ha trong khi đó tại bảng 128 là 26.208 ha và nhiều loại đất khác.....)	Đã tiếp thu, đã rà soát và cập nhật lại toàn bộ số liệu theo ý kiến.
24	- Phân tích rõ nét hơn nữa bốn khâu đột phá của tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030 để có cơ sở đề xuất các công trình dự án hoàn toàn mới; rà soát cân nhắc bố trí các dự án trọng điểm được kỳ vọng sẽ làm thay đổi bộ mặt tỉnh Đồng Nai trong thời kỳ quy hoạch (trang 366,367) đề nghị thống nhất với số liệu tại biểu trang 800 (3.1 danh mục dự án trọng điểm).	Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã cập nhật
25	- Đề nghị rà soát, bổ sung các chỉ tiêu sử dụng đất còn chưa phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ và giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học để đảm bảo tính khả thi của phương án quy hoạch; rà soát đảm bảo thống nhất giữa phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai với phương án phát triển của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; rà soát, điều chỉnh đảm bảo thống nhất chặt chẽ giữa các tài liệu có liên quan của Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: báo cáo thuyết minh tổng hợp, biểu số liệu, bản đồ, chỉ tiêu sử dụng đất,... theo đúng quy định.	Đã tiếp thu đã rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ các chỉ tiêu đất đai phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022
26	- Việc lập bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cần thực hiện theo đúng quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP	Đã tiếp thu. Việc thực hiện lập bản đồ Phương án Phân bổ đất đai đã được đơn vị tư vấn thực hiện theo đúng quy

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; cần thể hiện đầy đủ các công trình, dự án và các khu vực sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 lên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Đối với bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai, rà soát thống nhất các chỉ tiêu trên bản đồ với các chỉ tiêu trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo đúng quy định.	định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ. Bản đồ sẽ rà soát, cập nhật đầy đủ các công trình, dự án theo phương án quy hoạch của các ngành, các lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050
	<b>4. Về nội dung bảo vệ môi trường:</b>	
27	- Rà soát lại phần hiện trạng, bổ sung số liệu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; hiện trạng phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cấp xã, huyện và toàn tỉnh. Đề nghị rà soát lại tất cả các số liệu phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn (hiện số liệu đang không thống nhất).	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được rà soát để thống nhất số liệu nội dung này vào mục. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật vào mục 1.6.2 Thực trạng phát sinh, thu gom, xử lý CTR Sinh hoạt đô thị, nông thôn.
28	- Đề nghị đánh giá hiện trạng, tình hình thực hiện, dự báo phát sinh và đề xuất chỉ tiêu quy hoạch quản lý chất thải thống nhất nội dung về: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; (2) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; (3) Quản lý chất thải nguy hại; (4) Quản lý chất thải rắn y tế.	Tiếp thu ý kiến, về phần đánh giá hiện trạng, nội dung này đã được đánh giá cụ thể vào mục 1.6.2 Thực trạng phát sinh, thu gom, xử lý CTR Sinh hoạt đô thị, nông thôn. Phản định hướng sẽ được rà soát các chỉ tiêu đề xuất để thống nhất các nội dung.
29	- Về phương án phát triển các khu xử lý chất thải: + Đề nghị đánh giá sự phù hợp với quy hoạch hiện hữu của các khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đang hoạt động để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp, cụ thể : (1) Rà soát các cơ sở xử lý chất thải nguy hại đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được tiếp thu chỉnh sửa vào mục 6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư để bổ sung đầy đủ vào quy hoạch tỉnh, đặc biệt đối với các dự án triển khai chậm, chưa triển khai đầu tư xây dựng, 04 cơ sở xử lý chất thải nguy hại nằm ngoài quy hoạch khu xử lý chất thải đang hoạt động...cần đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; (2) Rà soát, cân nhắc xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung có sử dụng công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp; hạn chế một huyện có nhiều cơ sở xử lý chất thải; hạn chế cơ sở xử lý chất thải chỉ được thu gom, xử lý trong tỉnh.</p>	
30	<p>+ Nội dung quy hoạch các cơ sở xử lý chất thải cần cụ thể hơn, trong đó cần nêu rõ phương án về vị trí, quy mô, công suất, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các dự án/cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh (cả dự án/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung này đã được bổ sung vào mục 6. phương án phát triển các khu xử lý Chất thải rắn</p>
31	<p>- Bổ sung Danh mục các dự án ưu tiên các dự án liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương: Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt.</p>	<p>tiếp thu ý kiến, nội dung sẽ được tiếp tục bổ sung danh mục ưu tiên đầu tư</p>
32	<p>- Bổ sung vào Chỉ tiêu về môi trường (trang 363) nội dung: Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2050 về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị, nông thôn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được bổ sung vào mục 6.2 đến năm 2030, con chỉ tiêu đến năm 2050, sẽ được rà soát bổ sung nếu phù hợp định hướng phát triển.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
33	<p>- Đặc điểm hệ sinh thái và đa dạng sinh học (trang 25): đề nghị bổ sung hiện trạng của Vườn quốc gia Cát Tiên (phần nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai); làm rõ hơn về các hệ sinh thái đặc trưng, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.1. Đặc điểm hệ sinh thái và đa dạng sinh học, Phần II, mục I</p>
34	<p>- Mục IV. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh (trang 43): đề nghị làm rõ hơn, cung cấp số liệu đánh giá đối với nhận định “Nước biển dâng dẫn đến ngập úng tại một số địa phương và làm thay đổi cấu trúc và hệ sinh thái rừng”.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung kết quả tính toán các kịch bản ngập đến 2030, 2050 dưới tác động của NBD-BĐKH tại mục IV Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh để làm rõ hơn khuyến cáo về nhận định “Nước biển dâng dẫn đến ngập úng tại một số địa phương và làm thay đổi cấu trúc và hệ sinh thái rừng”</p>
35	<p>- Mục 4. Thực trạng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 321): đề nghị bổ sung thực trạng công tác quản lý đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại 02 khu bảo tồn thiên nhiên; làm rõ các tác động do hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua đến các hệ sinh thái rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ), các hệ sinh thái thủy vực tại sông Đồng Nai và hồ Trị An.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 4. Đặc điểm hệ sinh thái và đa dạng sinh học, Phần II, mục VI</p>
36	<p>- Mục VII. Những tồn tại, hạn chế cần giải quyết, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (trang 325): đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung tại mục 4. Đặc điểm hệ sinh thái và đa dạng sinh học, Phần II, mục VI</p>
37	<p>- Mục 3. Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 705): đề nghị rà soát đối tượng quy hoạch tỉnh quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục VII. Những tồn tại, hạn chế cần giải quyết, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức, Phần III</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Đề nghị không đưa Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai vào đối tượng quy hoạch tỉnh.	
	<b>5. Về tài nguyên nước</b>	
38	- Đề nghị rà soát, bổ sung thông tin, số liệu về hiện trạng tài nguyên nước, xu thế diễn biến tài nguyên nước; những vấn đề nổi cộm về tài nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy hoạch vào nội dung tài nguyên nước (mục 2 I.2.2 thuộc Phần I Phân tích, đánh giá và dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù tỉnh Đồng Nai).	Đã chỉnh sửa trong báo cáo tại mục I.2, mục IV phần I: Phân tích, đánh giá và dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù tỉnh Đồng Nai.
39	- Đề nghị bổ sung nội dung về thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước tại Mục VI.2 thuộc Phần II Đánh giá hiện trạng phát triển tỉnh Đồng Nai, trong đó cần đầy đủ thông tin, số liệu về hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; dự báo nhu cầu sử dụng nước và những vấn đề mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước giữa các ngành dùng nước chính.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong báo cáo tại mục VI.2, phần II.
	- Về Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đề nghị cấu trúc lại, bổ sung đầy đủ các nội dung để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:	Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong báo cáo tại mục X.1,2, phần III.
40	+ Về phân vùng chức năng của nguồn nước: đề nghị rà soát nội dung phân vùng chức năng nguồn nước để làm căn cứ cho việc định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo vệ môi	Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong báo cáo tại mục X.2, phần III.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trường năm 2020. Việc phân vùng chức năng của nguồn nước mặt cần phải cụ thể chức năng (sinh hoạt, cấp nước, nông nghiệp...) cho từng đoạn sông thuộc tiểu vùng quy hoạch.	
41	+ Về xác định lượng nước có thể khai thác, sử dụng: đề nghị bổ sung tính toán cụ thể tổng lượng nước dưới đất, lượng nước dưới đất có thể khai thác trên phạm vi tỉnh. Cần rà soát lại kết quả tính toán cân bằng nước dẫn đến nhận định lưu vực sông Là Ngà và hạ lưu sông Đồng Nai bị thiếu nhiều nước nhất trong tỉnh. Do hai vùng này thuộc hai nhánh sông lớn của lưu vực sông Đồng Nai và có tổng lượng dòng chảy lớn nhất trong tỉnh.	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
42	+ Về xác định nhu cầu khai thác tài nguyên nước: đề nghị cập nhật số liệu tính toán nhu cầu khai thác, sử dụng nước đến năm 2022.	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
43	+ Về xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước: cần bổ sung xác định lượng nước phân bổ theo từng tháng cho các ngành khai thác, sử dụng nước chính theo thứ tự ưu tiên đối với từng tiểu vùng quy hoạch trong từng trường hợp.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong báo cáo tại mục X.2, phần III.
44	+ Về xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt: đề nghị bổ sung nội dung này và chỉ rõ các khu vực có nguy cơ ô nhiễm, khó khăn về nguồn nước và xác định cụ thể nguồn nước dự phòng và lượng nước có thể dự phòng để cấp cho từng khu vực.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong báo cáo tại mục X.2, phần III.
45	+ Về xác định Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước: để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch, đề nghị bổ sung Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Danh mục phải bao gồm hiện trạng, quy hoạch tất cả	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	các công trình hồ, đập thủy lợi, công trình cấp nước, cống, trạm bơm...có nhiệm vụ điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch, tránh trường hợp vi phạm quy định hành vi bị cấp quy định tại khoản 10 Điều 9 và Điều 53 Luật Tài nguyên nước.	
46	+ Về xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước: đề nghị bổ sung nội dung này, cụ thể các vị trí đặt trạm, nguồn nước giám sát, nội dung giám sát.	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
47	+ Về các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, hoặc suy thoái, cạn kiệt để đảm bảo chức năng của nguồn nước, đề nghị nghiên cứu các biện pháp phòng chống sạt lở lòng bờ, bãi sông,...	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
48	+ Về giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát theo quy định.	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
49	+ Hiện tại tỉnh đã ban hành Danh mục hồ ao không được san lấp, Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, Danh mục về nguồn nước nội tỉnh và Danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, đề nghị rà soát khi lập các phương án bảo vệ, lưu thông dòng chảy, tích trữ nước, chống ngập úng trong nội dung bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, làm căn cứ cho việc lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng, theo loại đất (quy	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP), trong đó có đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng (quy định tại Điều 10 Luật Đất đai).	
	<b>6. Địa chất và Khoáng sản.</b>	
50	<p>Nội dung Phương án chưa đánh giá đầy đủ việc thực hiện quy hoạch đã được HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua, UBND tỉnh phê duyệt đến thời điểm xây dựng Phương án. Quá trình điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước; Phân tích số liệu cụ thể về hiện trạng tài nguyên: tình hình quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tình hình cấp phép thăm dò, khai thác; đánh giá kết quả của việc cấp phép thăm dò, khai thác, sản lượng cấp phép bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, giấy phép nào đã hết hiệu lực, còn hiệu lực, đến thời điểm lập Quy hoạch mới có đáp ứng được nhu cầu về VLXD cho các dự án trên địa bàn tỉnh hay chưa; Các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản có khu vực nào được bỏ ra hoặc thêm vào hay không?; Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội (nộp thuế, bảo vệ môi trường); tác động của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái, ...</p>	Đơn vị đã rà soát và thể hiện tại phần I, Mục III của báo cáo nội dung đề xuất 9
51	<p>Phương án chỉ định hướng một cách chung chung, chưa có phương án, kế hoạch thực hiện quy hoạch khai thác, sử dụng cho từng loại khoáng sản. Quy hoạch khoáng sản tỉnh Đồng Nai phải tính đến nhu cầu vật liệu xây dựng, từ đó mới có phương án hợp lý cho từng giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030, và định hướng đến 2050, làm căn cứ để cấp phép theo quy</p>	Đơn vị đã rà soát và thể hiện tại phần II, cục I và mục III của báo cáo nội dung đề xuất 9

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hoạch và cấp phép theo thẩm quyền; đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối, huy động các nguồn lực bên trong, bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ và bền vững.	
52	- Bổ sung vào Báo cáo các Quyết định phê duyệt quy hoạch khoáng sản của giai đoạn trước, Quyết định phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm, Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển VLXD giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 11/2030; Quyết định ban hành Kế hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; các Quyết định liên quan đến nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng của tỉnh, ... làm cơ sở lập Quy hoạch và Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tương ứng với từng loại khoáng sản, không gây tác động tiêu cực đến môi trường.	Đơn vị đã rà soát và thể hiện tại phần Đặt vấn đề, mục II của báo cáo nội dung đề xuất 9
53	- Trong phạm vi ranh giới Quy hoạch tỉnh Đồng Nai hiện nay đã hoàn thành các công tác nghiên cứu địa chất và khoáng sản sau: + Điều tra lập bản đồ địa chất và khoáng sản tỷ lệ 1:200.000. + Điều tra lập bản đồ địa chất và khoáng sản tỷ lệ 1:50.000. + Điều tra địa chất đô thị tỷ lệ 1:25.000 thành phố Biên Hòa và các vùng phụ cận, gồm các bản đồ thành phần: địa chất, khoáng sản, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa chất môi trường và quy hoạch sử dụng đất.	Đã tiếp thu ý kiến
54	- Về công tác lập Quy hoạch Công tác lập quy hoạch cần tham khảo các tài liệu về địa chất và khoáng sản để đánh giá mức độ thuận lợi, đặc điểm riêng từng vùng quy hoạch, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.	Đã tiếp thu ý kiến

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
55	<p>- Về khoáng sản Theo các tài liệu địa chất hiện có, trong khu vực tỉnh Đồng Nai có các loại khoáng sản chủ yếu: bauxit, vàng, chì, than bùn, sét kaolin, thạch anh và một số khoáng sản khác: puzolan, laterit, sét gạch ngói... Việc quy hoạch vùng cần xem xét kết hợp với quy hoạch, quản lý khoáng sản để đảm bảo khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.</p>	Đơn vị sẽ tiếp tục cập nhật đầy đủ vào phương án
	<p><b>7. Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu</b></p>	
56	<p>- Đối với các nội dung có sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm khí hậu, thủy văn của khu vực tỉnh Đồng Nai cần được trích dẫn đầy đủ nguồn gốc số liệu theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Khí tượng thủy văn và Điều 22 Nghị định số 38/2016/NĐ CP ngày 15/5/2016.</p>	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý
57	<p>- Về nội dung phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh trong báo cáo giữa kỳ thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện tại Tổng cục KTTV, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện các hoạt động phân vùng rủi ro thiên tai theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, mưa lớn, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối, hạn hán, xâm nhập mặn. Vì vậy, đơn vị lập quy hoạch cần phối hợp với cơ quan KTTV tại địa phương để triển khai nội dung này.</p>	Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
58	<p>- Trong quá trình thực hiện Quy hoạch, đề nghị xem xét việc đảm bảo hành lang kỹ thuật đối với các công trình KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh (theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; điểm b, khoản 5, Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn).</p>	<p>Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý</p>
59	<p>- Đề nghị cập nhật các nội dung liên quan tại Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022; sử dụng thông tin, dữ liệu tại Kịch bản biến đổi khí hậu (phiên bản năm 2020) đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố. Ngoài ra, do trên địa bàn Tỉnh tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp có cơ sở sản xuất, kinh doanh phát thải khí nhà kính nên cần có định hướng quy hoạch giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).</p>	<p>Báo cáo đang tiếp tục cập nhật các nội dung theo góp ý</p>
	<p><b>8. Về bản đồ và cơ sở dữ liệu</b></p>	
	<p>- Theo quy định tại Điều 41, Luật Quy hoạch cũng như tại điểm b khoản 5 Điều 41 và khoản 1 Điều 47 của Luật Đo đạc và bản đồ việc xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch cần được thực hiện trên cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật, do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp. Do vậy cần bổ sung thêm vào dự thảo Báo cáo thuyết</p>	<p>Do mới nhận được công văn từ Bộ TNMT, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục cập nhật trong báo cáo kỳ tiếp theo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>minh nội dung khai thác, sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia để phục vụ nhiệm vụ lập Quy hoạch nêu trên.</p>	
	<p>- Đối với tỷ lệ bản đồ dùng cho quy hoạch cần tuân thủ theo mục IX phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	<p>Do mới nhận được công văn từ Bộ TNMT, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục cập nhật trong báo cáo kỳ tiếp theo</p>
60	<p>- Về hệ thống bản đồ dùng trong quy hoạch:</p> <p>+ Các bản đồ dùng cho quy hoạch trong các báo cáo chỉ là các hình ảnh và ở dạng sơ đồ chưa phải bản đồ vì chưa có cơ sở toán học, tỷ lệ bản đồ và chưa trích dẫn nguồn gốc bản đồ nên theo quy định.</p> <p>+ Đề nghị địa phương rà soát, hoàn thiện hệ thống bản đồ theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch. Bản đồ phải có đầy đủ cơ sở toán học, các ký hiệu trong nội dung bản đồ phải thống nhất với phần ghi chú của bản đồ, ngoài ra phải thể hiện đầy đủ và cập nhật chính xác đường địa giới hành chính các cấp, tên đơn vị hành chính. Khi biểu thị hình ảnh bản đồ Việt Nam thì phải thể hiện đầy đủ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với vùng biển, hải đảo của Việt Nam quy định của Luật Đo đạc và bản đồ. Thống nhất sử dụng nguồn bản đồ địa hình quốc gia và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia làm dữ liệu bản đồ nền để thể hiện và thành lập các bản đồ trong quá trình lập quy hoạch nhằm đảm bảo tính pháp lý của nguồn gốc bản đồ, đảm bảo sự đồng bộ và phù hợp, thống nhất với các nhiệm vụ quy hoạch khác của địa phương, vùng, liên vùng và cả nước.</p>	<p>Do mới nhận được công văn từ Bộ TNMT, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục cập nhật trong báo cáo kỳ tiếp theo</p>
61	<p>- Ngoài ra bổ sung thêm quy định vào trong Dự thảo Báo cáo thuyết minh, sau khi hoàn thành phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch nêu trên với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại</p>	<p>Do mới nhận được công văn từ Bộ TNMT, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục cập nhật trong báo cáo kỳ tiếp theo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác.	
62	- Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường đang hoàn thiện, trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt: Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.... Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo Quy hoạch rà soát để đảm bảo sự thống nhất với các quy hoạch này.	Do mới nhận được công văn từ Bộ TNMT, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục cập nhật trong báo cáo kỳ tiếp theo
63	Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố Báo cáo tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2016-2021, hiện đang lập Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do vậy đề nghị nghiên cứu, rà soát để đảm bảo tính thống nhất về thông tin, số liệu trong Quy hoạch tỉnh với các quy hoạch, báo cáo nêu trên	Do mới nhận được công văn từ Bộ TNMT, đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục cập nhật trong báo cáo kỳ tiếp theo

**19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 4580/BGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p><b>Về căn cứ lập quy hoạch (Mục III trang 4):</b></p> <p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung các văn bản sau vào phần căn cứ lập quy hoạch:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Giáo dục 2019; Luật Giáo dục đại học 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2019.</li><li>- Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li><li>- Nghị quyết số 138/NQ-CP của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li><li>- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</li><li>- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.</li></ul>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung căn cứ lập quy hoạch tại Phần I, Chương IV. Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>
	<p><b>Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 1 trang 164):</b></p>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề nghị rà soát, biên tập cô đọng, ngắn gọn làm nổi bật nội dung đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; bổ sung bảng, biểu đồ thể hiện sự thay đổi về số liệu thống kê, giảm bớt phần chữ.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo tổng hợp</p>
	<p>- Về thực trạng giáo dục mầm non: Đề nghị bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở giáo dục mầm non tại địa bàn so với nhu cầu đưa trẻ tới trường của tỉnh Đồng Nai (tỷ lệ huy động trẻ dân số độ tuổi, giáo viên/lớp, phòng học/lớp...); khó khăn vướng mắc trong việc đảm bảo quyền của trẻ em được tiếp cận giáo dục.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại 1.1. Giáo dục mầm non phần 1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo</p>
	<p>- Về thực trạng giáo dục phổ thông: Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu thực trạng về công tác xã hội hóa giáo dục; bổ sung số liệu, minh chứng về đáp ứng đủ số phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành, thiết bị dạy học,.....</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại 1.2. Giáo dục phổ thông phần 1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu thực trạng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo từng hạng chức danh nghề nghiệp; số liệu thừa thiếu giáo viên so với định mức quy định hiện nay đặc biệt là số lượng giáo viên dạy các môn học năng khiếu, đặc thù theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (giáo viên dạy Tin học, Tiếng Anh cấp Tiểu học, giáo viên dạy Nghệ thuật cấp Trung học cơ sở, giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật cấp Trung học phổ thông,...), kết quả thực hiện chính sách, phát triển (đào tạo, bồi dưỡng) đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo và nhân viên ngành giáo dục,...</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại 1.2. Giáo dục phổ thông phần 1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Về thực trạng giáo dục thường xuyên: Đề nghị bổ sung thông tin các loại hình cơ sở GDTX, đội ngũ, học viên, thực trạng hoạt động của các cơ sở GDTX trong đó có Trung tâm GDTX, Trung tâm GDTNN-GDTX, Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm ngoại ngữ, tin học và các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX. Ngoài ra, đề nghị chỉnh thay thế cụm từ “trường trung cấp chuyên nghiệp” bằng cụm từ “trường trung cấp” để phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại 1.3. Giáo dục thường xuyên phần 1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo</p>
	<p>- Về thực trạng giáo dục đại học: Đề nghị rà soát thông tin số lượng cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh tại báo cáo đảm bảo chính xác, thống nhất. Cụ thể: Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 04 cơ sở giáo dục đại học gồm Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Trường Đại học Lạc Hồng, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (cơ sở 2) và Trường Đại học Đồng Nai, ngoài ra còn 01 cơ sở giáo dục đại học thuộc khối An ninh - Quốc phòng là Trường Đại học Nguyễn Huệ (còn gọi là Trường Sĩ quan lục quân 2) (Báo cáo quy hoạch nêu tỉnh Đồng Nai có 3 trường đại học (trang 169)). Ngoài ra, đề nghị bổ sung thông tin, nhận định đánh giá về thực trạng hoạt động của đầy đủ các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh (năng lực tuyển sinh, đào tạo, ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, vị trí, vai trò của các cơ sở giáo dục này đối với phát triển tỉnh và của vùng, khả năng liên kết vùng trong đào tạo nguồn nhân lực,...) để phân tích rõ hơn thực trạng giáo dục đại học và sự phạm cũng như các nhận định về khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và cả vùng.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 1.4. Giáo dục đại học phần 1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đối với nội dung đánh giá chung: Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo theo quy hoạch, kế hoạch mà tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2011-2020, có so sánh với cả nước và các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ để thấy được vị trí của giáo dục và đào tạo của tỉnh hiện nay cũng như để xác định rõ hơn mức đạt được so với điều kiện, tiềm năng của tỉnh; bổ sung nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng vấn đề làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới.</p> <p>Ngoài ra, đối với những khó khăn, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh: Đề nghị rà soát, cụ thể hóa những khó khăn, hạn chế tại Mục 1.7.2 về các điều kiện để đảm bảo chất lượng giáo dục để làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 1.6. Đánh giá chung phần 1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo</p>
	<p><b>Về hiện trạng, tính hợp lý và tiềm năng đất đai của tỉnh (Mục III trang 199):</b></p> <p>Đề nghị bổ sung làm rõ hạn chế, nguyên nhân hạn chế dẫn đến kết quả thực hiện đất cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2020 chỉ đạt 1.191 ha thấp hơn 939 ha so với diện tích đất được phê duyệt theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai là 2.130 ha.</p>	<p>Đơn vị tư vấn tiếp thu, bổ sung nguyên nhân do nhiều dự án chưa thực hiện như: làng Đại học (Nhơn Trạch), Trường Đại học Thực hành Đồng Nai (Biên Hòa), Trường Đại học Giao thông, Đại học Đào tạo ngành Ngân hàng (Long Thành)... tại Phần II, Chương III, Mục 5.1.2 Đất phi nông nghiệp. Chủ yếu do nhu cầu giáo dục vẫn tập trung về khu vực TP.HCM và vướng mắc trong khâu giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<b>Về thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 2 trang 290):</b>	
	<p>- Đề nghị bổ sung đánh giá thừa thiếu trường lớp ở từng địa bàn so với quy mô dân số; khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo đối với yêu cầu phát triển của tỉnh; quỹ đất, các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; bổ sung đánh giá kết quả triển khai các quy hoạch lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đánh giá sự liên kết, đồng bộ, sự phù hợp của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của tỉnh và vùng (như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, công nghệ thông tin,...); đánh giá những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, tồn tại, các yếu tố tác động đến mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh giai đoạn 2011-2020 làm căn cứ, cơ sở quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung trong báo cáo tổng hợp</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá thực trạng hạ tầng giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp, giáo dục thường xuyên (trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm học tập cộng đồng), giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại 2.1.1. Về giáo dục mầm non mục 2.1. Thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo phần 2. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hạ tầng xã hội</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đối với giáo dục đại học, tỉnh Đồng Nai có 04 cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên trong phần hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo tại Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Đồng Nai không có nội dung, thông tin đánh giá thực trạng hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh. Do vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu bổ sung thông tin, đánh giá hiện trạng hạ tầng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh; đánh giá vai trò, sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh với cả vùng và cả nước để làm rõ hơn hiện trạng hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh. Ngoài ra, đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá kết quả thực hiện định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo nêu tại Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đối với tỉnh Đồng Nai, cụ thể: “Phân bố các trường đại học cấp quốc tế tại Nhơn Trạch - Long Thành (tỉnh Đồng Nai)”; “Trung tâm giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng bố trí tại thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai)”; “Dự kiến đất xây dựng các trường đại học - cao đẳng đến năm 2030: Đồng Nai 2.000 ha”,...</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại 2.1.4. Giáo dục đại học mục 2.1. Thực trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo phần 2. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hạ tầng xã hội</p>
	<p><b>6. Về các mục tiêu đến năm 2030 (Mục 3 trang 356):</b></p>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đối với mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh (trang 356): Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa mục tiêu: “Tỉnh sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại, trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cửa ngõ trung chuyên của miền Nam lấy cảng hàng không quốc tế Long Thành làm hạt nhân, có hệ thống đô thị ven sông, đô thị sinh thái hiện đại, thông minh và đáng sống với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và y tế hàng đầu cả nước” thành “Tỉnh sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại, trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cửa ngõ trung chuyên của miền Nam lấy cảng hàng không quốc tế Long Thành làm hạt nhân; có hệ thống đô thị ven sông, đô thị sinh thái hiện đại, thông minh và đáng sống với các trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và y tế hàng đầu cả nước” để phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Đồng Nai nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia”.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 3.1. Mục tiêu tổng quát năm 2030 mục 3. Mục tiêu tổng quát 2030, tầm nhìn 2050 và khung định hướng phát triển</p>
	<p>- Đối với mục tiêu cụ thể (Mục 5 trang 362): Đề nghị bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu cốt lõi phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh (hiện báo cáo quy hoạch tỉnh không có mục tiêu phát triển cụ thể đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo) để đảm bảo phù hợp với phương án phát triển lựa chọn và mục tiêu, trụ cột phát triển của tỉnh đã đề ra tại quy hoạch: “Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, giáo dục của vùng Đông Nam Bộ” và định hướng phát triển tỉnh Đồng Nai nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia”.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại c) Về xã hội mục 5. Mục tiêu cụ thể</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<b>7. Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.2 trang 417):</b>	
	Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, biên tập lại nội dung tại Mục này đảm bảo bao gồm các quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới để làm cơ sở đề xuất, xây dựng phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh, đồng thời không trùng lặp với nội dung tại Mục 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo (trang 627).	Đã tiếp thu chỉnh sửa trong báo cáo tổng hợp
	<b>8. Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 2 trang 627)</b>	
	8.1. Về quan điểm phát triển (Mục 2.1 trang 627):	
	- Đề nghị biên tập, diễn đạt lại nội dung: “Phát triển giáo dục đào tạo hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện con giáo viên, nâng cao dân trí, tạo lập đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời kỳ CNH, HĐH, hội nhập quốc tế”.	Đã tiếp thu chỉnh sửa trong báo cáo tổng hợp

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh như: “Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục”.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 2.1.1. Quan điểm phát triển mục 2.1. Phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>
	<p>8.2. Về các mục tiêu phát triển (Mục 2.2 trang 627):</p>	
	<p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh để đảm bảo phù hợp với phương án phát triển lựa chọn và mục tiêu, trụ cột phát triển của tỉnh đã đề ra tại quy hoạch: “Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, giáo dục của vùng Đông Nam Bộ” và định hướng phát triển tỉnh Đồng Nai nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia”.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung trong báo cáo</p>
	<p>8.3. Về các mục tiêu cụ thể (Mục 2.3 trang 628):</p>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề nghị nghiên cứu bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và giáo dục đại học, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện thành công các đột phá chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm tình đề ra ở phần trên.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 2.1.2. Mục tiêu phát triển mục 2.1. Phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới (Ví dụ như các giải pháp cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư nguồn lực về giáo dục; phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học, phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo; đảm bảo chuẩn bị đội ngũ trong việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong những năm tới và đến năm 2030; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, tăng tỷ lệ phòng học kiên cố; xây dựng trường chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; ưu tiên dành quỹ đất để quy hoạch xây dựng trường học mới, mở rộng khuôn viên nhà trường; bổ sung quỹ đất xây dựng trường học, nhà trẻ trong các khu công nghiệp, khu đô thị mới; xây dựng cơ chế thu hút nhà đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục gắn với nhu cầu của xã hội; tăng cường chuyển đổi số; mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo,...). Các giải pháp cần đầy đủ, cụ thể đảm bảo phù hợp và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo đề ra, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn vừa qua. Theo đó, có các chương trình hành động, lộ trình cụ thể thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2.8. Giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>
	<p>8.4. Về phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo (từ Mục 2.4 đến Mục 2.9 trang 630 - 632):</p>	



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển mạng lưới, cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh như sau: “Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục”.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 2.2.1. Định hướng phát triển mục 2.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung đầy đủ, cụ thể hơn phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo (bao gồm hạ tầng, mạng lưới hiện có và phát triển mới) các cấp học giáo dục mầm non (bao gồm cả hạ tầng cơ sở giáo dục mầm non trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp), giáo dục phổ thông (trường TH, THCS, THPT), giáo dục dân tộc (trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú), giáo dục thường xuyên (Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm học tập cộng đồng. Trung tâm ngoại ngữ, tin học và các trung tâm khác) (loại hình, quy mô, địa điểm, không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất) cho từng địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 2.2.2. Mạng lưới và quy mô trường, lớp mục 2.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Ngoài ra, đề nghị bổ sung thuyết minh làm cơ sở xác định các mục tiêu, chỉ tiêu tính toán cụ thể trong quy hoạch để đảm bảo phương án thuyết phục, phù hợp, khả thi, đảm bảo tiếp cận giáo dục của người dân, chất lượng giáo dục và phù hợp với năng lực quản lý, điều hành có tính toán gắn với nguồn lực thực hiện (đội ngũ giảng viên, khái toán kinh phí thực hiện, quỹ đất). Số lượng cơ sở giáo dục của tỉnh xác định đến năm 2025 và 2030 cần tương thích với dự báo tổng quy mô trẻ em, học sinh của từng địa bàn tỉnh; dự báo thống kê về số dân trong độ tuổi đi học, dự báo phát triển các cấp học, dân số đô thị và di dân lao động,... Phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2021-2030 của tỉnh đề ra cũng như giải quyết được các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh đã nêu tại quy hoạch.</p> <p>Đồng Nai là một tỉnh được quan tâm đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch đánh giá kỹ tác động của việc đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp đến ngành giáo dục và đào tạo để từ đó có những mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh phù hợp.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2.3. Dự báo dân số trong độ tuổi đi học theo cấp học, ngành học và 2.4. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Đề nghị bổ sung phương án bố trí đủ quỹ đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo theo quy định tại Thông tư 01/2017/TT- BTNMT ngày 09/02/2017 quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về việc phân loại đô thị; quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; đảm bảo khả thi, khắc phục hạn chế giai đoạn 2011- 2020 khi chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thực hiện thấp hơn so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Đồng thời, đảm bảo khả thi, khắc phục hạn chế giai đoạn 2011- 2020 khi chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thực hiện thấp hơn so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2.6. Quy hoạch bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Về phương án phát triển giáo dục đại học (Mục 2.7 trang 632): Đề nghị rà soát nội dung phương án để đảm bảo thống nhất, chính xác với số liệu hiện trạng và định hướng, mục tiêu, giải pháp đề ra tại quy hoạch (Ví dụ: Quy hoạch định hướng giữ nguyên số cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 (trang 632), tuy nhiên tại trang 634 quy hoạch có nội dung “Nghiên cứu phối hợp với Bộ Y tế xây dựng Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2)”. Ngoài ra, quy hoạch cũng có nội dung như xây dựng làng đại học tại Long Khánh với quy mô khoảng 300ha (trang 668),...)</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 2.2.2. Mạng lưới và quy mô trường, lớp mục 2.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>
	<p>- Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật (Mục 2.8 trang 632): Đề nghị bổ sung làm rõ định hướng địa điểm bố trí, quy mô công trình, nhu cầu diện tích sử dụng đất đối với hạ tầng cơ sở giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập phục vụ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại 2.2.2. Mạng lưới và quy mô trường, lớp mục 2.2. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo phần 2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Đã bổ sung</p>
	<p><b>9. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện (Mục VII trang 652):</b></p>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Đề nghị rà soát, đảm bảo nội dung phương án quy hoạch xây dựng thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch phù hợp với định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo nêu tại Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đối với tỉnh Đồng Nai, cụ thể: “Phân bố các trường đại học cấp quốc tế tại Nhơn Trạch - Long Thành (tỉnh Đồng Nai)”; “Trung tâm giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng bố trí tại Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai)”; “Dự kiến đất xây dựng các trường đại học - cao đẳng đến năm 2030: Đồng Nai 2.000 ha”; “Đô thị Long Thành là trung tâm y tế, giáo dục - đào tạo nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chất lượng cao, thương mại - tài chính cấp vùng”.....</p>	
	<p><b>10. Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư thực hiện (Mục 3 trang 799):</b></p>	
	<p>Danh mục dự án ưu tiên đầu tư thực hiện giai đoạn đến 2030 không có dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Do vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, dành ưu tiên hơn đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong quy hoạch tỉnh để đảm bảo giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Đồng thời, đảm bảo phù hợp quan điểm, định hướng và phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo và để thực hiện được các mục tiêu đề ra của quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung</p>

**20. Bộ Giao thông vận tải (Văn bản số 9915/BGTVT-KHĐT ngày 06 tháng 09 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: Đề nghị rà soát nội dung thuyết minh về mục tiêu, quan điểm và nguyên tắc lập quy hoạch tại Báo cáo tổng hợp đảm bảo bám sát nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến</p>
	<p><b>2. Về căn cứ pháp lập quy hoạch</b></p>	
	<p>- Đề nghị bổ sung một số văn bản liên quan là cơ sở lập quy hoạch:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Các luật liên quan đến giao thông vận tải (Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Luật Đường sắt Việt Nam năm 2017; Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi năm 2014; Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi năm 2014).</li><li>+ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li><li>+ Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực giao thông vận tải thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc).</li></ul>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Đề nghị rà soát, cập nhật toàn bộ các văn bản pháp lý hiện hành đã thay thế các văn bản hết hiệu lực (Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được thay thế bằng Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050).</p>	
	<p><b>3. Về nội dung quy hoạch</b></p>	
	<p><b>3.1. Về hiện trạng hạ tầng giao thông vận tải</b></p>	
	<p>Hồ sơ thuyết minh quy hoạch đã trình bày hiện trạng về hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh gồm đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt và hàng không; đánh giá khả năng chung về kết nối liên vùng, khả năng liên kết với các ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, đề nghị phân tích, đánh giá những bất cập hiện nay về mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh, các hạn chế về kết nối giao thông liên vùng của tỉnh với các tỉnh lân cận và giữa các phương thức vận tải để từ đó xác định các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng giao thông làm cơ sở định hướng phát triển giai đoạn tiếp theo; đồng thời nghiên cứu, cập nhật bổ sung làm rõ các nội dung như sau:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung đánh giá <i>“những bất cập hiện nay về mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh, các hạn chế về kết nối giao thông liên vùng của tỉnh với các tỉnh lân cận và giữa các phương thức vận tải”</i> tại phần V, mục <i>“1.1.7 Đánh giá chung”</i></p>
	<p>- Về đường bộ + Bổ sung hiện trạng của các tuyến quốc lộ QL20, QL51, QL56 và cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; hiện trạng hệ thống đường tỉnh nên thuyết minh ngắn gọn các nội dung: tên đường, chiều dài, điểm đầu, điểm cuối, số làn</p>	<p>-Tiếp thu ý kiến, Hiện trạng các tuyến đường bộ được trình bày tại phần V, mục <i>“1.1.1 Mạng lưới đường bộ”</i>. Hệ thống bản đồ hoặc sơ đồ hiện trạng được đính kèm theo báo cáo</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>đường, chất lượng mặt đường... và kèm theo hệ thống bản đồ hoặc sơ đồ hiện trạng; đánh giá hiện trạng giao thông tỉnh trên địa bàn tỉnh; bãi đỗ, điểm đỗ xe công cộng, bến xe: loại bến xe, phân bố bến xe...</p> <p>+ Bổ sung phân tích, đánh giá thêm về hiện trạng hạ tầng giao thông của Tỉnh, đặc biệt là hiện trạng lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải trong nội tỉnh, liên tỉnh làm cơ sở định hướng quy hoạch và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong giai đoạn tiếp theo.</p> <p>+ Bổ sung đánh giá sự kết nối của hệ thống đường tỉnh với mạng lưới đường quốc gia trên địa bàn tỉnh (quốc lộ), đồng thời phân tích tình hình thực hiện quy hoạch mạng lưới đường bộ trong thời gian qua, nêu bật được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của ngành giao thông tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>-Tiếp thu ý kiến, nội dung phân tích, đánh giá hiện trạng hạ tầng giao thông của Tỉnh tại Phần II, mục V, điểm “1.1.7 Đánh giá chung”. Riêng phần hiện trạng lưu lượng phương tiện trên các tuyến đường Tư vấn chỉ đánh giá định tính, trong phạm vi của Quy hoạch này chưa có điều kiện để đo đếm chính xác.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, nội dung “<i>đánh giá sự kết nối của hệ thống và điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của ngành giao thông tỉnh Đồng Nai</i>” trình bày tại Phần II, mục V, điểm “1.1.7 Đánh giá chung” tiêu mục b</p>
	<p>- Về đường thủy nội địa: Bổ sung thuyết minh hành lang vận tải thủy nội địa qua địa bàn tỉnh, và đánh giá tính kết nối của đường thủy nội địa nội tỉnh với các tỉnh thành lân cận. Bổ sung đánh giá hiện trạng về công suất, khả năng khai thác của hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung “<i>hành lang vận tải thủy nội địa qua địa bàn tỉnh, và đánh giá tính kết nối của đường thủy nội địa nội tỉnh với các tỉnh thành lân cận</i>” trình bày tại Phần II, mục V, điểm “1.1.7 Đánh giá chung” tiêu mục a, d</p>
	<p>- Về đường sắt: bổ sung nội dung về đánh giá quy hoạch đường sắt thời kỳ trước qua địa bàn tỉnh Đồng Nai (Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015); điều chỉnh thống nhất tên “Tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh”; bổ sung số liệu hiện trạng khối lượng hàng hóa, hành khách thông qua các ga trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung “<i>đánh giá quy hoạch đường sắt thời kỳ trước qua địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>” trình bày tại Phần II, mục V, điểm “1.1.4, Mạng lưới giao thông đường sắt”</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Về hàng hải: Hồ sơ chưa có nội dung về hiện trạng kết cấu hạ tầng hàng hải, đề nghị cập nhật, bổ sung hiện trạng về luồng hàng hải, các bên cảng, khu bến, hệ thống cảng cạn; đánh giá hiện trạng vận tải hàng hóa thông qua các cảng biển Đồng Nai.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung “<i>luồng hàng hải, các bên cảng, khu bến, hệ thống cảng cạn; đánh giá hiện trạng vận tải hàng hóa thông qua các cảng biển Đồng Nai</i>” trình bày tại Phần II, mục V, điểm “1.1.2 Hiện trạng giao thông hàng hải”</p>
	<p><b>3.2. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông</b></p>	
	<p>- Về dự báo nhu cầu vận tải (trang 528): hồ sơ quy hoạch tỉnh đã dự báo khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách phân chia theo các phương thức vận tải, luồng tuyến cụ thể. Tuy nhiên đề nghị bổ sung, làm rõ phương pháp lập mô hình dự báo đảm bảo độ tin cậy; rà soát, cập nhật kết quả dự báo khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định phê duyệt số 648/QĐ-TTg ngày 07/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, phương pháp lập mô hình dự báo đảm bảo trình bày tại Phần III, mục V, điểm 1.2.1; 1.2.2; 1.2.3.</p> <p>Thông nhất cập nhật “Kết quả dự báo khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” theo Quyết định phê duyệt số 648/QĐ-TTg. “<i>Khối lượng hành khách qua cảng hàng không QT Long Thành: đến 2030 đạt khoảng 25 triệu khách/năm và 2050 đạt khoảng 100 triệu khách/năm</i>”</p>
	<p>- Về phương án phát triển đường bộ: + Hồ sơ quy hoạch đang đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch một số tuyến quốc lộ (QL.13C, QL.20B, QL.56B) khác với quy hoạch tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, cơ quan lập quy hoạch chưa phân tích, đánh giá làm rõ nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung nêu trên. Hiện nay, Bộ GTVT đang giao Cục Đường bộ Việt Nam (ĐBVN) rà soát Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm</p>	<p>- Bổ quy hoạch QL.13C do hướng tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đi qua khu bảo tồn thiên nhiên;</p> <p>- Bổ sung kéo dài QL.20B khoảng 13km đến cầu bắc qua qua địa phận TP Hồ Chí Minh: Để tăng tính chất kết nối của tuyến Quốc, hiện tại hướng tuyến QL.20B cũng đã trùng với các tuyến đường tỉnh đã được phê duyệt QH và có chủ trương đầu tư là dự án trọng điểm kết nối ra vào sân bay Long Thành;</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>nhìn đến năm 2050, đồng thời lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành). Do đó, đối với các nội dung trên, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch phối hợp với chặt chẽ với Cục ĐBVN để rà soát, báo cáo Bộ GTVT xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ theo đúng quy định, đồng thời phối hợp với Cục ĐBVN trong việc triển khai lập Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p> <p>Ngoài ra, theo nội dung khoản 4, mục III - Định hướng đầu tư tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ: “Các tuyến đường địa phương được quy hoạch thành quốc lộ trong quyết định này chỉ nâng lên quốc lộ sau khi được đầu tư bảo đảm quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch và không thấp hơn quy mô đường cấp IV, 2 làn xe”. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai bố trí nguồn lực để đầu tư, nâng cấp các tuyến được quy hoạch lên quốc lộ trên địa bàn (gồm: QL.13C, QL.56B, QL.20B, QL.51C).</p>	<p>- QL.56B đề xuất hướng tuyến chi tiết vì hướng tuyến đi qua 2 khu vực đô thị lớn đó là Tp. Long Khánh và thị trấn Vĩnh An nên tư vấn phối hợp cùng Sở GTVT và địa phương đề xuất cụ thể hướng tuyến để tránh xung đột với QH xây dựng của địa phương.</p>
	<p>+ Phương án liên kết không gian của tỉnh Đồng Nai (trang 496 Báo cáo tổng hợp): Đề nghị cập nhật các quốc lộ được quy hoạch trên địa bàn tỉnh: QL.13C, QL.51B tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.</p>	<p>TDSI: đã cập nhật bổ sung QL.13C, QL.51B</p>
	<p>+ Đề nghị bổ sung thông kê quy hoạch các điểm đầu nối với quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Theo luật quy hoạch và công văn “số:373/BKHĐT-QLQH V/v hướng dẫn về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh” thì không bắt buộc tích hợp các vị trí đầu nối quốc lộ vào QH tỉnh.</p> <p>Theo thông tư 39/2021/TT-BGTVT khoản 4 Điều 20 có quy định: “Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao sử dụng điểm đầu nối vào quốc lộ phải lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xem xét, chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công theo quy định”. Như vậy để thuận tiện trong công tác quản lý tư vấn đề xuất không tích hợp các điểm đầu nối với quốc lộ vào QH tỉnh.
	+ Đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung theo yêu cầu tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị (phù hợp với loại đô thị theo khoản 2 Điều 42 Luật Giao thông đường bộ năm 2008).	Trong QH tỉnh chỉ thực hiện để hệ thống đường Quốc lộ, đường tỉnh quản lý, các tuyến trục chính liên huyện, liên đô thị. Hệ thống đường đô thị sẽ được thực hiện trong quy hoạch xây dựng và quy hoạch chi tiết đô thị; khi đó sẽ tính toán đảm bảo tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị.
	<p>- Về phương án phát triển đường sắt: ngoài việc đề xuất quy hoạch các tuyến đường sắt đô thị của tỉnh, đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung về quy hoạch mạng lưới đường sắt qua địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021, trong đó:</p> <p>+ Nghiên cứu điều chỉnh thống nhất nội dung quy hoạch tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh hiện có: “Nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn chạy tàu tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh từ ga Hà Nội đến ga Sài Gòn: đường đơn, khổ 1.000 mm, chiều dài 1.726 km”.</p> <p>+ Điều chỉnh thống nhất tên “Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam”;</p> <p>+ Bổ sung quy hoạch định hướng kết nối mạng lưới đường sắt với các đầu mối, phương thức vận tải khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, thống nhất tên gọi “<i>Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam</i>” và nội dung “<i>Nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn chạy tàu tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh từ ga Hà Nội đến ga Sài Gòn: đường đơn, khổ 1.000 mm, chiều dài 1.726 km</i>” trình bày tại Phần III, mục V, điểm “1.4.1 Đường sắt quốc gia”</p> <p>- Các định hướng “<i>kết nối mạng lưới đường sắt với các đầu mối, phương thức vận tải khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</i>” đã được đề xuất như: “<i>tuyến đường sắt kết nối từ đường sắt BH-Vũng tàu ra cảng Phước An</i>” và “<i>Tuyến đường sắt kết nối từ đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đến tổng kho trung chuyển miền Đông-Trảng Bom</i>”</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Về phương án phát triển đường thủy nội địa:</p> <p>+ Theo Luật Quy hoạch, lĩnh vực đường thủy nội địa chỉ có quy hoạch ngành quốc gia, không có quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nên đề nghị tỉnh Đồng Nai chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu hợp phần quy hoạch chi tiết đường thủy nội địa (gồm cả đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa địa phương) để tích hợp trong quy hoạch tỉnh, làm cơ sở tổ chức triển khai cụ thể.</p> <p>+ Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung tổng hợp, đánh giá các cơ chế, chính sách tỉnh đã ban hành đến nay để khuyến khích, hỗ trợ xây dựng đồng bộ và bền vững lĩnh vực kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và vận tải thủy nội địa</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, trong “phương án phát triển kết cấu hạ tầng GTVT tỉnh Đồng Nai” đã có trình bày đầy đủ quy hoạch chi tiết đường thủy nội địa (gồm cả đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa địa phương)</p> <p>- Không tiếp thu ý kiến. Nội dung: ”tổng hợp, đánh giá các cơ chế, chính sách tỉnh đã ban hành đến nay để khuyến khích, hỗ trợ xây dựng đồng bộ và bền vững lĩnh vực kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và vận tải thủy nội địa” không thuộc nhiệm vụ tích hợp quy hoạch tỉnh.</p>
	<p>+ Đề nghị ưu tiên bố trí các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dọc theo các tuyến đường thủy nội địa kết nối với các cảng biển trong khu vực nhằm khai thác hiệu quả, tối ưu phương thức vận tải đa phương thức.</p>	
	<p>- Về phương án phát triển cảng hàng không, sân bay</p> <p>+ Đề nghị rà soát, cập nhật các thông tin liên quan đến quy hoạch Cảng hàng không quốc tế (CHKQT) Long Thành và Cảng hàng không (CHK) Biên Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, Cảng hàng không quốc tế (CHKQT) Long Thành và Cảng hàng không (CHK) Biên Hòa cập nhật theo Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023</p> <p>- QH tỉnh có đề xuất 01 sân bay thủy phi cơ ở khu vực lòng hồ Trị An để phát triển du lịch. Hồ sơ QH đã được gửi xin ý kiến rộng rãi đến các bộ ngành địa phương, trong đó có bộ Quốc phòng, hiện tại chưa có ý kiến phản hồi gì về đề xuất này. Trong hồ sơ đề xuất kỳ này tỉnh đã thống nhất không đưa các sân bay thủy phi cơ vào</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	+ Về đề xuất 02 sân bay thủy phi cơ: đây là sân bay chuyên dùng, đề nghị lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng để xem xét sự cần thiết, khả năng quy hoạch vị trí các sân bay chuyên dùng trên.	Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
	+ Để đảm bảo tính không an toàn cho hoạt động bay đối với CHKQT Long Thành và CHK Biên Hòa, đề nghị xem xét đưa nguyên tắc quy hoạch các công trình xây dựng tại tỉnh Đồng Nai phù hợp và tuân thủ các quy định về tính không sân bay theo Nghị định số 2/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.	QH tỉnh có đề xuất 01 sân bay thủy phi cơ ở khu vực lòng hồ Trị An để phát triển du lịch. Hồ sơ QH đã được gửi xin ý kiến rộng rãi đến các bộ ngành địa phương, trong đó có bộ Quốc phòng, hiện tại chưa có ý kiến phản hồi gì về đề xuất này. Trong hồ sơ đề xuất kỳ này tỉnh đã thống nhất không đưa các sân bay thủy phi cơ vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
	+ Đề nghị lưu ý không quy hoạch bãi rác, khu xử lý rác, chất thải hoặc thu gom rác thải tại các khu vực tỉnh Đồng Nai trong phạm vi bán kính 13km tính từ CHKQT Long Thành và CHK Biên Hòa theo hướng dẫn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).	QH tỉnh có đề xuất 01 sân bay thủy phi cơ ở khu vực lòng hồ Trị An để phát triển du lịch. Hồ sơ QH đã được gửi xin ý kiến rộng rãi đến các bộ ngành địa phương, trong đó có bộ Quốc phòng, hiện tại chưa có ý kiến phản hồi gì về đề xuất này. Trong hồ sơ đề xuất kỳ này tỉnh đã thống nhất không đưa các sân bay thủy phi cơ vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
	- Về phương án phát triển hàng hải: Đề nghị cơ quan chủ trì lập Quy hoạch tổng hợp, cập nhật nội dung quy hoạch cảng biển Đồng Nai tại Quyết định số 1579/QĐ- TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, Bộ GTVT đang giao Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì lập các Quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành 2. Đề nghị cơ quan chủ trì lập quy	Tiếp thu ý kiến, Về phương án phát triển hàng hải cập nhật nội dung quy hoạch cảng biển Đồng Nai tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>hoạch tỉnh phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam để cập nhật, chia sẻ thông tin, đảm bảo tính thống nhất giữa các quy hoạch.</p>	
	<p>+ Về phương án quy hoạch cảng cạn (trang 569-579 - Báo cáo tổng hợp): Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021- 2023, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023. Theo đó, tỉnh Đồng Nai quy hoạch 09 cảng cạn (Tân Cảng Long Bình, Phú Thạnh, Tam Phước, Long Thành, Trảng Bom, Phước An, Tân Vạn, Long Khánh, Xuân Quế), đề nghị rà soát, cập nhật thông tin của các cảng cạn phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn được duyệt nêu trên.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, phương án quy hoạch cảng cạn đã rà soát cập nhật theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023</p>
	<p>+ Đề nghị bổ sung định hướng, quy hoạch các khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm vật chất nạo vét từ hoạt động đầu tư xây dựng và duy tu đường thủy nội địa và hàng hải, đảm bảo đáp ứng chất lượng, tiến độ các dự án đầu tư xây dựng, duy tu nhằm nâng cao và duy trì năng lực vận tải đường biển, đường thủy nội địa.</p>	<p>Hiện tại “<i>vật chất nạo vét từ hoạt động đầu tư xây dựng và duy tu đường thủy nội địa và hàng hải</i>” được xem là tài nguyên khoáng sản là sản phẩm được tận thu để san lấp mặt bằng trong xây dựng. Cụ thể tại Thông tư 69/2015/TT-BGTVT quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bên thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm; Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TTBGTVT ngày 09/9/2019 quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TTBGTVT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Đề nghị bổ sung nội dung phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững giao thông vận tải trong báo cáo quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến, nội dung “ <i>phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững giao thông</i> ” trình bày tại Phần III, mục V, điểm “1.10 phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững giao thông vận tải”
	- Đề nghị rà soát, bổ sung Phụ lục quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh theo từng lĩnh vực: đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, trong đó bao gồm quy hoạch hạ tầng cấp quốc gia và quy hoạch hạ tầng cấp tỉnh.	Tiếp thu ý kiến, thống nhất bổ sung “ <i>Phụ lục quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh theo từng lĩnh vực: đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không</i> ”
	<p><b>3.3. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:</b></p> <p>theo hồ sơ quy hoạch tỉnh, giai đoạn 2021-2030 dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh Đồng Nai là rất lớn, khoảng 2.344.000 tỷ đồng (99 tỷ USD), trong đó giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 680.000 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 1.664.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, nội dung về các giải pháp huy động vốn viết rất chung chung, chưa rõ cho từng giai đoạn và từng nguồn vốn. Đề nghị làm rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, đặc biệt là vốn FDI, ODA, đầu tư theo phương thức PPP... và tính tự chủ của tỉnh Đồng Nai trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra; xác định cơ cấu nguồn vốn để triển khai các dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi.</p>	Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa
	<p><b>3.5. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh</b></p>	
	- Đề nghị bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư; các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư trong danh mục ưu tiên; phân tách các dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030, bổ sung dự kiến sơ bộ tổng mức đầu tư cho danh mục dự án đề xuất làm cơ sở tính toán, cân đối nguồn lực	Đã tiếp thu ý kiến và đã cập nhật tại mục danh mục đầu tư

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thực hiện. Ngoài ra, đề nghị bổ sung danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách, các dự án ưu tiên thu hút đầu tư.	
	- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, rà soát các dự án trọng điểm kết nối vùng Đông Nam Bộ theo nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để cập nhật vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.	Đã tiếp thu ý kiến
	- Đề nghị rà soát, hoàn thiện danh mục dự án trọng điểm, trong đó điều chỉnh nguồn vốn đầu tư các dự án CHKQT Long Thành, cao tốc Bến Lức - Long Thành, Biên Hòa - Vũng Tàu, Dầu Giây - Phan Thiết (hồ sơ đang dự thảo do Tỉnh đầu tư).	Các công trình giao thông Quốc gia Do bộ GTVT đầu tư, sẽ không tính vốn đầu tư từ nguồn lực của tỉnh
	<b>4. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch (ĐMC)</b>	
	<b>4.1. Nhận xét chung:</b> Báo cáo ĐMC cơ bản đủ các nội dung theo Khoản 2 Điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; cấu trúc cơ bản tuân thủ mẫu báo cáo tại mẫu 01b Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, nội dung quy hoạch tại báo cáo ĐMC chưa tương ứng với Báo cáo quy hoạch.	Đã tiếp thu và sửa đổi
	<b>4.2. Ý kiến về báo cáo ĐMC</b>	



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- Báo cáo ĐMC cần được bổ sung đầy đủ mục “Kết luận, kiến nghị và cam kết” vì mục này chưa thuyết minh đầy đủ (3 mục còn bỏ trống không có thông tin).	Đã tiếp thu và bổ sung
	<b>- Về nội dung chi tiết các chương trong báo cáo ĐMC:</b>	
	+ Chương 1 (Tóm tắt nội dung của quy hoạch): đề nghị rà soát nội dung quy hoạch chương này, chỉnh sửa cho ngắn gọn và đủ nội dung, phương án quy hoạch theo báo cáo quy hoạch (báo cáo tóm tắt); chỉnh sửa bổ sung sự phù hợp quy hoạch tỉnh và quy hoạch quốc gia về kết cấu hạ tầng GTVT (đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa, hàng không); bổ sung công trình dự án, lộ trình triển khai của quy hoạch.	Đã bổ sung tại mục (3) Kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng,
	+ Chương 2 (Phạm vi đánh giá môi trường chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch): bổ sung bản đồ hiện trạng môi trường của tỉnh, lưu ý các rõ khu vực vườn Quốc gia (Cát Tiên), khu vực rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn (của hồ Trị An)... có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.	Đã bổ sung bảng: Hiện trạng các khu vực quan trắc chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh mục 2.2.1.1. Hiện trạng môi trường đất; Hình. Mạng lưới quan trắc nước mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014–2020 tại mục 2.2.1.2. Hiện trạng môi trường nước và Hình : Mạng lưới quan trắc môi trường không khí tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020 tại 2.2.1.3. Hiện trạng môi trường không khí
	+ Chương 3 (Đánh giá tác động của quy hoạch đến môi trường): Chưa có bản đồ phân vùng môi trường, chưa thể hiện được vùng nào cần bảo vệ nghiêm ngặt, vùng nào phát triển nhưng có kiểm soát; chưa rõ các vấn đề môi trường chính và đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch.	Đã tiếp thu và làm rõ bổ sung nguyên tắc phân vùng, Bảng Phân vùng môi trường tỉnh Đồng Nai theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP tại mục 4.2.2. Định hướng bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường, chương 4.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>+ Chương 4 (Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính): nghiên cứu bổ sung các “Giải pháp cho việc quản lý và BVMT thông qua công cụ kinh tế và pháp lý” nêu rõ là các chính sách, cơ chế nào của tỉnh cần chỉnh sửa, bổ sung để thực hiện đồng bộ các mục tiêu về BVMT và phát triển kinh tế.</p>	<p>Đã bổ sung 2 giải pháp tại mục 4.2.1. Định hướng áp dụng công cụ quản lý môi trường của Quy hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng Thu phí theo khối lượng, mức độ độc hại</li> </ul> <p>Để giải quyết bất cập này, Bộ TN&amp;MT đưa vào trong Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020 một mục riêng về “Công cụ kinh tế cho BVMT”. Trong đó, đã đưa ra quy định về chính sách thuế, phí về BVMT nhằm nâng cao, tạo hành lang pháp lý trong quá trình tổ chức triển khai áp dụng hai loại công cụ kinh tế quan trọng này.</p> <p>Giai đoạn 2016-2020, tỉnh Đồng Nai đã sử dụng thuế BVMT nhưng chủ yếu thu theo thuế dựa trên đơn vị sản phẩm, nhưng giai đoạn 2021-2030 đã đưa ra nguyên tắc thu thuế không chỉ thu theo các sản phẩm, hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường trong quá trình sử dụng mà còn dựa trên chất ô nhiễm môi trường, tức là có thể thu thuế dựa theo chất thải ra môi trường, mức độ độc hại của chất thải.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về phí BVMT, tỉnh cũng cần áp dụng, bám sát Luật nhằm đưa ra những nguyên tắc thu phí sát thực hơn nhằm mục tiêu thay đổi hành vi của người gây ô nhiễm, thu phí theo khối lượng, mức độ độc hại của chất ô nhiễm thải ra môi trường, đặc điểm của môi trường tiếp nhận chất thải; mức độ tác động xấu đến môi trường của</li> </ul>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hoạt động khai thác khoáng sản; tính chất dịch vụ công thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thiết lập các quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Việc thiết lập các quan hệ này tạo nên hệ thống liên kết trong việc tham gia phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu vì một môi trường toàn cầu xanh, sạch; đồng thời tranh thủ được việc ứng dụng các công nghệ trong quản lý và bảo vệ môi trường, sản xuất và sử dụng các năng lượng sạch cho môi trường; hợp tác đấu tranh với các tội phạm môi trường có tổ chức, xuyên quốc gia.</p>
	<p>+ Chương 5 (Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược): bổ sung bảng đánh giá kết quả tham vấn theo mẫu tại Phụ lục của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; nghiên cứu bổ sung thêm đối tượng tham vấn là các tỉnh lân cận trong vùng về nội dung báo cáo ĐMC (trang 169-171).</p>	<p>Đã bổ sung tại mục 5.2.1. Kết quả xin ý kiến đối với dự thảo báo cáo ĐMC</p>
	<p>+ Kết luận, kiến nghị: đề nghị bổ sung theo các tiêu đề mục; bổ sung nêu rõ việc có hay không việc điều chỉnh quy hoạch sau khi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; nêu rõ các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường (theo các lĩnh vực) sẽ được triển khai trong quá trình thực hiện quy hoạch (trang 172).</p>	<p>Đã bổ sung các tiêu đề mục, 1. Vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường</p> <p>2. Kết luận</p> <p>2.1. Kết luận chung về sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch tỉnh với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững</p> <p>2.2. Kết luận chung về kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch; giải pháp duy trì xu hướng tích cực,</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính</p> <p>3. Về hiệu quả của ĐMC</p> <p>3.1. Các đề xuất, kiến nghị từ kết quả ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch</p> <p>3.2. Các nội dung quy hoạch đã được điều chỉnh</p> <p>3.3. Các vấn đề còn chưa có sự thống nhất giữa yêu cầu phát triển và bảo vệ môi trường</p> <p>4. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch và kiến nghị hướng xử lý</p>
	<p>+ Rà soát, bổ sung chủng loại, sản phẩm bản đồ kèm theo quy hoạch, đảm bảo đủ theo quy định Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung</p>

**21. Bộ Xây dựng (Văn bản số 3795/BXD-QHKT ngày 22 tháng 08 năm 2023)**

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	<p>2. Một số nội dung đề nghị nghiên cứu bổ sung, làm rõ:</p> <p>a) Bổ sung các căn cứ pháp lý gồm:</p> <p>Nghị quyết</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;</li><li>- 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 (thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQ1-114 giải thích một số điều của Luật Quy hoạch);</li><li>- 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;</li><li>- 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.</li></ul> <p>Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến chỉnh sửa bổ sung tại phần III.Căn cứ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;</li> <li>- 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 ban hành Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030;</li> <li>- 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030;</li> <li>- 154/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 về việc điều chỉnh kéo dài kỳ quy hoạch khoáng sản làm Vật liệu xây dựng, khoáng sản làm Xi măng đến khi quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và Sử dụng các loại khoáng sản làm Vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quan điểm, định hướng của Trung ương, của tỉnh gắn với sự phát triển của địa phương.</li> </ul>	

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2	<p>Về đánh giá hiện trạng phát triển:</p> <p>Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng phát triển ngành Xây dựng quản lý như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014; Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2030 được phê duyệt tại</li> <li>- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 27/01/2022; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh...</li> </ul> <p>Trong đó làm rõ kết quả đạt được so với mục tiêu quy hoạch thời kỳ trước, nêu cụ thể những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết về phát triển đô thị và nông thôn và thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.</p>	<p>Đánh giá thực hiện QHXD vùng tỉnh năm 2014 được bổ sung các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả đạt được so với mục tiêu</li> <li>- Tồn tại hạn chế</li> <li>- Nguyên nhân</li> <li>- Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết</li> </ul> <p>Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được phê duyệt năm 2022, do đó mới bắt đầu thực hiện, chưa có đánh giá kết quả.</p> <p>Để tránh làm loãng nội dung BCTH, nội dung nói trên chỉ đề cập thông tin một cách khái quát trong BCTH. Nội dung chi tiết được trình bày trong BC chuyên đề, đưa vào phần phụ lục của BCTH.</p> <p>Bên cạnh đó, đã bổ sung nội dung tóm lược tại BCTH, Phần II, Mục IV. Đánh giá rà soát quy hoạch và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch”.</p> <p>Bên cạnh đó, đơn vị tư vấn cũng đã bổ sung nội dung chi tiết tại Báo cáo chuyên đề I.3. “Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Đồng Nai”;</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3	<p>Đề nghị rà soát, các nội dung về phát triển nhà ở trong Báo các quy hoạch để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia (2126/QĐ-TTg) và Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đồng Nai (320/QĐ-UBND).</p>	<p>Đã bổ sung nội dung về phát triển nhà ở, trong đó đảm bảo về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính phù hợp với Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia (2126/QĐ-TTg) và Chương trình phát triển nhà ở tỉnh</li> <li>- Tính phù hợp với nhu cầu thực tiễn và nguồn lực.</li> </ul>
4	<p>Dự thảo cần bổ sung phân tích làm rõ xu hướng phát triển dân số đô thị, nông thôn; xu hướng nhập cư, xuất cư tại các đô thị, khu vực trọng điểm như Biên Hòa, Trảng Borm, Nhơn Trạch, Long Thành và trên toàn tỉnh để đánh giá cụ thể tình hình phát triển dân số tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2020.</p> <p>Các số liệu hiện trạng đề nghị cập nhật đến năm 2022.</p>	<p>Đã đã phân tích xu hướng phát triển dân số đô thị, nông thôn; xu hướng nhập cư, xuất cư tại các đô thị, khu vực trọng điểm tại phần I, chương II. Điều kiện dân số, lao động, văn hoá – xã hội.</p> <p>Nhiệm vụ xác định, thời kỳ quy hoạch là 2021-2030, năm hiện trạng là năm 2020. Do đó số liệu hiện trạng chính thức được lấy theo năm 2020. Ngoài ra, có bổ sung số liệu năm 2022 để đảm bảo cập nhật theo thời điểm hiện tại. Hiện tại nhiều huyện thị chưa có Niên giám 2022, nên chưa thể thực hiện cập nhật dữ liệu, mà vẫn sử dụng dữ liệu 2021.</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
5	<p>Đề nghị bổ sung, làm rõ: Đặc điểm, tổ chức phân bố các đô thị và mật độ dân số tại các đô thị, khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh; có nội dung rà soát về quy mô đô thị (đất đai, dân số) so với quy mô quy hoạch được duyệt tại các quy hoạch có liên quan như Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - Xã hội tỉnh Đồng Nai, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, các đề án quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Đã bổ sung tại phần II, chương IV. Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị, nông thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, tổ chức phân bố các đô thị và mật độ dân số tại các đô thị, khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh</li> <li>- So sánh với các quy hoạch được duyệt.</li> </ul> <p>Để tránh làm loãng nội dung BCTH, nội dung nói trên chỉ đề cập thông tin một cách khái quát trong BCTH. Nội dung chi tiết được trình bày trong BC chuyên đề, đưa vào phần phụ lục của BCTH.</p>
6	<p>Trên cơ sở quy định pháp luật về phân loại đô thị, Nghị quyết 37-NQ/TW về việc sắp xếp các đơn vị hành chính huyện/xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát toán hệ thống đô thị về diện tích và dân số...</li> <li>- Đánh giá phân loại đô thị</li> <li>- Đề xuất mở rộng, sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh</li> </ul> <p>Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát toán hệ thống đô thị về diện tích và dân số...</li> <li>- Đánh giá phân loại đô thị</li> <li>- Đề xuất mở rộng, sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh</li> <li>- Kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh.</li> </ul>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
7	<p>Bổ sung đánh giá tình hình phân loại đô thị theo Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 và tình hình phân loại đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Nai được phê duyệt. Việc đánh giá thực hiện quy hoạch, chương trình, định hướng về phát triển đô thị thời kỳ trước chưa được thể hiện theo các quy định điểm d, khoản 2, Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và khoản 2, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	<p>Bổ sung nội dung tóm lược tại BCTH, Phần II, Mục IV. Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị, nông thôn</p> <p>Đã bổ sung đánh giá tình hình phân loại đô thị theo Chương trình phát triển đô thị quốc gia và Chương trình phát triển đô thị tỉnh, thể hiện theo quy định của Luật Quy hoạch.</p> <p>Trong đó: Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh.</p>
8	<p>Bổ sung làm rõ việc thực hiện, quản lý các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn đã được phê duyệt; các dự án đầu tư bất động sản, xây dựng hạ tầng đô thị (đặc biệt là khu đô thị, hệ thống giao thông), các dự án chính sách ưu tiên phát triển trọng điểm đến 2020. Xác định các khó khăn trong quá trình thực hiện theo quy hoạch xây dựng và nguyên nhân.</p>	<p>Bổ sung nội dung tóm lược tại BCTH, Phần II, chương IV. Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị, nông thôn</p> <p>và chương V. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh</p> <p>Đã bổ sung đánh giá thực hiện quy hoạch, dự án.</p> <p>Đã bổ sung nhận diện các khó khăn và nguyên nhân trong quá trình thực hiện theo quy hoạch.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
9	<p>Bổ sung đánh giá tình hình phát triển đô thị thông minh theo Đề án Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030; đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; đánh giá tình hình thực hiện Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020.</p>	<p>Đã bổ sung đánh giá tình hình thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam</li> <li>- Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam</li> <li>- Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với Biến đổi khí hậu</li> </ul>
10	<p>Hiệu chỉnh Bảng 26: Hiện trạng xếp hạng loại đô thị toàn tỉnh Đồng Nai (trang 227 Báo cáo thuyết minh quy hoạch) theo hướng nêu chính xác các đô thị loại IV, V. Ví dụ: Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú là đô thị loại V...</p>	<p>Hiệu chỉnh Bảng 26: “Hiện trạng xếp hạng loại đô thị toàn tỉnh Đồng Nai” theo góp ý.</p>
11	<p>- Về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:</p> <p>+ Giao thông: Đề nghị bổ sung thực trạng phát triển hệ thống đường đô thị, xác định hiện trạng các chỉ tiêu như: tỷ lệ diện tích đất giao thông so với đất xây dựng đô thị, mật độ, tỷ lệ diện tích đất giao thông tính trên dân số, tỷ lệ giao thông công cộng, . . .; Bổ sung, đánh giá về kết nối hạ tầng giao thông đường tỉnh với hạ tầng giao thông đô thị, nông thôn trong đó cần tập trung làm rõ đối với các đô thị của tỉnh như: thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh, đô thị Nhơn Trạch, đô thị Long Thành và đô thị Trảng Born,... và các khu vực định hướng phát triển đô thị của tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở phân tích, đánh giá và đưa ra các đề xuất định hướng phát triển.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa bổ sung</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
12	+ Cấp nước: Bổ sung giá hiện trạng hạ tầng cấp nước đô thị, xác định hiện trạng các chỉ tiêu như: tỷ lệ Cấp nước đô thị, tỷ lệ thất thoát; Bổ sung danh mục và hiện trạng công suất thiết kế và khai thác của các nhà máy cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung này
	+ Thoát nước mưa: Bổ sung hiện trạng hệ thống thoát nước và đánh giá về thoát nước chống ngập tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu ý kiến và rà soát chỉnh sửa bổ sung
13	+ Rà soát bổ sung đánh giá thực hiện các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 (Quyết định Số 1101/QĐ-TTg ngày 05/9/2018), Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 (Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06/01/2015),..	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được rà soát, bổ sung vào nội dung thuyết minh, tuy nhiên Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 (Quyết định Số 1101/QĐ-TTg ngày 05/9/2018) là phê duyệt nhiệm vụ đồ án, đồ án chưa được phê duyệt nên chưa có cơ sở đánh giá
14	<p><i>c1) Về tỷ lệ đô thị hóa:</i></p> <p>Theo Báo cáo tổng hợp, tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 của tỉnh Đồng Nai là 45% và chưa làm rõ quy mô dân số và dân số nội thị tại từng đô thị; định hướng phát triển đô thị đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 70-80%, không xác định đi quy mô dân số đô thị.</p> <p>Đề nghị làm rõ các luận cứ làm cơ sở dự báo tỷ lệ đô thị hóa, dân số đô thị đảm bảo phù hợp thực tiễn phát triển và nguồn lực của địa phương trong giai đoạn tới.</p>	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ bổ sung tỷ lệ đô thị hóa từng đô thị hiện tại và dự báo dân số đến năm 2030 trên địa bàn toàn tỉnh và từng đô thị để có cơ sở tính toán tổng hợp cụ thể.
15	<p><i>c2) Về định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và khu chức năng:</i></p> <p>- Về phương hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh:</p>	Đã hiệu chỉnh bảng 74 về đô thị Nhơn Trạch đến năm 2030 đạt tiêu chí loại II.

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Tại Bảng 74: Hệ thống đô thị tỉnh Đồng Nai định hướng đến năm 2030 (trang 498 Báo cáo thuyết minh quy hoạch): dự kiến đến năm 2030 đô thị Nhơn Trạch là 1 trong 2 đô thị loại II, tuy nhiên nội dung tại mục (3) nêu Đô thị Nhơn Trạch đạt tiêu chí đô thị loại III trước năm 2030. Đề nghị hiệu chỉnh đảm bảo sự thống nhất.</p> <p>Tỉnh Đồng Nai hiện có 11 đô thị, Báo cáo thuyết minh quy hoạch đề xuất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai có 30 đô thị (tăng thêm 19 đô thị mới); trong đó, các đô thị nâng loại 1à: TP. Long Khánh và H. Nhơn Trạch (loại II); H. Long Thành và H. Trảng Bom (loại III); 6 đô thị loại IV; và 19 đô thị mới loại V. Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, cân nhắc tính khả thi của phương án phát triển đô thị nêu trên, đặc biệt đối với Nhơn Trạch và Trảng Bom và 19 đô thị mới loại V về trình tự thủ tục, nguồn lực đầu tư xây dựng cơ Sở hạ tầng đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị. Đồng thời, việc đề xuất phát triển số lượng lớn các đô thị loại V trên địa bản tính cần được luận cứ đầy đủ Về cơ sở hình thành đô thị, đảm bảo phù hợp với phương án tổ chức các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bản tính và kịch bản phát triển kinh tế xã hội được lựa chọn.</p> <p>Việc phát triển 05 đô thị loại V (Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân) tại huyện Vĩnh Cửu sẽ hình thành vùng đô thị hóa lớn tiếp nối với không gian đô thị thành phố Biên Hòa; phát triển khu dân cư đô thị dọc tuyến quốc lộ 1A kéo dài từ thành phố Biên Hòa đến Long Khánh sẽ dẫn tới hạn chế hoạt động giao thông trên quốc lộ và tổ chức hạ tầng Xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị. Do đó, cần nghiên cứu, đề xuất giải pháp cụ thể để quản lý sử dụng đất và phát triển đô thị hiệu quả, tiết kiệm đất đai. Đồng thời, cần xem xét về quy mô, định hướng phát triển đô thị phù hợp với phương án tổ chức đơn vị hành chính dự kiến.</p>	<p>Đã bổ sung luận cứ nâng loại các đô thị. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên Hòa</li> <li>- Long Khánh</li> <li>- Nhơn Trạch</li> <li>- Long Thành</li> <li>- Trảng Bom</li> <li>- Các thị trấn Tân Phú, Định Quán, Long Giao, Cẩm Mỹ...</li> <li>- 19 đô thị loại V mới</li> <li>- 5 đô thị Vĩnh Cửu phía Bắc TP Biên Hòa</li> </ul> <p>Phương án giao thông đã đề cập phạm vi ảnh hưởng tĩnh không của sân bay Long Thành</p> <p>Đối với khu vực quanh hồ Trị An:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉnh có đồng quan điểm về bảo tồn và phát triển rừng.</li> <li>- Hồ Trị An là một địa điểm du lịch chính trong tuyến du lịch sông Đồng Nai, vì vậy cần phát triển du lịch theo hướng bền vững. Các phát triển du lịch tại khu vực phải đảm bảo tính sinh thái tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về môi trường.</li> </ul>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Làm rõ phạm vi ảnh hưởng của cảng hàng không quốc tế Long Thành (tỉnh không đầu, tỉnh không cuối và tỉnh không sườn), làm cơ sở xác định khu vực phát triển dân cư, khu dân dụng đảm bảo yêu cầu về an toàn hàng không và môi trường.</p> <p>Đối với khu vực xung quanh hồ Trị An cần ưu tiên phát triển rừng phòng hộ để bảo vệ nguồn nước cấp cho các đô thị vùng Đông Nam Bộ; hạn chế phát triển dân cư, khu du lịch và các hoạt động chức năng khác, làm ảnh hưởng đến ý nguồn nước và cảnh quan sinh thái khu vực.</p>	<p>Các khu dân cư hiện hữu được định hướng cải tạo, chỉnh trang và tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt để đảm bảo môi trường. Trong khu vực bảo vệ mặt nước quanh hồ, không định hướng phát triển khu dân cư mới.</p>
16	<p>- Về phương án phân vùng và phát triển các đô thị: Dự thảo báo cáo đề xuất 03 vùng phát triển kinh tế - đô thị (gồm: Vùng nông nghiệp, vùng công nghiệp - dịch vụ, vùng sinh thái); 05 tuyến hành lang (gồm: Đông Tây, Bắc Nam, Tây Nam, Đông Bắc, sông Đồng Nai); 03 vành đai (gồm: vành đai 4, vành đai 5, vành đai 6).</p> <p>Tuy nhiên, các phương án phân vùng và trục hành lang nêu trên chưa nêu rõ nguyên tắc quản lý phát triển đô thị tại từng phân vùng, tuyến trục; chưa làm rõ phạm vi dự kiến của các đô thị mới, đô thị mở rộng và phương án tổ chức đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở lập và quản lý quy hoạch chung đô thị đồng bộ, hiệu quả.</p>	<p>Đã bổ sung nội dung về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên tắc quản lý phát triển theo phân vùng</li> <li>- Nguyên tắc quản lý phát triển tuyến trục</li> </ul> <p>Tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp, Phần III, Mục III. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội, Tiểu mục 3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh</p>
17	<p>Về phương án phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn: Đề nghị bổ sung các nguyên tắc, định hướng tổ chức phân bố dân cư, tổ chức không gian của các điểm dân cư nông thôn theo các phân vùng.</p>	<p>Đã bổ sung các nguyên tắc, định hướng tổ chức phân bố dân cư, tổ chức không gian của các điểm dân cư nông thôn theo các phân vùng.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp, phần III, chương IV, mục 2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn
18	<p>Đề nghị rà soát quy mô nhu cầu Sử dụng đất dành cho phát triển các khu chức năng (công nghiệp, khu kinh tế, du lịch. . .), đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất phân bố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.</p>	<p>Đã xin tiếp thu và cập nhật, hoàn thiện chỉ tiêu các khu chức năng phù hợp với phương án quy hoạch phát triển đô thị của Quy hoạch tỉnh và các khu chức năng khác theo chỉ tiêu đã được phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg.</p>
19	<p>d) Về phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh:</p> <p>- Đề nghị bổ sung làm rõ phương án quy hoạch thủy lợi, xác định cụ thể phân vùng tiêu thoát nước, trục tiêu thoát nước tự nhiên và hành lang bảo vệ các trục tiêu thoát nước, công trình đầu mối điều tiết nước trên địa bàn tỉnh (đặc biệt theo các lưu vực: (1) Tân Phú, Vĩnh Cửu, Thống Nhất Trảng Borm, Biên Hòa và (2) Thống Nhất, Long Khánh, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch; làm cơ sở tổ chức phân bố dân cư, phát triển đô thị phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>	<p>Đơn vị lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung phân vùng tiêu thoát nước, trục tiêu thoát nước tự nhiên và hành lang bảo vệ các trục tiêu thoát nước.. trên địa bàn tỉnh tại Phần III, mục 5, khoản 4, điểm e và phụ lục danh mục hành lang bảo vệ hệ thống sông kênh.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
20	<p>- Căn cứ Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu (438/QĐ-TTg), đề xuất các giải pháp (VD: Lập hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ cảnh báo rủi ro BĐKH tại đô thị, Atlas Đô thị và Khí hậu; chương trình phát triển đô thị ứng phó BĐKH, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh.)</p>	<p>Đã bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.</p>
21	<p><i>đ) Phương án phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng:</i></p> <p>- Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, cấp nước, thu gom và xử lý thoát nước thải, các khu xử lý chất thải,... cần được nghiên cứu, tính toán trên cơ sở nhu cầu theo dự báo phát triển của tỉnh Đồng Nai, đồng thời phải phù hợp với các quy hoạch vùng (Quy hoạch Vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tại Quyết Định số 463/QĐ-TTg ngày 14/4/2022), làm cơ sở đưa ra các định hướng phát triển phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được tiếp tục rà soát các quy hoạch cấp trên để thống nhất công trình đầu mối cấp vùng, cấp quốc gia liên quan</p>
22	<p>- Bổ sung phương án phát triển hệ thống đường đô thị, đảm bảo đạt được chỉ tiêu đặt ra đối với giao thông đô thị theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó, đặt mục tiêu “Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030”; Nguyên tắc kết nối hạ tầng giao thông đô thị với hạ tầng giao thông vùng, liên vùng.</p>	<p>Trong QH tỉnh chi thực hiện để hệ thống đường Quốc lộ, đường tỉnh quản lý, các tuyến trục chính liên huyện, liên đô thị. Hệ thống đường đô thị sẽ được thực hiện trong quy hoạch xây dựng và quy hoạch chi tiết đô thị; khi đó sẽ tính toán đảm bảo tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị.</p>



Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
23	- Về Cấp nước: Việc định hướng, đề xuất phát triển các nhà máy nước cần đảm bảo quy mô diện tích, công suất Và các yêu cầu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, hạn chế việc phát triển các nhà máy nước ngầm theo định hướng của Chính phủ.	Tiếp thu ý kiến và xem xét rà soát các quy chuẩn hiện hành để đảm bảo đúng quy định và việc hạn chế việc phát triển các nhà máy nước ngầm theo định hướng của Chính phủ là phù hợp, do đó đơn vị tư vấn sẽ rà soát để phù hợp
24	- Thoát nước: Bổ sung phương án phát triển hạ tầng thu gom và xử lý nước thải, đưa ra chỉ tiêu tỷ lệ thu gom nước thải tại các đô thị; Bổ sung phân chia lưu vực thoát nước mưa các đô thị trong đó có xét đến yếu tố tác động của biến đổi khí hậu.	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được rà soát và bổ sung vào thuyết minh phần chỉ tiêu thoát nước
25	- Chất thải rắn: Rà soát, đánh giá và kế thừa các nội dung quy hoạch xử lý chất thải rắn liên vùng còn tính khả thi, phù hợp trong đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết Định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017) và đồ án Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 (Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06/01/2015), làm cơ sở tích hợp vào nội dung quy hoạch xử lý chất thải rắn trong Quy hoạch tính.	Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được rà soát chỉnh sửa phù hợp với quy hoạch chuyên ngành cấp trên
26	- Bổ sung cập nhật Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022); Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển (Quyết định Số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021); Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Quyết, định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021); Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay (Quyết định 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023).	Đã tiếp thu ý kiến và cập nhật tại phần IV. Căn cứ lập quy hoạch

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
27	<p>e) Về phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực và khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo chưa làm rõ tiêu chí để xác định khu vực động lực, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn để xác định cụ thể phạm vi khu vực sẽ áp dụng chính sách ưu đãi, khuyến khích.</li> </ul>	<p>Đối với nội dung vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai không còn khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025</p>
28	<p>Hiện nay, tỉnh Đồng Nai đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc lập điều chỉnh quy hoạch các đô thị: Nhơn Trạch, Trảng Bom, Long Thành với định hướng trở thành các thành phố, thị xã đến năm 2045.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ phương án phát triển, liên kết các đô thị nêu trên.</li> <li>- Tổ chức phân bố dân cư và quản lý phát triển đô thị diện rộng.</li> </ul> <p>Việc tổ chức không gian từng đô thị cần được nghiên cứu quy hoạch chung đô thị.</p>	<p>Tại Báo cáo tổng hợp, Phần III, Mục IV. Phương án phát triển hệ thống đô thị - nông thôn và các khu chức năng, Tiểu mục 1. Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị</p> <p>Các đô thị nêu trên nằm trong Phân vùng I. Nội dung phương án quy hoạch phân vùng này đã đề cập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án phối hợp phát triển, liên kết các đô thị trong vùng.</li> <li>- Tổ chức phân bố dân cư và quản lý phát triển đô thị theo phân vùng.</li> </ul> <p>Tỉnh có đồng quan điểm về việc tổ chức không gian từng đô thị sẽ được nghiên cứu sau ở bước quy hoạch chung đô thị. QHT chỉ đưa ra các nguyên tắc quản lý bao trùm, các định hướng lớn, liên kết giữa các đô thị.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
29	<p><i>f) Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện:</i></p> <p>Việc phân vùng chức năng, đề xuất chỉ tiêu đất đai và hạ tầng kỹ thuật tại từng đô thị Biên Hòa, Long Thành, Trảng Bom, Nhơn Trạch cần được xác định theo đồ án quy hoạch chung đô thị.</p> <p>Định hướng phát triển không gian vùng huyện Thống Nhất đề xuất vùng 05 Xã Kiệm Tân trở thành đô thị loại V; phát triển khu dân cư đô thị ở trung tâm các xã tại huyện Cẩm Mỹ, Thống Nhất là chưa đồng bộ với phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn nêu tại mục IV phần III của BCTH.</p> <p>Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện cần bổ sung các bản đồ theo quy định tại Mục IX, Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	<p>Tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp, Phần III, Mục VII. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện</p> <p>Nguyên tắc phân vùng chức năng, một số chỉ tiêu chính về đất đai và hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị Biên Hòa, Long Thành, Trảng Bom, Nhơn Trạch đã được xác định trong QHT, và sẽ được cụ thể hóa trong điều chỉnh QHC đô thị.</p> <p>Đã hiệu chỉnh để thống nhất nội dung giữa QH huyện Thống Nhất và Phương án hệ thống đô thị.</p> <p>Đã bổ sung bản đồ QHXD vùng huyện.</p>
30	<p><i>g) Về phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội:</i></p> <p>Phương án tổ chức không gian cần nghiên cứu, đề xuất phù hợp với các nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được tổ chức lập;</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>- Bổ sung nội dung bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, vùng bảo tồn đã được xác định tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ trong phương án quy hoạch tỉnh. Xác định rõ phạm vi các khu vực khuyến khích phát triển, khu vực hạn chế phát triển và các khu vực cần bảo tồn, bảo Vệ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, nội dung này sẽ được rà soát bổ sung phù hợp với quy hoạch chuyên ngành cấp trên</p>
31	<p><i>h) Về phương án phát triển nhà ở</i></p> <p>- Về Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh Đồng Nai:</p> <p>Ngày 22/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2126/QĐ-TTg, trong đó đã thể hiện mục tiêu phát triển cho các loại hình nhà ở như: nhà ở thương mại; nhà ở xã hội; nhà ở công vụ; nhà ở phục vụ tái định cư; nhà ở theo chương trình mục tiêu; nhà ở của hộ gia đình, cá nhân; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư... và giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động quy hoạch, bố trí quỹ đất phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn theo quy định pháp luật.</p> <p>Ngày 27/1/2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030 thì đến năm 2025 diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh phân đầu đạt 27 m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó: khu vực đô thị là 27,5 m<sup>2</sup> sàn/người, khu vực nông thôn là 26,5 m<sup>2</sup> sàn/người; đến năm 2030 diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh phân đầu đạt 30 m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó: khu vực đô thị là 31 m<sup>2</sup> sàn/người, khu vực nông thôn là 28,5 m<sup>2</sup> sàn/người.</p>	<p>Đã rà soát, hoàn thiện nội dung về nhà ở trong QHT, đảm bảo sự thống nhất và phù hợp giữa quy hoạch chung với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Đề nghị rà soát các nội dung về nhà ở trong Quy hoạch tỉnh đảm bảo sự thống nhất và phù hợp giữa quy hoạch chung với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.</p>	
32	<p>Về việc phát triển nhà ở chung cư và nhà ở cho thuê:</p> <p>Theo phương án phát triển hệ thống đô thị đến năm 2030 thì tỉnh Đồng Nai có TP. Biên Hòa là đô thị loại I.</p> <p>Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Nhà ở 2014 thì: “đối với đô thị loại đặc biệt, loại I và loại 2 thì chủ yếu phát triển nhà chung cư và xây dựng nhà ở để cho thuê”.</p> <p>Tuy nhiên, trong phương án quy hoạch TP. Biên Hòa (mục 1 Phần VII từ trang 652 của Báo cáo tổng hợp) chưa có nội dung về nhà ở chung cư và nhà ở cho thuê.</p> <p>Đề nghị bổ sung, làm rõ định hướng phát triển nhà chung cư, nhà ở cho thuê tại đô thị nêu trên.</p>	<p>Phương án quy hoạch TP. Biên Hòa (mục 1 Phần VII, Báo cáo tổng hợp)</p> <p>Đã bổ sung, làm rõ định hướng phát triển nhà chung cư, nhà ở cho thuê tại TP. Biên Hòa.</p>
	<p>- Về việc phát triển nhà ở xã hội:</p> <p>Theo định hướng kế hoạch phân loại đô thị thì đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai có TP. Biên Hòa là đô thị loại I, 2 đô thị loại II, 2 đô thị loại III, 6 đô thị loại IV, 19 đô thị loại V.</p> <p>Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2015/NĐ-CP) quy định:</p>	<p>Tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp, Phần III, Mục XIV. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch</p> <p>Đã bổ sung nội dung về nhu cầu, quy hoạch bố trí quỹ đất NOXH, đặc biệt là nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động tại các KCN, CCN trên địa bàn.</p> <p>Đã bổ sung giải pháp tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt: liệt kê các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung, phân khu xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p><i>“Tại các đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II và loại III trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng nông thôn; quy hoạch phát triển khu công nghiệp; quy hoạch xây dựng các cơ sở giáo dục đại học, trường dạy nghề (trừ viện nghiên cứu khoa học, trường phổ thông dân tộc nội trú công lập trên địa bàn), Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm căn cứ vào nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn và chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt để bố trí đủ quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội; chỉ đạo cơ quan chức năng xác định cụ thể vị trí, địa điểm, quy mô diện tích đất của từng dự án xây dựng nhà ở xã hội đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để phát triển nhà ở xã hội”.</i></p> <p><i>“Tại các đô thị loại IV và loại V, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị được phê duyệt hoặc chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để yêu cầu chủ đầu tư dành một phần diện tích đất ở trong , dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội”.</i></p> <p>Tuy nhiên, trong nội dung phương án phát triển các đô thị trong Báo cáo tổng hợp chưa nêu rõ nội dung về nhà ở xã hội tại từng đô thị, đặc biệt là nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động tại các KCN, CCN trên địa bàn. Do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung nội dung về nhu cầu, quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở công nhân làm việc tại các KCN, CCN cho phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>vùng huyện cần được tổ chức lập, phê duyệt để đáp ứng yêu cầu quản lý trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Đã bổ sung giải pháp quản lý, triển khai quy hoạch, đặc biệt đối với giải pháp quản lý quy hoạch sử dụng đất cho các công trình hạ tầng kỹ thuật (xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng).</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>i) Về tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt: Đề nghị xác định rõ các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung, phân khu xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện cần được tổ chức lập, phê duyệt để đáp ứng yêu cầu quản lý trên địa bàn tính. Bổ sung giải pháp quản lý, triển khai quy hoạch khi được phê duyệt, đặc biệt đối với giải pháp quản lý quy hoạch sử dụng đất cho các công trình hạ tầng kỹ thuật (xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng) trong thời gian tới để đảm bảo triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại phần III, chương XIV. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch</p>
	<p>3. Một số ý kiến khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung, thành phần hồ sơ quy hoạch tỉnh Đồng Nai cần tuân thủ quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Điều 28 và Mục IX, Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐCP ngày 7/5/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Quá trình thực hiện cần xem xét phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia đang thực hiện để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Đồng thời tăng cường mối liên kết giữa các tỉnh trong Vùng, liên kết tỉnh Đồng Nai trong Vùng Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để phát huy lợi thế của tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung, thành phần hồ sơ quy hoạch tỉnh Đồng Nai đang được hoàn thiện, tuân thủ quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Điều 28 và Mục IX, Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐCP ngày 7/5/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Quy hoạch tỉnh Đồng Nai đang được hoàn thiện đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên kết với các quy hoạch liên quan.</li> </ul>
33	<p>- Nội dung quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn cần được thể hiện thống nhất với các bản đồ khác. Phương pháp thể hiện hệ thống bản đồ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai cần rà soát, đảm bảo các yêu cầu về quản lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, giám sát quy hoạch.</p>	<p>- Nội dung quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn đang được hoàn thiện, đảm bảo tính thống nhất với các bản đồ khác, đảm bảo các yêu cầu về quản lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, giám sát quy hoạch.</p>

Stt	ĐƠN VỊ/NỘI DUNG GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
34	<p>Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã có nội dung phương án phân bổ, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, trong đó có nêu các 4 nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.</p> <p>Tuy nhiên, theo Kết luận 48-KL/TW về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 616/CĐ-TTg ngày 04/7/2023 về việc rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023-2030 đề bổ sung nội dung rà soát, đánh giá các đơn vị hành chính thuộc diện bắt buộc phải sắp xếp và các đơn vị hành chính khuyến khích sắp xếp giai đoạn 2023-2025, giai đoạn 2026-2030, lưu ý lồng ghép các phương án sắp xếp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo đúng quy định pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương và yêu cầu chỉ đạo của trung ương.</p>	Đã tiếp thu và sẽ rà soát chỉnh sửa
35	<p>Bổ sung dự kiến tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đến năm 2030 theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 của Chính phủ Quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>	Đã bổ sung dự kiến tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đến năm 2030 theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP
36	<p>Đề xuất các dự án trọng tâm gắn với mục tiêu phát triển hệ thống đô thị, sắp xếp đơn vị hành chính theo các giai đoạn đến năm 2030.</p>	Đã đề xuất các dự án trọng tâm gắn với mục tiêu phát triển hệ thống đô thị, sắp xếp đơn vị hành chính